

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**Bộ Nông nghiệp
và Phát triển Nông thôn**

Bộ Y tế

**CHƯƠNG TRÌNH PHỐI HỢP HÀNH ĐỘNG QUỐC GIA PHÒNG
CHỐNG DỊCH CÚM GIA CẦM VÀ CÚM Ở NGƯỜI (OPI)**

2006-2010

19 tháng 5, 2006

CỤM TỪ VÀ VIẾT TẮT

<i>AA</i> <i>Cơ quan hành chính</i>	<i>MARD</i> <i>Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn</i>
<i>ODA</i> <i>Viện trợ phát triển chính thức</i>	<i>M&E</i> <i>Giám sát và Đánh giá</i>
<i>ADB</i> <i>Ngân hàng Phát triển Châu Á</i>	<i>MOET</i> <i>Bộ Giáo dục và Đào tạo</i>
<i>AFD</i> <i>Cơ quan Phát triển Pháp</i>	<i>MOF</i> <i>Bộ Tài chính</i>
<i>AHI</i> <i>Cúm gia cầm và cúm ở người</i>	<i>MOCI</i> <i>Bộ Văn hóa Thông tin</i>
<i>AI</i> <i>Cúm gia cầm</i>	<i>MOH</i> <i>Bộ Y tế</i>
<i>AIERP</i> <i>Dự án Khắc phục Khẩn cấp Dịch Cúm gia cầm</i>	<i>MPI</i> <i>Bộ Kế hoạch và Đầu tư</i>
<i>APEC</i> <i>Diễn đàn hợp tác kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương</i>	<i>NAEC</i> <i>Trung tâm Khuyến nông Quốc gia</i>
<i>ASEAN</i> <i>Hiệp hội các nước Đông Nam Á</i>	<i>NGO</i> <i>Tổ chức Phi chính phủ</i>
<i>CDC</i> <i>Trung tâm Phòng chống và Kiểm soát dịch bệnh Mỹ</i>	<i>NSCAI</i> <i>Ban Chỉ đạo Quốc gia phòng chống dịch Cúm gia cầm</i>
<i>CHE</i> <i>Trung tâm Giáo dục Y tế</i>	<i>NSCAHI</i> ... <i>Ban Chỉ đạo Quốc gia về Cúm gia cầm và Cúm ở người</i>
<i>DAH</i> <i>Cục Thú Y</i>	<i>NZAID</i> <i>Cơ quan Phát triển Quốc tế Niu-di-lân</i>
<i>DANIDA</i> ... <i>Cơ quan Phát triển Quốc tế Đan Mạch</i>	<i>ODA</i> <i>Nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức</i>
<i>DLP</i> <i>Cục Chăn nuôi</i>	<i>OIE</i> <i>Tổ chức Thú y Thế giới</i>
<i>DPM</i> <i>Cục Y tế Dự phòng</i>	<i>OPI</i> <i>Chương trình phối hợp hành động quốc gia chống Cúm gia cầm và Cúm ở người</i>
<i>EC</i> <i>Ủy ban Châu Âu</i>	<i>PAHI</i> <i>Hợp tác phòng chống Cúm gia cầm và Cúm ở người</i>
<i>EWARS</i> <i>Hệ thống Cảnh báo và Ứng phó dịch bệnh sớm</i>	<i>PPE</i> <i>Thiết bị bảo hộ cá nhân</i>
<i>FAO</i> <i>Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Thế giới</i>	<i>PSC</i> <i>Ban Chỉ đạo Chương trình</i>
<i>GDP</i> <i>Tổng sản phẩm quốc nội</i>	<i>TF</i> <i>Quỹ Ủy thác</i>
<i>GIS</i> <i>Hệ thống Thông tin Địa lý</i>	<i>UN</i> <i>Liên Hợp Quốc</i>
<i>GPAI</i> <i>Chương trình toàn cầu về phòng chống cúm gia cầm và chuẩn bị ứng phó với đại dịch cúm ở người</i>	<i>UNDP</i> <i>Chương trình phát triển của Liên Hợp Quốc</i>
<i>GoV</i> <i>Chính phủ Việt Nam</i>	<i>UNICEF</i> ... <i>Quỹ Nhi đồng Liên Hợp Quốc</i>
<i>HCW</i> <i>Nhân viên y tế</i>	<i>USAID</i> <i>Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa kỳ</i>
<i>HPAI</i> <i>Cúm gia cầm độc lực cao</i>	<i>VNRC</i> <i>Hội Chữ thập Đỏ Việt Nam</i>
<i>IDA</i> <i>Hiệp hội Phát triển Quốc tế</i>	<i>WB</i> <i>Ngân hàng Thế giới</i>
<i>IEC</i> <i>Thông tin, Giáo dục và Tuyên truyền</i>	<i>WHO</i> <i>Tổ chức Y tế Thế giới</i>

LỜI CẢM ƠN

Chương trình phối hợp hành động quốc gia phòng chống cúm gia cầm và cúm ở người (Sách Xanh) được soạn thảo chung giữa Chính phủ Việt Nam và một số cơ quan của Liên Hợp Quốc như Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Thế giới (FAO), Chương trình phát triển của Liên Hợp Quốc (UNDP), Quỹ Nhi đồng Liên Hợp Quốc (UNICEF), Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), và nhiều tổ chức hợp tác đa phương và song phương như Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB), *Cơ quan Phát triển Pháp* (AFD), Cơ quan Phát triển Quốc tế Đan Mạch (DANIDA), Ủy ban Châu Âu (EC), Cơ quan Phát triển Quốc tế Niu-di-lân (NZAID), Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa kỳ (USAID), và Ngân hàng Thế giới (WB).

Thay mặt Chính phủ, Tiến sĩ Cao Đức Phát (Bộ trưởng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn), Tiến sĩ Bùi Bá Bổng (Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn), Tiến sĩ Trịnh Quân Huân (Thứ trưởng Bộ Y tế) chỉ đạo chung chương trình.

Tham gia vào quá trình xây dựng, có Nhóm chuyên trách về Cúm gia cầm và cúm ở người của Chính phủ, do tiến sĩ Hoàng Văn Năm, phó Cục trưởng, Cục Thú Y (Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn) chủ trì, gồm tiến sĩ Vũ Sinh Nam, phó Cục trưởng, Cục Y tế Dự phòng (Bộ Y tế), ông Trần Thanh Dương, trưởng phòng, Cục Y tế Dự phòng (Bộ Y tế), bà Đào Thị Hợp, phó Trưởng phòng, vụ Hành chính sự nghiệp (Bộ Tài chính), tiến sĩ Chu Văn Chuông, chuyên viên chính, Vụ Hợp tác Quốc tế (Bộ NN&PTNT) và tiến sĩ Hoàng Kim Giao, phó Cục trưởng, Cục Chăn nuôi (Bộ NN&PTNT). Chương trình còn ghi nhận sự đóng góp quý báu từ bà Lại Thị Kim Lan, chuyên viên Cục Thú Y (Bộ NN&PTNT), bà Nguyễn Thu Thủy, chuyên viên Cục Thú Y (Bộ NN&PTNT), bà Nguyễn Phương Nga, chuyên viên Cục Y tế Dự phòng (Bộ Y tế), tiến sĩ Lê Văn Minh, Vụ trưởng Vụ Hợp tác Quốc tế, tiến sĩ Nguyễn Trần Hiền, Viện trưởng Viện Vệ sinh Dịch tễ Trung Ương (Bộ Y tế), ông Nguyễn Văn Bình, phó Cục trưởng, Cục Y tế Dự phòng (Bộ Y tế), ông Hoàng Việt Khang, phó Vụ trưởng, Vụ Quan hệ Kinh tế Đối ngoại (Bộ Kế hoạch và Đầu tư), ông Nguyễn Duy Lễ, phó Vụ trưởng, Vụ Tài chính Đối ngoại (Bộ Tài chính), ông Đặng Anh Mai, Vụ phó Vụ Quan hệ Quốc tế (Ngân hàng Nhà nước), và ông Phạm Ngọc Hùng, Vụ phó Vụ Hợp tác Quốc tế (Bộ Giáo dục và Đào tạo).

Về phía các nhà tài trợ, có đoàn công tác chung dưới sự điều phối của TS. Laurent Msellati, Điều phối Phát triển Nông thôn (Ngân hàng Thế giới), gồm bà Molly Brady, cố vấn về Cúm gia cầm, (Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa kỳ), bác sĩ Brian Brandenburg, chuyên gia thú y (chuyên gia tư vấn thuộc Ngân hàng Thế giới), bác sĩ Rick Brown, Ứng phó Dịch bệnh ở người (Tổ chức Y tế Thế giới), bà Anne-Marie Cabrit, phó Đại diện khu vực Châu Á (Cơ quan Phát

triển Pháp), ông Cao Thăng Bình, cán bộ chương trình cao cấp (Ngân hàng Thế giới), ông Georges d'Andlau, Trưởng phòng Nhóm Chiến lược (Cơ quan Phát triển Pháp), bác sĩ David Evans, chuyên gia Y tế (Ngân hàng Thế giới), bác sĩ Marie Edan, chuyên gia thú y (chuyên gia tư vấn của Cơ quan Phát triển Pháp), bác sĩ Anthony Forman, chuyên gia thú y (chuyên gia tư vấn của Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Thế giới), bác sĩ Patrice Gautier, chuyên gia thú y (chuyên gia tư vấn của Cơ quan Phát triển Pháp), bác sĩ Jeff Gilbert, chuyên gia thú y (Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Thế giới), bà Betty Hanan, chuyên gia Tổ chức thực hiện (Ngân hàng Thế giới), ông Jan Hinrich, chuyên gia kinh tế Nông nghiệp (Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Thế giới), tiến sĩ Ron Jackson, chuyên gia Dịch tễ Thú y (chuyên gia tư vấn của Cơ quan Phát triển Quốc tế Niu-di-lân), ông Carl Erik Larsen, chuyên gia Chăn nuôi (Cơ quan Phát triển Quốc tế Đan Mạch), bà Anne-Claire Léon, phó Ban Hợp tác, (Phái đoàn Ủy ban Châu Âu), ông Samuel Lieberman, chuyên gia Y tế (Ngân hàng Thế giới), bà Susan Mackay, chuyên gia Truyền thông (Quỹ Nhi đồng Liên Hợp Quốc), tiến sĩ Philippe Marchot, chuyên gia thú y (chuyên gia tư vấn Ủy ban Châu Âu), bà Anni McLeod, chính sách chăn nuôi (Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Thế giới), ông Ross McLeod, chuyên gia Tổ chức thực hiện (chuyên gia tư vấn của Ngân hàng Phát triển Châu Á), bác sĩ Roger Morris, chuyên gia Dịch tễ Thú y (chuyên gia tư vấn của Cơ quan Phát triển Quốc tế Niu-di-lân), ông Koos Neefjes, chuyên gia về thể chế tổ chức (Chương trình phát triển của Liên Hợp Quốc), ông Lê Văn Thanh, cán bộ chương trình (Phái đoàn Ủy ban Châu Âu), ông Alan Piazza, chuyên gia kinh tế Nông nghiệp (Ngân hàng Thế giới), bác sĩ Mark Simmerman, chuyên gia Dịch tễ Y tế (Tổ chức Y tế Thế giới), bác sĩ Les Sims, chuyên gia Thú y (chuyên gia tư vấn của Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Thế giới), bác sĩ Masato Tashiro, chuyên gia phòng thí nghiệm (chuyên gia tư vấn của Tổ chức Y tế Thế giới), ông Trần Khắc Tùng, chuyên gia Truyền thông (chuyên gia tư vấn của Quỹ Nhi đồng Liên Hợp Quốc), ông Võ Thanh Sơn, cán bộ chương trình (Ngân hàng Thế giới), và ông Ian Wilderspin, chuyên gia về thể chế tổ chức (chuyên gia tư vấn của Chương trình phát triển của Liên Hợp Quốc).

Chương trình đồng gửi lời cảm ơn đến của bà Nguyễn Quỳnh Nga, bà Nguyễn Thị Lệ Thu và bà Nguyễn Bảo Trâm (Ngân hàng Thế giới) đã tận tình giúp đỡ các công việc về hành chính.

MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN.....	i
TÓM TẮT	i
A. BỐI CẢNH.....	1
1. HIỆN TRẠNG CÚM GIA CẢM ĐỘC LỰC CAO Ở VIỆT NAM	1
2. ẢNH HƯỞNG VỀ KINH TẾ.....	2
3. LẬP KẾ HOẠCH VÀ ỨNG PHÓ CẤP QUỐC GIA	3
4. KHUNG CHÍNH SÁCH VÀ SỰ CAN THIỆP CỦA CHÍNH PHỦ	4
5. BÀI HỌC KINH NGHIỆM.....	5
B. MỤC TIÊU CỦA SÁCH XANH	8
C. KHUNG THỂ CHẾ VÀ TÀI CHÍNH.....	9
1. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG	9
2. QUẢN LÝ TÀI CHÍNH.....	16
D. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH PHỐI HỢP HÀNH ĐỘNG QUỐC GIA PHÒNG CHỐNG DỊCH CÚM GIA VÀ ỨNG PHÓ VỚI ĐẠI DỊCH CÚM Ở NGƯỜI	22
<i>PHẦN I – TĂNG CƯỜNG HOẠT ĐỘNG ĐIỀU PHỐI</i>	22
1. CHUẨN BỊ ỨNG PHÓ CẤP QUỐC GIA	22
2. XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC	23
3. ĐIỀU PHỐI CHƯƠNG TRÌNH.....	24
4. NHẬN THỨC CỘNG ĐỒNG VÀ THAY ĐỔI HÀNH VI.....	25
5. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH.....	26
6. HỖ TRỢ CÁC HOẠT ĐỘNG TRONG KHU VỰC	27
<i>PHẦN II – KHỐNG CHẾ VÀ THANH TOÁN BỆNH CÚM GIA CẢM ĐỘC LỰC CAO TRONG NGÀNH NÔNG NGHIỆP</i>	27
1. CHIẾN LƯỢC KHỐNG CHẾ VÀ THANH TOÁN BỆNH CÚM GIA CẢM ĐỘC LỰC CAO	28
2. TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC NGÀNH THÚ Y	30
3. KHỐNG CHẾ DỊCH BỆNH.....	30
4. GIÁM SÁT VÀ ĐIỀU TRA DỊCH TỄ.....	31
5. TỔ CHỨC LẠI NGÀNH CHĂN NUÔI GIA CẦM.....	31
6. NHẬN THỨC CỘNG ĐỒNG VÀ THAY ĐỔI HÀNH VI.....	33
<i>PHẦN III – PHÒNG CHỐNG BỆNH CÚM GIA CẦM VÀ ỨNG PHÓ ĐẠI DỊCH CÚM TRONG NGÀNH Y TẾ</i>	34
1. TĂNG CƯỜNG GIÁM SÁT VÀ ỨNG PHÓ DỊCH BỆNH	34
2. TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC CHẨN ĐOÁN	36
3. TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC ĐIỀU TRỊ.....	38
4. NÂNG CAO CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU	40
5. NHẬN THỨC CỘNG ĐỒNG VÀ THAY ĐỔI HÀNH VI.....	40
E. THÁCH THỨC VÀ CƠ HỘI.....	41
1. THÁCH THỨC VỀ PHỐI HỢP.....	41
2. THÁCH THỨC CỦA SỰ PHÂN CẤP.....	43
3. THÁCH THỨC VÀ GIẢI PHÁP ĐỀ XUẤT	44
F. DỰ TOÁN KINH PHÍ.....	46
PHỤ LỤC	49
PHỤ LỤC 1 – KHUNG KẾT QUẢ VÀ GIÁM SÁT	1
PHỤ LỤC 2 – MÔ TẢ CHI TIẾT PHẦN II	1
PHỤ LỤC 3 – MÔ TẢ CHI TIẾT HOẠT ĐỘNG PHẦN III	1

LỜI NÓI ĐẦU

QUÁ TRÌNH CHUẨN BỊ

Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn được giao trách nhiệm xây dựng Chương trình phối hợp hành động quốc gia chống Cúm gia cầm và Cúm ở người (Sách Xanh), và Nhóm chuyên trách được thành lập dưới sự chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Quốc gia phòng chống dịch Cúm gia cầm (NSCAI) do Bộ NN&PTNT chủ trì. Nhóm có 12 thành viên, là đại diện của 11 Bộ - Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (NN&PTNT), Bộ Y tế (BYT), Bộ Công An, Bộ Giao thông Vận tải, Bộ Thương mại, Bộ Ngoại giao, Bộ Văn hóa Thông tin, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính.

Tiến trình chuẩn bị và việc xây dựng bản dự thảo Sách Xanh có sự tham gia mạnh mẽ của các Bộ ngành Trung ương, trong mối hợp tác chặt chẽ với Tổ chức Y tế Thế giới, Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Thế giới, Chương trình phát triển của Liên Hợp Quốc, Quỹ Nhi đồng Liên Hợp Quốc và Ngân hàng Thế giới. Dựa trên những văn kiện ban đầu của mỗi ngành (Thú y, Chăn nuôi và Y tế), bản dự thảo đầu tiên của Sách Xanh được biên soạn và thảo luận trong cuộc hội thảo tổ chức tại Hà Nội vào ngày 12/04/2006, sau đó đã được chỉnh sửa trong khuôn khổ đoàn công tác đánh giá của các nhà tài trợ¹ từ 17-28 tháng 4, năm 2006.

Các hoạt động ưu tiên đề cập đến Sách Xanh đã được thảo luận tại nhiều diễn đàn như: (a) hội thảo về chiến lược phát triển ngành chăn nuôi nhằm khống chế và thanh toán bệnh Cúm gia cầm, do Bộ NN&PTNT tổ chức vào ngày 27-28 tháng 2, năm 2006; (b) hội nghị tư vấn về các hoạt động ưu tiên trong y tế, do Bộ Y tế tổ chức vào ngày 23 tháng 3, năm 2006; và (c) hội thảo do Nhóm làm việc thuộc Chiến dịch Thông tin và Giáo dục (IEC) tổ chức ngày 3 tháng 3, năm 2006, nhằm tổng kết thành tựu đạt được cũng như đúc kết những bài học kinh nghiệm từ Chiến dịch Tuyên truyền phòng chống Cúm gia cầm trước Tết Nguyên đán, đồng thời hoạch định chiến lược trung/dài hạn và mô hình hoạt động trong 3 năm tới nhằm nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi của người dân.

¹ Đoàn công tác do Ngân hàng Thế giới phối hợp thực hiện, và bao gồm đại diện từ các tổ chức Cơ quan Phát triển Pháp, Ngân hàng Phát triển Châu Á, Ủy ban Châu Âu, Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ, Tổ chức Y tế Thế giới, Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Thế giới, Quỹ Nhi đồng Liên Hợp Quốc, Chương trình Phát triển của Liên Hợp Quốc, Cơ quan Phát triển Quốc tế Niu-di-lân, và Cơ quan phát triển Quốc tế Đan Mạch.

MỤC TIÊU

Cuốn *Sách Xanh* đã chỉ ra và phác thảo được những hoạt động mà Chính phủ nhận thức là cần phải thực hiện để đạt được mục đích và kết quả đã đề ra trong Kế hoạch tổng thể quốc gia khống chế cúm gia cầm và Chuẩn bị ứng phó với đại dịch cúm ở người (*Sách Đỏ*). Cuốn sách cũng đề cập một loạt những hoạt động của ngành Y tế nhằm chuẩn bị ứng phó với đại dịch cúm gia cầm nhưng được Bộ Y tế đánh giá ưu tiên là hoạt động hạng hai, và những hoạt động có tính hỗ trợ cho quá trình quy hoạch lại ngành Chăn nuôi gia cầm được thực hiện song song với chiến lược “thương mại hóa” do Cục Chăn nuôi thuộc Bộ NN&PTNT đề xuất, nhưng vẫn nhấn mạnh đến việc bảo đảm kế sinh nhai cho các hộ chăn nuôi và giảm thiểu tác hại đối với môi trường.

Mục tiêu chung của Sách Xanh là:

- Nêu ra những hoạt động mà Bộ NN&PTNT, Bộ Y tế cũng như những cơ quan có liên quan khác đã hoạch định để xây dựng khung kế hoạch giúp nâng cao hiệu quả phối hợp hành động nhằm khống chế Cúm gia cầm độc lực cao và chuẩn bị ứng phó với đại dịch trong giai đoạn 5 năm tới (2006-2010);
- Cung cấp khung kế hoạch giúp cho việc huy động nguồn nhân lực trong khuôn khổ chiến lược phối hợp hành động do Chính phủ xây dựng và được sự chấp thuận của cộng đồng quốc tế; và
- Cung cấp khung kế hoạch cho việc phối hợp và hợp tác giữa Chính phủ Việt Nam và cộng đồng quốc tế trong cuộc chiến chống lại dịch cúm gia cầm độc lực cao.

ĐỘC GIẢ

Độc giả của Chương trình phối hợp hành động quốc gia chống Cúm gia cầm và Cúm ở người (*Sách Xanh*) chính là những nhà hoạch định chính sách, cụ thể là Ban Chỉ đạo Quốc gia phòng chống dịch Cúm gia cầm, Bộ NN&PTNT, Bộ Y tế, Bộ Văn hóa Thông tin, và Bộ Kế hoạch và Đầu tư, cũng như những người có thẩm quyền trong ngành Nông nghiệp, Y tế tại cấp tỉnh, huyện, làng xã và cộng đồng các nhà tài trợ. Ngoài ra, độc giả còn thuộc cộng đồng quốc tế tham gia Nhóm tư vấn các nhà Tài trợ, dự kiến họp vào ngày 9-10 tháng 6, năm 2006 tại Nha Trang, khi đó Chính phủ sẽ tìm kiếm sự hỗ trợ về tài chính để thực hiện Chương trình hành động. Chương trình hành động sẽ được trình bày chính thức tại cuộc họp trụ bị các nhà Tài trợ do Bộ NN&PTNT và Ngân hàng Thế giới tổ chức tại Hà Nội vào ngày 2 tháng 6, năm 2006.

PHẠM VI

Chính phủ Việt Nam và cộng đồng các nhà Tài trợ đã cam kết ủng hộ công tác thực hiện Chương trình hành động trong khuôn khổ trung hạn, cho giai đoạn 2006-2010. Chương trình cũng cho phép điều chỉnh linh hoạt dựa trên đánh giá tiến trình thực hiện chung hàng năm và điều tra thường xuyên tình hình dịch tễ học về bệnh dịch ở người cũng như đối với gia cầm.

Chương trình phối hợp hành động quốc gia phòng chống dịch Cúm gia cầm và đại dịch cúm ở người cũng tính đến việc kiểm soát cúm gia cầm độc lực cao và ứng phó với nguy cơ đại dịch cúm tiềm ẩn, thể hiện ở nhiều hoạt động hướng đến chương trình lớn nhằm nâng cao năng lực phát hiện, kiểm soát và ứng phó với những dịch bệnh truyền nhiễm mới xuất hiện, đặc biệt là bệnh có thể lây sang người.

TÓM TẮT

A. BỐI CẢNH VÀ ĐIỀU KIỆN KINH TẾ-XÃ HỘI

1. **Bối cảnh.** Việt Nam là một trong số những quốc gia đầu tiên được biết đến có dịch cúm gia cầm độc lực cao vào thời điểm dịch bắt đầu lây sang người như hiện nay. Ở đỉnh điểm của đợt dịch, có 24% số xã và 60% số tỉnh thành có dịch cúm vào tháng 3, năm 2004, khoảng 17% đàn gia cầm đã chết hoặc bị tiêu hủy, tương đương với 45 triệu con. Hai đợt bùng phát dịch sau đó ở mức độ nhẹ hơn xảy ra vào cuối năm 2004-đầu 2005 và tháng 8 năm 2005. Một chiến dịch tiêm phòng cấp quốc gia được triển khai từ tháng 10 năm 2005 đến tháng 1 năm 2006 tại 64 tỉnh thành, đã tiêm được cho hơn 84 triệu con gà và 40 triệu con vịt, và đang bắt đầu tiêm đợt 3. Từ giữa tháng 12 năm 2005, không có báo cáo nào về việc dịch tái bùng phát trở lại.

2. Việt Nam được biết đến là có số người bị nhiễm cúm cao nhất trong số những nước có dịch, với số lượng đáng quan tâm là 93 trường hợp mắc, trong đó 42 trường hợp đã tử vong (chiếm 45%). Nhìn chung, báo cáo cho thấy người bị nhiễm cúm xuất hiện ở 32 tỉnh thành, chủ yếu tập trung ở khu vực đồng bằng sông Hồng ở miền Bắc và đồng bằng sông Cửu Long ở miền Nam, phù hợp với sự phân bố của ổ dịch.

3. Số trường hợp xác nhận nhiễm cúm ở người tương đối cao, cùng với sự bùng phát ổ dịch H5N1 trên diện rộng đã đặt Việt Nam vào nỗi lo về khả năng xuất hiện chủng vi-rút có thể gây đại dịch cúm ở người và làm cho dịch cúm gia cầm trở thành mối quan tâm cấp quốc gia và của cộng đồng quốc tế. Tuy nhiên, sự lây nhiễm gần đây của H5N1 trên gia cầm đã lan rộng toàn cầu, làm tăng khả năng bùng phát dịch bệnh ngoài Việt Nam. Đứng trước tình hình đó, Chính phủ Việt Nam đã nâng cao hơn nữa những nỗ lực nhằm khống chế sự lây nhiễm của H5N1 trong đàn gia cầm và chuẩn bị cho tình huống đại dịch ở người.

4. **Điều kiện kinh tế - xã hội.** Dịch cúm gia cầm độc lực cao đã gây ra thiệt hại tương đối lớn về mặt xã hội và kinh tế, đặc biệt đối với hàng triệu hộ gia đình chăn nuôi nhỏ lẻ. Con số thiệt hại trực tiếp về mặt kinh tế vì bệnh dịch được ước đoán chiếm khoảng 0.5% tổng sản phẩm quốc nội năm 2004, gây ảnh hưởng cho 8 triệu trong số 11 triệu hộ gia đình Việt Nam tham gia chăn nuôi gia cầm. Tác động đó không phân bố đồng đều trong các hộ gia đình bởi thu nhập từ gia cầm và trứng đóng vai trò rất quan trọng đối với những hộ nghèo.

5. Dịch cúm ở người có thể gây ra những hậu quả nặng nề về kinh tế và xã hội, bao gồm tổn thất về đời sống và kế sinh nhai. Như những quốc gia có dịch

cúm khác, Việt Nam phải đương đầu với sự lựa chọn trong việc cân bằng quá trình chuẩn bị và hành động, bởi cả hai lựa chọn đó đều phát sinh chi phí. Tối thiểu, ba tác động sau cần phải được cân nhắc trong trường hợp dịch bệnh xảy ra ở người: (a) hậu quả của bệnh tật và tử vong nếu có dịch; (b) sự ứng phó riêng của hệ thống dự phòng; và (c) sự ứng phó của quốc gia.

B. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH VÀ ỨNG PHÓ CẤP QUỐC GIA

6. **Kế hoạch chiến lược cấp quốc gia.** Để ứng phó với cúm gia cầm, Việt Nam đã tiến hành những bước sau: Vào tháng 1 năm 2004, Thủ tướng thành lập *Ban Chỉ đạo Quốc gia phòng chống dịch Cúm gia cầm*, do Bộ NN&PTNT chủ trì, có cơ chế phối hợp quốc gia nhằm lập kế hoạch và giám sát Cúm gia cầm độc lực cao. Ban Chỉ đạo đã soạn thảo *Kế hoạch chuẩn bị ứng phó quốc gia phòng chống dịch cúm gia cầm H5N1 và đại dịch ở người* và được phê chuẩn vào ngày 18 tháng 11, năm 2005 (Quyết định số 6719/VPCP-NN). Các kế hoạch đó đều tính đến biện pháp ứng phó trong những tình huống khác nhau, phân công trách nhiệm và hoạt động cho 14 Bộ liên quan, các cơ quan tuyên truyền và Ủy ban Nhân dân.

7. Vào tháng 2 năm 2006, Chính phủ đã thành lập Nhóm chuyên trách quốc gia, trực thuộc *Ban Chỉ đạo*, có nhiệm vụ xây dựng văn kiện này: *Chương trình phối hợp hành động quốc gia phòng chống Cúm gia cầm và Cúm ở người* (Sách Xanh) (xem phần trên).

8. **Kế hoạch ngành Thú y.** Vào ngày 5 tháng 12, năm 2005, Bộ NN&PTNT đã phê chuẩn *Kế hoạch dự phòng khẩn cấp chống dịch Cúm gia cầm độc lực cao ở Việt Nam* (Quyết định số 3400 QĐ/BNNT-TY). Kế hoạch này là nền tảng để Cục Thú y xây dựng chiến lược riêng để kiểm soát Cúm gia cầm độc lực cao (HPAI).

9. Những giải pháp chính sách đã được Bộ NN&PTNT phê chuẩn phù hợp với Chiến lược Toàn cầu của Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Thế giới/Tổ chức Thú y Thế giới/Tổ chức Y tế Thế giới và đề xuất những biện pháp kiểm soát từng bước từ trung đến dài hạn, bằng cách triển khai những phương pháp có tính quy ước như tiêu hủy, an toàn sinh học và kiểm soát vận chuyển, kết hợp chiến lược tiêm phòng quốc gia cho gia cầm và thủy cầm. Những phương cách khác cũng được bổ sung là nâng cao nhận thức của người dân, tăng cường năng lực chẩn đoán, tăng cường năng lực nghiên cứu, ban bố lệnh cấm tạm thời đối với việc ấp nở, nuôi mới thủy cầm, tiến hành những điều tra về dịch tễ để hiểu rõ hơn về con đường lây truyền bệnh cũng như vai trò của chim hoang dã. Liên quan đến hỗ trợ tài chính cho hộ chăn nuôi, theo những gợi ý từ cuộc nghiên cứu về đền bù, mức đền bù của Chính phủ trên đầu gia cầm bị tiêu hủy

trong giai đoạn dịch đã tăng từ 10-15% so với giá trên thị trường, lên 50% vào tháng 6 năm 2005.

10. **Kế hoạch ngành Y tế.** Vào ngày 24 tháng 11, năm 2005, Bộ Y tế đã phê chuẩn *Kế hoạch phòng chống đại dịch cúm ở người tại Việt Nam* (Quyết định số 38/2005/QĐ-BYT). Kế hoạch đã đề cập đến những điểm mấu chốt trong công tác ứng phó với đại dịch ở người, bao gồm hệ thống giám sát và cảnh báo sớm, rủi ro trong việc liên lạc giữa người dân và nhân viên y tế, kiểm soát đường biên và phương án đối với sự thờ ơ của cộng đồng.

11. Trong quá trình xây dựng khung chính sách để ứng phó với ổ dịch Cúm gia cầm độc lực cao hiện thời và với nguy cơ đại dịch, các chuyên gia ngành Y tế đã đưa ra hai tình huống:

- Sự tiếp diễn của giai đoạn “tiền đại dịch” hiện nay với những ổ dịch đang có trong đàn gia cầm ẩn chứa nguy cơ nhiễm cúm độc lực cao ở người;
- Một chủng vi-rút mới xuất hiện gây ra đại dịch ở người, sẽ làm tăng số trường hợp mắc bệnh và đặt ra yêu cầu lớn hơn về lĩnh vực chăm sóc sức khỏe.

12. Khung chính sách để ứng phó trong hai tình huống trên như sau:

- Đối với tình huống thứ nhất, sự ứng phó cần thiết thể hiện ở việc củng cố hệ thống giám sát, cho phép phát hiện sớm và ứng phó nhanh với trường hợp nhiễm bệnh, thúc đẩy thay đổi hành vi trong dân chúng nhằm giảm thiểu nguy cơ lây nhiễm sang người;
- Phương cách cho tình huống thứ hai liên quan đến sự thích ứng của hệ thống y tế công cộng hiện có với hệ thống chăm sóc sức khỏe trong trường hợp có dịch khẩn cấp. Hiện nay, chính sách của Bộ Y tế là chú trọng vào việc lập kế hoạch và đầu tư vào những thiết bị chủ chốt để cho phép ứng phó nhanh và hiệu quả trong tương lai.

C. MỤC TIÊU

13. Mục đích chung của cuốn Sách Xanh là giảm rủi ro của bệnh cúm gia cầm đối với con người thông qua không chế mầm bệnh tại gốc trong đàn gia cầm nuôi tại nhà, phát hiện và ứng phó kịp thời với các ca bệnh ở người, đồng thời chuẩn bị về mặt y tế để ứng phó với khả năng xảy ra đại dịch ở người.

14. **Đối với ngành Thú y,** mục tiêu chung là từng bước không chế và thanh toán Cúm gia cầm độc lực cao ở Việt Nam. Mục tiêu cụ thể trong ngắn đến trung hạn nhằm: (a) nâng cao năng lực ngành Thú y trong không chế dịch Cúm gia cầm độc lực cao cũng như những dịch bệnh tiềm ẩn có khả năng lây truyền sang người khác; (b) sử dụng phương pháp đầu tư hiệu quả nhiều giai đoạn

được nêu rõ tại mỗi hợp phần nhằm khống chế dịch Cúm gia cầm độc lực cao; và (c) lên kế hoạch quy hoạch lại ngành Chăn nuôi để khống chế tốt hơn dịch Cúm gia cầm độc lực cao, cũng như giảm thiểu thiệt hại đối với kế sinh nhai và ô nhiễm môi trường. Trong dài hạn, Việt Nam cũng lập kế hoạch quy hoạch lại ngành Chăn nuôi gia cầm thông qua việc nâng cao an toàn sinh học và an toàn thực phẩm trên thị trường từ người sản xuất đến người tiêu dùng, trong khi vẫn đảm bảo được nguồn sinh nhai cho nông hộ nghèo và bảo vệ môi trường.

15. **Đối với ngành Y tế**, các mục tiêu cụ thể bao gồm: (a) giảm tỷ lệ mắc và tử vong do nhiễm cúm gia cầm; (b) hạ thấp khả năng xảy ra đại dịch cúm ở người; và (c) thực hiện những biện pháp cần thiết để giảm nhẹ tác động của đại dịch. Về nguyên tắc, sự ưu tiên ứng phó của hợp phần Y tế liên quan đến những hoạt động hướng đến Cúm gia cầm độc lực cao trong kế hoạch tổng thể giúp nâng cao năng lực của ngành nhằm phát hiện, khống chế và ứng phó với những bệnh truyền nhiễm mới phát sinh, đặc biệt là bệnh có khả năng lây sang người. Cuốn Sách Xanh không nêu ra hết các phương cách ứng phó với đại dịch trong tình huống xảy ra đại dịch, mà tập trung nhiều hơn vào những hoạt động ưu tiên cũng như chi phí dự tính cho tình huống đó.

D. KHUNG THỂ CHẾ VÀ TÀI CHÍNH

16. **Nâng cao năng lực phối hợp.** Việt Nam đã thực hiện được cơ chế phối hợp ở cấp trung ương và triển khai đồng bộ ở cấp tỉnh, và trong nhiều trường hợp, ở cả cấp huyện. Việc phối hợp đã được thực hiện rất tốt dưới sự lãnh đạo của Ban Chỉ đạo Quốc gia phòng chống dịch Cúm gia cầm và vẫn cần có sự lãnh đạo mạnh mẽ của Chính phủ nhằm đảm bảo những nỗ lực của các nhà tài trợ và cộng đồng các tổ chức phi chính phủ quốc tế phù hợp với mục tiêu ưu tiên của quốc gia. Theo đó, về mặt cơ cấu tổ chức, cuốn Sách Xanh đề xuất 4 biện pháp sau: (a) tăng cường phối hợp cấp quốc gia; (b) nâng cao khả năng phối hợp cấp tỉnh; (c) tăng cường phối hợp hoạt động với nguồn hỗ trợ phát triển nước ngoài (ODA) thông qua việc thành lập nhóm kiểm soát Cúm gia cầm độc lực cao giữa Chính phủ và các nhà tài trợ; và (d) thành lập nhóm làm việc chuyên trách nhằm thay đổi hành vi và nhận thức của người dân, giám sát-đánh giá, và xây dựng năng lực. Hoạt động phối hợp cấp quốc gia sẽ được tăng cường bằng cách mở rộng số thành viên tham dự và tăng thêm quyền hạn cho Ban Chỉ đạo thông qua việc sáng lập Nhóm hợp tác giữa chính phủ và nhà tài trợ phòng chống Cúm gia cầm và Cúm ở người. Nhóm sẽ điều phối mọi hoạt động liên quan đến cúm gia cầm, kể cả chuẩn bị và ứng phó với đại dịch. Một tiểu ban mới ở mỗi Bộ NN&PTNT và Bộ Y tế được thành lập có nhiệm vụ đại diện chuyên trách.

17. **Quản lý tài chính.** Sự hưởng ứng của cộng đồng quốc tế đối với việc chống lại Cúm gia cầm và cúm ở người ở Việt Nam là đáng kể, trên phương

diện hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) cũng như hỗ trợ về mặt kỹ thuật. Khung hoạt động tài chính đã tạo điều kiện thuận lợi cho cơ chế phối hợp thông qua 1 kênh tài trợ. Có thể kể đến những nguồn tiềm năng khác như vốn đối ứng của Chính phủ (ngân sách Trung ương và địa phương), tài trợ song phương trực tiếp, Chương trình chung giữa Chính phủ và Liên Hợp Quốc, Quỹ Ủy thác do Ngân hàng Thế giới quản lý, sự hỗ trợ đa phương (bao gồm vốn vay, tín dụng và trợ cấp từ Ngân hàng Phát triển Châu Á và Ngân hàng Thế giới), sự hỗ trợ từ các tổ chức trong khu vực như Diễn đàn hợp tác kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương và Hiệp hội các nước Đông Nam Á. Khu vực kinh tế ngoài quốc doanh cũng đóng góp vào nguồn tài chính để thực thi Sách Xanh, mà cụ thể là gánh vác phần lớn chi phí quy hoạch lại ngành Chăn nuôi gia cầm.

E. MÔ TẢ SÁCH XANH

Phần I – Những hoạt động nâng cao năng lực phối hợp

18. **Chuẩn bị ứng phó cấp quốc gia.** Mục tiêu của nỗ lực phối hợp chuẩn bị ứng phó cấp quốc gia nhằm phối hợp mục đích và hoạt động trong mỗi lĩnh vực y tế và thú y. Để đạt được mục tiêu đó, cần duy trì kế hoạch cấp quốc gia và sự hợp tác giữa những Bộ có liên quan, từ trung ương đến địa phương. Cuốn Sách Xanh đưa ra một số gợi ý: (a) thường xuyên xem lại Kế hoạch Quốc gia; (b) cập nhật thường xuyên kế hoạch hoạt động từ các Bộ ngành và chính quyền địa phương và (c) phối hợp thực hiện diễn tập chống bùng phát đại dịch trên gia cầm và ở người. Sách Xanh sẽ hỗ trợ ba hoạt động trên bằng cách tài trợ cho hỗ trợ về kỹ thuật ở cấp quốc gia và quốc tế, tổ chức hội thảo, tài liệu tập huấn (bao gồm cả chi phí hoạt động tăng lên). Kế hoạch Quốc gia sẽ xây dựng chương trình chính sách, cũng như chỉ rõ hoạt động và trách nhiệm của các Bộ chuyên trách trong từng tình huống khác nhau, gồm có huy động nguồn tài chính và cơ chế. Nguồn dự trữ thuốc kháng vi-rút và thiết bị y tế cũng sẽ được đảm bảo. Cơ chế và hoạt động phối hợp trong Sách Xanh phản ánh chương trình hành động của các Bộ chuyên trách và chính quyền địa phương trong mỗi liên hệ quản lý và điều phối với những ngành khác.

19. **Xây dựng chính sách và chiến lược.** Chính sách và chiến lược quốc gia trong cả hai ngành Y tế và Thú y đều hướng đến xây dựng khả năng ứng phó bền vững trong trung và dài hạn nhằm kiểm soát và phòng chống sự lây lan trên gia cầm và ở người. Để đạt được điều đó, ngành Thú y phát triển chính sách định hướng dựa trên những nguy cơ chính với những hoạt động được nêu rõ trên cơ sở tình hình dịch tễ ở những khu vực khác nhau. Ngành Y tế tập trung vào phối hợp hoạt động từ những ổ dịch Cúm gia cầm độc lực cao hiện tại và công tác chuẩn bị ứng phó đại dịch ở người kết hợp với khung chương trình tăng cường khả năng trao đổi không chế dịch bệnh. Sách Xanh sẽ hỗ trợ nghiên cứu nhằm phát triển bước tiếp cận những chính sách đó và để đảm bảo việc

điều chỉnh về khung pháp lý và quy định đối với cả hai ngành Nông nghiệp và Y tế.

20. **Điều phối chương trình.** Sách Xanh sẽ cung cấp sự hỗ trợ về tài chính và kỹ thuật đối với điều phối chương trình ở 3 cấp độ: (a) phối hợp ở cấp trung ương và cấp tỉnh thông qua Ban Chỉ đạo Quốc gia về Cúm gia cầm và Cúm ở người và đại diện của Ban Chỉ đạo ở cấp tỉnh; (b) Vụ Hợp tác Quốc tế thuộc Bộ NN&PTNT và Bộ Y tế hỗ trợ điều phối tài trợ cho Cúm gia cầm độc lực cao; và (c) nhóm làm việc cho hoạt động giám sát và đánh giá, thay đổi nhận thức và hành vi của cộng đồng và xây dựng năng lực.

21. **Nhận thức của cộng đồng.** Hoạt động nhằm thay đổi nhận thức và hành vi của cộng đồng là một phần quan trọng không thể thiếu trong cuộc chiến chống Cúm gia cầm độc lực cao kể từ khi bùng phát dịch vào năm 2003. Rất nhiều tài liệu đã được viết và phân phát, hướng tới cộng đồng chung, người chăn nuôi gia cầm, nhân viên y tế và thú y, và đội ngũ cán bộ, công chức. Nhóm làm việc hợp tác giữa Chính phủ và nhân viên thuộc cơ quan Liên Hợp Quốc về Thông tin, Giáo dục và Tuyên truyền đã được thành lập vào năm 2005 với mục tiêu đạt được ảnh hưởng sâu rộng thông qua việc cân đối nỗ lực triển khai của các bên liên quan trong chiến lược tổng thể cùng chung mục tiêu duy nhất với thông điệp cốt lõi “Một chiến dịch – nhiều ngành tham gia”. Chính vì thế, trong cuốn Sách Xanh, nhóm làm việc đã mở rộng thành viên để bổ sung những cơ quan thực hiện khác và các tổ chức phi chính phủ, đồng thời nâng cao hơn nữa vai trò điều phối hiệu quả và xây dựng chiến lược. Nhóm sẽ tập trung vào việc đưa ra những lý luận rõ ràng hơn cho hoạt động thông qua việc điều tra, giám sát và đánh giá. Nhóm cũng sẽ tiến hành việc xây dựng năng lực trong ngành truyền thông, Bộ NN&PTNT, Bộ Y tế và những cơ quan chuyên trách khác của Chính phủ có tham gia vào kế hoạch truyền thông chống Cúm gia cầm độc lực cao và đại dịch.

22. **Giám sát và Đánh giá.** Những hoạt động giám sát và đánh giá trong Sách Xanh sẽ đánh giá những đầu vào chính, đầu ra và những chỉ số thực hiện được thể hiện trong bảng kết quả (xem Phụ lục 1), giúp cung cấp thông tin cần thiết cho việc đánh giá thường xuyên tiến trình thực hiện chung và ảnh hưởng của chương trình. Các cơ quan thực thi tương ứng sẽ có trách nhiệm đối với việc giám sát và đánh giá hoạt động của mình theo Sách Xanh. Quan trọng nhất, Bộ NN&PTNT và Bộ Y tế sẽ lần lượt đảm nhiệm hoạt động giám sát và đánh giá cho hai phần tương ứng trong Chương trình Quốc gia là Phần II và Phần III. Những cơ quan thuộc chính phủ khác, gồm Bộ Thương mại, Bộ Giao thông Vận tải, Bộ Tài nguyên và Môi trường và những Bộ khác, sẽ chịu trách nhiệm đối với việc giám sát và đánh giá hoạt động của mình theo Sách Xanh. Báo cáo giám sát và đánh giá của Bộ NN&PTNT và Bộ Y tế sẽ được cung cấp cho các thành viên và cơ quan hữu quan, trong khi báo cáo của các Bộ và cơ

quan khác sẽ được gửi đến cho Ban Chỉ đạo Quốc gia. Văn phòng của Nhóm hợp tác giữa chính phủ và nhà tài trợ chống Cúm gia cầm và Cúm ở người sẽ thành lập đơn vị chuyên trách về giám sát và đánh giá có nhiệm vụ tập hợp thường xuyên các báo cáo thành một báo cáo giám sát và đánh giá Sách Xanh tổng thể, sẽ được trình bày tại Ban Chỉ đạo Quốc gia về Cúm gia cầm và Cúm ở người như một phần công tác giám sát chung và điều chỉnh tiến trình thực hiện Sách Xanh.

Phần II – Khống chế và Thanh toán Cúm gia cầm độc lực cao trong ngành Nông nghiệp

23. Chiến lược khống chế và thanh toán Cúm gia cầm độc lực cao được Bộ NN&PTNT xây dựng sẽ tập trung vào 4 hợp phần: (a) nâng cao năng lực ngành Thú y; (b) khống chế dịch bệnh; (c) giám sát và điều tra dịch tễ học; và (d) quy hoạch lại ngành Chăn nuôi.

24. **Chiến lược khống chế và thanh toán Cúm gia cầm độc lực cao.** Cúm gia cầm trong đàn gia cầm sẽ được khống chế dần dần qua 3 giai đoạn: (a) Giai đoạn Khống chế, tỷ lệ ổ dịch sẽ được giảm xuống thông qua quá trình dập dịch, tiêm chủng trên diện rộng, nâng cao an toàn sinh học trong chăn nuôi gia cầm, và thay đổi thói quen mua bán gia cầm. Dự tính giai đoạn Khống chế sẽ kéo dài đến năm 2007, và chương trình tiêm chủng trên diện rộng của quốc gia sẽ giảm nhẹ về quy mô vào năm 2006; (b) Giai đoạn Củng cố, sẽ duy trì những kết quả đạt được, thực hiện việc quy hoạch lại ngành chăn nuôi gia cầm, các trại chăn nuôi công nghiệp sẽ minh chứng không còn Cúm gia cầm độc lực cao và mở rộng vùng sạch bệnh. Giai đoạn này sẽ chiếm phần thời gian kế hoạch còn lại trong Sách Xanh từ 2008 đến 2010; và (c) Giai đoạn Thanh toán sau năm 2010 (không nằm trong thời hạn của Sách Xanh).

25. Những biện pháp khống chế được mô tả cần được triển khai với chi phí về kinh tế và xã hội thấp nhất có thể được tại những vùng nông thôn nghèo đồng thời giảm thiểu những ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường. Những chương trình khống chế cụ thể sẽ được xây dựng cho từng loại hình chăn nuôi², mà vì những sự khác biệt đặc trưng trong mỗi loại hình, sẽ dẫn đến tốc độ thanh toán vi-rút Cúm gia cầm độc lực cao khác nhau. Tiêm phòng trọng điểm vùng có nguy cơ cao vẫn là công cụ chính của chương trình khống chế mà ở đó nguy cơ lây nhiễm vẫn còn cao. Các biện pháp khống chế đòi hỏi sự tăng cường ở các mặt: (a) năng lực hiện tại của ngành Thú y, gồm cả xây dựng mối liên hệ trực tiếp với mạng lưới thú y cơ sở; (b) giám sát dịch bệnh; và (c) nghiên cứu dịch tễ.

² Phân loại ngành chăn nuôi: loại hình 1 – chăn nuôi ngoài quốc doanh với các nhóm độc lập; loại hình 2 – Người chăn nuôi tự do; loại hình 3: Chăn nuôi tư nhân quy mô nhỏ; loại hình 4: chăn thả tự do

26. **Tăng cường năng lực Thú y.** Khả năng và năng lực của ngành Thú y vẫn là nhân tố chính kiểm chế tiến trình khống chế dịch bệnh, trừ khi có sự đầu tư nhiều hơn nữa về cơ sở hạ tầng, nhân lực và đào tạo. Những hoạt động được đề cập trong Sách Xanh nhằm khắc phục những khó khăn đó: (a) phát triển năng lực và khả năng của mạng lưới phòng thí nghiệm thú y nhằm tăng tốc độ cũng như độ tin cậy trong xét nghiệm và tăng các xét nghiệm chẩn đoán khác nhau có thể được ứng dụng trong thực tế; (b) nâng cao kiến thức về dịch tễ học thông qua tập huấn; (c) thực hiện nâng cao năng lực báo cáo dịch bệnh, điều tra và phân tích số liệu, và (d) nâng cao năng lực quản lý của Cục Thú y.

27. **Khống chế dịch.** Cuốn Sách Xanh đề ra vấn đề tăng cường năng lực xác nhận ổ dịch một cách nhanh nhất và có hiệu quả. Cụ thể: (a) tập huấn cán bộ và hỗ trợ; (b) cung cấp kinh phí cho đội xác định ổ dịch ở tỉnh và khu vực, chi phí lấy mẫu và xét nghiệm mẫu; (c) chuyên biệt hóa những nghiên cứu điều tra; và (d) xây dựng hướng dẫn kỹ thuật về chôn lấp tiêu hủy gia cầm và các chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường. Những biện pháp này sẽ tăng cường khả năng ứng phó nhanh nhằm thanh toán sự lây lan từ ổ bệnh mới, bằng việc tiêu hủy gia cầm nhiễm bệnh, tiêm phòng bao vây, thực hiện kiểm soát vận chuyển, điều tra dịch tễ và truy tìm nguồn gốc ổ dịch. Sách Xanh cũng đề xuất lập quỹ dự phòng, sử dụng Cơ chế Ngân quỹ Dự trữ Quốc gia hiện tại và những nguồn tài trợ khác.

28. Việc tiêm phòng được tiến hành từng bước với phương pháp định hướng dựa trên nguy cơ, với sự khác biệt về khu vực địa lý và loại hình chăn nuôi. Thêm vào đó: (a) tăng cường kiểm soát vận chuyển gia cầm nhiễm bệnh và vật phẩm nhiễm mầm bệnh tại vùng nguy cơ cao nhằm hạn chế phát sinh dịch mới; tăng cường nghiên cứu vắc xin và chuyển sang tiêm vắc xin trọng điểm để nâng cao khả năng bảo vệ đàn gia cầm; và (c) nghiên cứu cơ chế khu vực hóa như là biện pháp làm tăng số lượng cơ sở chăn nuôi gia cầm được chứng nhận sạch bệnh và góp phần vào việc tăng lượng xuất khẩu trong dài hạn.

29. **Giám sát và điều tra dịch tễ học.** Chi phí hiệu quả dành cho giám sát sẽ nâng cao sự hiểu biết về sự lưu hành vi-rút và phạm vi của tiêm phòng. Đồng thời, giám sát ở loại hình 1 và 2 sẽ đảm bảo rằng tình trạng sạch bệnh vẫn được duy trì. Sau đó, việc vẽ sơ đồ phân bố hoạt động đa dạng của chim hoang và chim di trú về mặt không gian và thời gian sẽ là công cụ cho việc đánh giá nguy cơ của sự lan truyền Cúm gia cầm độc lực cao trong nước và từ bên ngoài vào Việt Nam.

30. **Quy hoạch lại ngành Chăn nuôi.** Mục tiêu trong chiến lược của Chính phủ cho nông nghiệp và phát triển nông thôn giai đoạn 2001-2010 là nhằm quy hoạch lại ngành chăn nuôi gia cầm trở nên cạnh tranh hơn và theo định hướng nhu cầu thị trường. Trong dài hạn, Bộ NN&PTNT tập trung vào công nghiệp

hóa ngành chăn nuôi, hệ thống giết mổ và chế biến, như một phần trong chiến lược. Mục tiêu đó cũng liên quan đến việc khống chế Cúm gia cầm độc lực cao, là dịp để nâng cao an toàn sinh học trong chăn nuôi, và kiểm soát việc buôn bán gia cầm trên thị trường. Tuy nhiên, trong khi theo đuổi mục tiêu hiện đại hóa, điểm mấu chốt cần phải tính đến là vai trò của chăn nuôi gia cầm đối với những hộ chăn nuôi nhỏ lẻ và những hộ nghèo, bởi ước tính có đến 65% hộ gia đình ở Việt Nam có chăn nuôi gia cầm và thu nhập từ chăn nuôi hết sức quan trọng đối với hộ nghèo.

31. Phương pháp dựa trên nguy cơ để khống chế Cúm gia cầm độc lực cao cần được sử dụng trong quá trình quy hoạch ngành Chăn nuôi gia cầm, nhằm bảo vệ quyền lợi của những hộ nghèo. Cần hạn chế việc chăn nuôi gia cầm tại những thành phố lớn và tiến tới cấm hẳn. Lò giết mổ gia cầm cần được bố trí xa khu dân cư nhằm giảm thiểu rủi ro cho sức khỏe cộng đồng cũng như phá hủy môi trường. Khi thực thi kế hoạch này, rất cần thiết phải xét tới nguy cơ tổn thất về nguồn sinh nhai đối với loại hình chăn nuôi thứ 3 là những hộ chăn nuôi nhỏ và người buôn bán nhỏ. Trong thời gian trước mắt, khi kế hoạch được thực hiện, loại hình thứ 4 sẽ gặp khó khăn hơn, nhưng xét về dài hạn, điều đó có xu hướng diễn ra một cách tự nhiên trên diện rộng, bởi sẽ có những doanh nghiệp tham gia chăn nuôi gia cầm. Ngành công nghiệp được mở rộng sẽ giúp thị trường hóa sản phẩm gia cầm đã qua chế biến, đặc biệt ở các đô thị. Tại những vùng sâu vùng xa, rủi ro lây lan Cúm gia cầm độc lực cao ở gia cầm là không cao và ngành Chăn nuôi không cần đặt các biện pháp khống chế Cúm gia cầm độc lực cao lên ưu tiên hàng đầu, tuy nhiên vẫn cần nâng cao an toàn sinh học, an toàn thực phẩm cũng như quy định về lưu thông gia cầm để đạt được lợi ích trong tương lai lâu dài.

Phần III – Phòng ngừa cúm và chuẩn bị ứng phó với đại dịch trong ngành Y tế

32. Phòng ngừa Cúm gia cầm độc lực cao và chuẩn bị cho đại dịch trong ngành Y tế tập trung vào nâng cao khả năng giám sát và ứng phó, năng lực chẩn đoán; và năng lực chăm sóc điều trị; tăng cường nghiên cứu; và chú trọng vào những hoạt động nhằm thay đổi hành vi và nhận thức của cộng đồng.

33. Nâng cao khả năng giám sát và ứng phó. Cuốn Sách Xanh đề xuất việc đánh giá trên quy mô lớn hệ thống giám sát bệnh truyền nhiễm hiện có để có thể đưa ra những gợi ý nhằm tăng hiệu quả. Thêm nữa, việc xây dựng hệ thống đáp ứng dịch và cảnh báo dịch sớm (EWARS) để khoanh vùng Bệnh nhiễm trùng đường hô hấp cấp (SARI) sẽ được triển khai nhằm tăng cường và mở rộng cơ chế hiện tại. Chiến lược cũng tính đến việc xây dựng Mạng lưới Giám sát Điện tử Quốc gia. Đội đáp ứng dịch tuyến tỉnh và tuyến huyện sẽ được tập huấn về dịch tễ học và ứng phó khi dịch bùng phát, cũng như được trang bị phù

hợp. Sẽ tiến hành triển khai Chương trình tập huấn Dịch tễ thực địa. Ngoài ra, văn bản pháp quy về phòng chống bệnh truyền nhiễm sẽ được xem xét và sửa đổi, tăng thêm quyền hạn để những người có trách nhiệm đối với sức khỏe cộng đồng có thể áp dụng. Cuối cùng, là nâng cao năng lực kiểm soát đường biên.

34. **Nâng cao năng lực chẩn đoán.** Năng lực phòng thí nghiệm nhằm phát hiện và giám sát Cúm gia cầm độc lực cao cũng như những vi-rút cúm khác là tâm điểm trong hệ thống giám sát và ứng phó của Việt Nam. Năng lực phòng thí nghiệm có thể chẩn đoán vi-rút cúm H5N1 hiện tại chỉ có ở Viện Vệ sinh Dịch tễ Trung ương (NIHE) tại Hà Nội và Viện Pasteur tại thành phố Hồ Chí Minh, nhưng cần được nâng cao năng lực ở một số mảng quan trọng. Cơ sở vật chất ở phòng thí nghiệm cấp vùng, tỉnh và phòng thí nghiệm di động cần được nâng cấp, như tài trợ mua trang thiết bị, bộ thiết bị chẩn đoán và vật tư tiêu hao. Ngoài ra, năng lực và an toàn phòng thí nghiệm cho nhân viên cần được nâng cấp thông qua những khóa tập huấn về an toàn sinh học và cập nhật hướng dẫn sử dụng.

35. **Nâng cao năng lực chăm sóc điều trị.** Lĩnh vực chăm sóc điều trị cần được đầu tư theo hai hướng là chuẩn bị và ứng phó với đại dịch. Thứ nhất, năng lực của hệ thống bệnh viện cần được nâng cao để có thể phát hiện và ứng phó với những ca nhiễm cúm và Cúm gia cầm độc lực cao ở người. Thứ hai, cần phải chuẩn bị cho tình huống đại dịch, cần đến sự chăm sóc điều trị đột xuất, ở quy mô lớn trên toàn nước Việt Nam, bao gồm cả việc xây dựng kế hoạch ứng phó bệnh dịch ở cấp bệnh viện.

36. Sách Xanh còn bao hàm một cách cụ thể những phần và hoạt động sau: (a) đánh giá tình hình đối với năng lực ứng phó với trường hợp nhiễm Cúm gia cầm độc lực cao và khi xảy ra đại dịch theo giả thuyết; (b) điều chỉnh lại tiêu chuẩn, hướng dẫn và thực hiện tập huấn và giám sát nhằm nâng cao khả năng chăm sóc người bệnh; (c) nâng cấp trang thiết bị và điều kiện làm việc; (d) thành lập phòng cách ly và sửa đổi thủ tục tại các bệnh viện để nâng cao năng lực kiểm soát tại mỗi bệnh viện; và (e) xây dựng năng lực để ứng phó với đại dịch bằng cách lập kế hoạch, diễn tập ứng phó đại dịch, và thực hiện dự trữ vật tư, thuốc men và trang thiết bị.

37. **Tăng cường nghiên cứu.** Việc chuyển từ giai đoạn ứng phó khẩn cấp sang không chế ở trung hạn mang đến cơ hội cho phép thực hiện các nghiên cứu khoa học để có thể chỉ đạo chiến lược phòng chống và kiểm soát Cúm gia cầm độc lực cao. Nghiên cứu sẽ tập trung vào xác định nhân tố có nguy cơ gây ra bệnh cấp tính với cúm H5N1 và sự lây truyền của nó, làm rõ được cơ chế lưu hành của H5N1 trong những nhóm dân cư khác nhau, mở ra khả năng thí nghiệm sàng lọc bệnh và giám sát sự biến thể gene của vi-rút.

38. **Chú trọng vào những hoạt động nhằm thay đổi hành vi và nhận thức của cộng đồng.** Việc thực hiện các hoạt động nhằm thay đổi hành vi và nhận thức của cộng đồng sẽ được thực hiện tại mỗi ngành với tập hợp những mục đích chủ chốt giống nhau. Ngành Y tế sẽ giữ vai trò chủ đạo trong việc thúc đẩy nhận thức kết hợp với: (a) báo cáo đúng hạn về những ca nhiễm ở người; (b) nâng cao vệ sinh cá nhân và an toàn thực phẩm; (c) tuân thủ những quy định của ngành; và (d) tăng cường ứng phó đại dịch khi có hiện tượng lây nhiễm từ người sang người. Đối tượng độc giả quan trọng hàng đầu chính là cộng đồng, sẽ thu nhận thông tin qua nhiều kênh khác nhau như nhân viên y tế, cơ quan truyền thông, và mạng lưới trường học.

F. THÁCH THỨC VÀ CÁC GIẢI PHÁP ĐỀ XUẤT

39. Xây dựng chương trình phòng chống Cúm gia cầm độc lực cao hiệu quả thể hiện nỗ lực phi thường, vì nhiều nguyên do khác nhau, có thể kể đến sự thiếu hụt trong hiểu biết về dịch tễ Cúm gia cầm độc lực cao và các biện pháp phòng chống dựa trên bằng chứng và yêu cầu cần phải có sự phối hợp mạnh mẽ liên ngành. Những thách thức chính gặp phải khi xây dựng và triển khai kế hoạch quốc gia phòng chống Cúm gia cầm độc lực cao và những biện pháp đề xuất là:

- **Do kết quả bao vây thành công dịch bệnh cho tới nay, Việt Nam có thể trở thành nạn nhân của chính thành công của mình,** đứng trước khả năng là sự duy trì cam kết quốc gia và quốc tế có thể giảm dần theo thời gian. Do đó, rất cần cảnh giác đến chừng nào nguy cơ về bùng phát dịch vẫn còn tồn tại.
- **Những biện pháp can thiệp có hiệu quả và hiệu lực nhất có thể không nhận được số tiền tài trợ cần thiết.** Nguồn tài trợ có thể hướng đến hành động can thiệp được coi là kém hiệu quả hơn bởi sự hạn chế trong hiểu biết về cách ứng phó tốt nhất với Cúm gia cầm độc lực cao. Trau dồi kiến thức thông qua những nỗ lực nghiên cứu sẽ giúp giảm bớt nguy cơ.
- **Khả năng thu hút đầu tư bị hạn chế.** Một số hạng mục đầu tư, cụ thể đối với trang thiết bị, có nguy cơ không được sử dụng hết công suất bởi không đủ nguồn nhân lực và kỹ năng phù hợp, cũng như không gian cần thiết cho những thiết bị đó, như vậy, quan trọng nhất là các hoạt động tập trung vào lập kế hoạch thật cẩn thận cho hỗ trợ về kỹ thuật, đào tạo và xây dựng năng lực.
- **Công tác ứng phó với đại dịch không gây được sự chú ý cần thiết đối với cơ chế thực hiện ở tuyến tỉnh, huyện và xã.** Sự thiếu hụt về nguồn nhân lực, nhân sự không đủ năng lực, bệnh thành tích và sự phân quyền đã đặt quá trình triển khai tại tỉnh, huyện và xã trước thách thức. Thủ tục

thực hiện và cơ chế cấp vốn sẽ bộc lộ ra mối liên hệ tương đối phức tạp giữa công tác hoạch định chính sách từ Trung ương và việc thực hiện tại địa phương.

- **Đại dịch cúm có thể khởi phát ngoài Việt Nam**, điều đó nhấn mạnh đến sự cần thiết phải có những biện pháp kiểm soát đường biên và tăng cường sự hợp tác giữa các quốc gia trong khu vực với nhau và trên bình diện quốc tế.
- **Có thể không duy trì lâu dài được một số hoạt động, trừ khi vốn tài trợ trong dài hạn đề cập đến.** Kỹ thuật tinh vi để thực hiện chẩn đoán bệnh cúm trong phòng thí nghiệm rất đắt tiền; những chi phí đó hiện được chi trả bằng vốn ODA. Cũng phải tính đến những dự án đang được tài trợ, gồm cả chi phí định kỳ thường xuyên.
- **Có thể phát sinh những tác động ngoại lai đối với xã hội và môi trường** nếu việc lập kế hoạch và việc điều chỉnh pháp quy không phù hợp với sự hoạch định kinh tế trong ngành Chăn nuôi. Cuốn Sách Xanh cũng đề xuất việc đánh giá ảnh hưởng, thí điểm và sửa đổi các quy định pháp quy.

G. NGÂN SÁCH DỰ KIẾN

40. Trong thời gian Đoàn công tác đánh giá chung làm việc, tổng chi phí dự tính trong cuốn Sách Xanh vào khoảng 250 triệu đô la Mỹ cho giai đoạn 2006-2010. Phân chia ra cho mỗi hợp phần là: Phần I – 31.2 triệu đô la Mỹ dành cho các hoạt động tăng cường phối hợp (chiếm 12%); Phần II – 116.4 triệu đô la Mỹ dành cho các hoạt động Khống chế và Thanh toán Cúm gia cầm độc lực cao trong ngành Nông nghiệp, do Bộ NN&PTNT triển khai (chiếm 47%); và Phần III – 102.4 triệu đô la Mỹ cho việc Khống chế cúm và chuẩn bị ứng phó với đại dịch trong ngành Y tế, do Bộ Y tế triển khai (chiếm 41%). Tổng chi phí cũng bao gồm 13.5 triệu đô la Mỹ dự phòng trượt giá và 27 triệu đô la Mỹ dự phòng về cơ sở vật chất.

41. Khoản tài trợ này cũng phù hợp với khu vực công cộng và những yêu cầu tài trợ ODA để hỗ trợ cho Sách Xanh, không bao gồm việc cấp ngân sách để quy hoạch lại ngành Chăn nuôi, mà theo dự tính của Cục Chăn nuôi trong “Chiến lược Thương mại hóa” vào khoảng 225 triệu đô la Mỹ. Tương tự, khoản này cũng không bao gồm một chuỗi các hoạt động liên quan đến công tác chuẩn bị và ứng phó với cúm gia cầm trong ngành Y tế, với tổng dự toán khoảng 222 triệu đô la Mỹ, nhưng được Bộ Y tế đánh giá ưu tiên mức độ 2.

A. BỐI CẢNH

1. HIỆN TRẠNG CÚM GIA CẦM ĐỘC LỰC CAO Ở VIỆT NAM

1. Quý 1 đầu năm 2006 chứng kiến sự tiến bộ rõ rệt đối với tình hình Cúm gia cầm độc lực cao ở Việt Nam, không có một thông báo chính thức nào về việc dịch bùng phát trên đàn gia cầm từ tháng 12 năm 2005 và không có trường hợp nào xác nhận nhiễm cúm ở người từ tháng 11 năm 2005. Việc giảm số trường hợp nhiễm Cúm gia cầm độc lực cao trên đàn gia cầm cũng như ở người là thành tựu quan trọng, đặc biệt kể từ khi có thông báo sạch dịch và ngay cả ở giai đoạn nguy cơ cao trước Tết Nguyên đán, thời điểm có một lượng lớn người Việt Nam trở về quê. Ngược lại, dịp Tết năm 2004 chứng kiến sự bùng phát dịch trên đàn gia cầm ở đỉnh điểm. Ấn tượng hơn, giai đoạn sạch dịch mới đây còn trùng với mùa cúm ở bắc bán cầu, là thời kỳ có nguy cơ cao nhất đối với việc lây nhiễm cúm sang người.

2. Tuy nhiên, bệnh Cúm gia cầm độc lực cao vẫn là mối lo ngại đáng kể của Việt Nam. Kể từ khi bắt đầu đợt bùng phát hiện tại vào cuối năm 2003, Việt Nam đã chứng kiến dịch bùng phát trên toàn quốc và được biết đến như quốc gia có nhiều ca nhiễm ở người nhiều nhất trong số những quốc gia bị dịch. Dù đã có những tiến bộ nhất định trong tình hình hiện tại, nhưng vẫn còn đó những nỗi lo rằng vi-rút Cúm gia cầm độc lực cao tiếp tục lưu truyền trong gia cầm ở Việt Nam. Việc vận chuyển trái phép gà có nguy cơ nhiễm bệnh qua biên giới vẫn tiếp tục nổi lên.

3. Việt Nam là nước đầu tiên báo cáo về bùng phát Dịch cúm gia cầm độc lực cao trên đàn gia cầm trong bối cảnh dịch có thể lây sang người. Sau ca xác nhận nhiễm bệnh ở người đầu tiên vào tháng 12 năm 2003, bệnh dịch đã được phát hiện ở rất nhiều nơi trên toàn quốc. Thời kỳ cao điểm nhất, đã có 24% số xã và 60% số tỉnh thành có dịch cúm. Đến tháng 3 năm 2004, 17% số đàn gia cầm đã bị chết hoặc tiêu hủy, tương đương với 45 triệu con. Hai đợt bùng phát sau đó ở mức độ nhẹ hơn với đợt thứ hai xảy ra vào cuối năm 2004-đầu năm 2005 và đợt thứ ba tháng 8 năm 2005. Một chiến dịch tiêm phòng cấp quốc gia đã được triển khai từ tháng 10 năm 2005 đến tháng 1 năm 2006 tại 64 tỉnh thành, đã tiêm được cho hơn 84 triệu con gà và 40 triệu con vịt.

4. Việt Nam được biết đến có số người bị nhiễm cúm cao nhất trong số những nước có dịch, với số lượng đáng lo ngại. Bắt đầu từ tháng 12 năm 2003, khi có ca nhiễm đầu tiên ở người, đã có 93 trường hợp xác nhận nhiễm cúm, trong đó có 42 trường hợp đã tử vong, đây tỷ lệ tử vong lên tương đối cao

(45%). Phần lớn những ca nhiễm bệnh có những biểu hiện phơi nhiễm trực tiếp hoặc gián tiếp với gia cầm nhiễm bệnh, nhưng không có triệu chứng truyền từ người sang người. Số liệu báo cáo cho thấy (tính cả những trường hợp tử vong) dịch có xu hướng cao nhất vào mùa đông (từ tháng 1 đến tháng 4). Việt Nam đã trải qua 3 đợt dịch Cúm gia cầm độc lực cao ở người kể từ tháng 12 năm 2003. Tuy vậy, báo cáo cho thấy người bị nhiễm cúm xuất hiện ở 32 tỉnh thành, chủ yếu tập trung ở khu vực đồng bằng sông Hồng ở miền Bắc và đồng bằng sông Cửu Long ở miền Nam, phù hợp với sự phân bố của ổ dịch.

5. Dù rằng Việt Nam đã thông báo hết dịch trong mấy tháng gần đây, nhưng dường như vẫn chưa kiểm soát được vi-rút. Vi-rút lưu hành chủ yếu trên các loài chim như thủy cầm và chim cút, rất khó phát hiện vì khả năng gây bệnh thấp. Dịch cúm gia cầm độc lực cao có thể xâm nhập vào Việt Nam từ bên ngoài. Sự chênh lệch giá cả trên thị trường khiến một lượng lớn gà được nhập lậu từ miền nam Trung Quốc vào Việt Nam, với giá bán cơ bản là cao hơn. Thêm nữa, những nghiên cứu mới đây cho thấy chủng vi-rút mới xuất hiện ở Việt Nam rất tương đồng với chủng vi-rút đang lưu hành ở Trung Quốc. Đàn thủy cầm di trú chính là nỗi quan ngại bởi chúng có thể là nhân tố mang dịch Cúm gia cầm độc lực cao trở lại Việt Nam hoặc tiếp tục phát tán khả năng lây truyền trên toàn quốc.

6. Nhìn chung, số trường hợp xác nhận nhiễm cúm tương đối cao, cùng với sự bùng phát của vi-rút Cúm gia cầm độc lực cao trên đàn gia cầm đã đặt Việt Nam trong mối quan tâm cấp quốc gia và đối với cộng đồng quốc tế. Với thói quen sinh hoạt sống gần đàn gia cầm nuôi tại nhà ở nông thôn, Việt Nam có thể trở thành nơi mà vi-rút cúm gia cầm độc lực cao có thể gây ra đại dịch ở người. Độ lan truyền mới đây của Cúm gia cầm độc lực cao trên gia cầm từ Châu Á sang Châu Âu cũng không loại trừ khả năng đại dịch cúm ở người có thể xâm nhập Việt Nam từ bên ngoài. Giả thuyết đó khiến Chính phủ Việt Nam phải thu hút nhiều hơn nữa sự hỗ trợ của cộng đồng quốc tế nhằm xây dựng và triển khai kế hoạch kiểm soát sự lây truyền của Cúm gia cầm độc lực cao trên đàn gia cầm, và ứng phó với lây nhiễm sang người và chuẩn bị cho đại dịch nếu có.

2. ẢNH HƯỞNG VỀ KINH TẾ

7. Dịch cúm gia cầm đã gây ra thiệt hại tương đối về mặt xã hội và kinh tế, đặc biệt đối với hàng triệu hộ gia đình chăn nuôi nhỏ lẻ. Có khoảng 51 triệu đầu gia cầm đã bị tiêu hủy từ tháng 12 năm 2003 đến tháng 12 năm 2005. Con số thiệt hại trực tiếp về mặt kinh tế vì dịch bệnh được ước đoán chiếm khoảng 0.5% tổng sản phẩm quốc nội năm 2004. Ước tính có đến 8 triệu trong số 11 triệu hộ gia đình ở Việt Nam có chăn nuôi gia cầm trước năm 2003. Tuy nhiên,

tác động đó không phân bố đồng đều trong các hộ gia đình bởi thu nhập từ gia cầm và trứng đóng vai trò rất quan trọng đối với những hộ nghèo. Thiệt hại về kinh tế do cúm gia cầm ở Việt Nam không chỉ tác động tới người buôn bán và chăn nuôi gia cầm, mà còn ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh gia cầm.

8. Dịch cúm ở người có thể gây ra những hậu quả nặng nề về kinh tế và xã hội, bao gồm tổn thất về đời sống và kế sinh nhai trên diện rộng. Như những quốc gia bị dịch khác, Việt Nam phải đương đầu với sự lựa chọn trong việc cân bằng quá trình chuẩn bị và hành động, bởi cả hai lựa chọn đó đều phát sinh chi phí. Tối thiểu, ba tác động sau cần phải được cân nhắc trong trường hợp dịch bệnh xảy ra ở người: (a) hậu quả của bệnh tật và tử vong nếu có dịch; (b) sự ứng phó riêng của hệ thống dự phòng; và (c) sự ứng phó của quốc gia.

3. LẬP KẾ HOẠCH VÀ ỨNG PHÓ CẤP QUỐC GIA

9. Vào tháng 1 năm 2006, Việt Nam đã hoàn thiện *Chương trình phối hợp hành động quốc gia phòng chống cúm gia cầm và chuẩn bị ứng phó với đại dịch ở người giai đoạn 2006-2008*. Chương trình phối hợp hành động đã kết hợp hai ngành Thú y và Y tế trong những mục tiêu chung và thể hiện những hoạt động can thiệp có phát sinh chi phí nhằm tăng cường công tác lập kế hoạch và chính sách quốc gia, giám sát thú y và y tế, thanh toán vi-rút trên đàn gia cầm, và tăng cường năng lực cách ly sớm và chăm sóc sức khỏe người bệnh. Dù chương trình hành động chỉ tập trung trong 3 năm, nhưng cũng đưa ra được mục chính trong kế hoạch trung hạn.

10. Sự can thiệp được đề cập đến trong *Kế hoạch chuẩn bị ứng phó quốc gia phòng chống dịch cúm gia cầm H5N1 và đại dịch ở người tại Việt Nam*, đã được Thủ tướng phê chuẩn vào tháng 11 năm 2005. *Kế hoạch chuẩn bị quốc gia* đã thể hiện rõ ràng chiến lược của Việt Nam trong việc kiểm soát Cúm gia cầm độc lực cao với sự tham gia của nhiều bộ ngành, cho phép phân công trách nhiệm cho 12 Bộ trong đó Bộ NN&PTNT, Bộ Y tế, có vai trò điều phối chính đến Ủy ban Nhân dân tại cấp tỉnh và đơn vị hành chính thấp hơn, cũng như đến các cơ quan đoàn thể khác. Kế hoạch cũng chỉ ra được trách nhiệm và hoạt động đối với cấp trung ương và cấp tỉnh ở mỗi giai đoạn và giả thuyết về đại dịch.

11. **Kế hoạch ngành Thú y.** *Kế hoạch dự phòng khẩn cấp chống dịch Cúm gia cầm độc lực cao ở Việt Nam* (Quyết định số 3400 QĐ/BNN-TY) đã được Bộ trưởng Bộ NN&PTNT phê chuẩn vào ngày 5 tháng 12 năm 2005. Kế hoạch này là nền tảng để Cục Thú y xây dựng chiến lược ngành kiểm soát Cúm gia cầm độc lực cao. Cụ thể là: (a) thành lập trung tâm kiểm soát bệnh Cúm gia

cầm độc lực cao; (b) xây dựng các hướng dẫn kỹ thuật để ứng phó và không chế dịch Cúm gia cầm độc lực cao; (c) xây dựng hướng dẫn tiêu hủy và chôn lấp gia cầm mắc bệnh; và (d) xây dựng hướng dẫn tiêu độc khử trùng và tăng cường hoạt động không chế dịch bệnh đối với cho người buôn bán gia cầm, người vận chuyển, chế biến và hộ chăn nuôi nhỏ lẻ.

12. **Kế hoạch ngành Y tế.** *Kế hoạch quốc gia phòng chống và kiểm soát đại dịch cúm ở người* đã được Bộ Y tế đã phê chuẩn vào tháng 11, năm 2005. Kế hoạch đã chỉ ra những điểm mấu chốt cụ thể để ngành Y tế ứng phó được với Cúm gia cầm độc lực cao và chuẩn bị cho đại dịch trong những gia đoạn khác nhau của dịch bệnh. Chiến lược tập trung vào hệ thống giám sát và cảnh báo sớm, rủi ro trong việc liên lạc giữa người dân và nhân viên y tế, phương án đối với sự thờ ơ của cộng đồng, và chuẩn bị hệ thống chăm sóc sức khỏe nếu đại dịch xảy ra. Nguyên tắc chỉ đạo của Kế hoạch chính là chuẩn bị cho Cúm gia cầm độc lực cao để nâng cao năng lực ngành Y tế để ứng phó với dịch bệnh khác cũng như những bệnh truyền nhiễm mới nổi.

4. KHUNG CHÍNH SÁCH VÀ SỰ CAN THIỆP CỦA CHÍNH PHỦ

13. **Đối với ngành Thú y.** Những biện pháp được Bộ NN&PTNT phê chuẩn đề xuất những phương án không chế mạnh mẽ ở Việt Nam thông qua việc triển khai những phương pháp có tính quy ước như tiêu hủy và an toàn sinh học, kiểm soát việc vận chuyển kết hợp với chiến lược tiêm phòng cho gà và vịt. Những phương cách khác cũng được bổ sung là nâng cao nhận thức của người dân, tăng cường năng lực chẩn đoán, tăng cường năng lực nghiên cứu, ban bố lệnh cấm tạm thời đối với việc áp nỡ thủy cầm, tiến hành những nghiên cứu về dịch tễ để hiểu hơn về con đường lây truyền bệnh cũng như vai trò của chim hoang dã. Liên quan đến hỗ trợ tài chính cho nông hộ, theo những đề xuất từ nghiên cứu về đền bù, mức đền bù của Chính phủ trên đầu gia cầm bị tiêu hủy trong giai đoạn dập dịch đã tăng từ 10-15% so với giá trên thị trường, lên 50% vào tháng 6 năm 2005 (tương đương 15 nghìn đồng cho một đầu gia cầm). Chi phí cho việc này sẽ được chia đều giữa quỹ dự phòng địa phương và trung ương. Tuy nhiên, mức đền bù có thể không giống nhau từ tỉnh này sang tỉnh khác, phụ thuộc vào nguồn ngân sách của mỗi tỉnh.

14. Khung chính sách trong ngành Nông nghiệp được chuyển từ ứng phó khẩn cấp trong ngắn hạn sang kế hoạch trung hạn. Kế hoạch cũng chỉ ra hai nhân tố chính liên quan đến Cúm gia cầm độc lực cao ở Việt Nam cũng như trong khu vực: xu hướng phát triển ngành chăn nuôi không đảm bảo điều kiện an toàn sinh học cần thiết và hạn chế của ngành Thú y trong việc phát hiện, xác nhận bệnh và ứng phó với các ổ dịch. Khung chính sách trong ngành Nông

nghiệp cũng bao hàm đến nhiều cơ quan liên quan như Chăn nuôi gia cầm và Thú y. Chính sách tập trung vào việc tăng cường năng lực giám sát, dịch tễ học và chẩn đoán, cũng như hoạt động phối hợp trong công tác thú y ở mọi cấp trong hệ thống.

15. **Đối với ngành Y tế.** Ngành Y tế đưa ra hai giả thuyết nhằm ứng phó với Cúm gia cầm độc lực cao. Tình huống một là sự tiếp nối của giai đoạn tiền đại dịch hiện nay với những ổ dịch đang có trong đàn gia cầm ẩn chứa nguy cơ lây nhiễm cúm độc lực cao ở người, được đưa vào kế hoạch trung hạn. Khi đó, những trường hợp mắc nhiễm ở người được dự tính ở con số khiêm tốn nhưng ở thể trạng nặng. Tình huống hai là xảy ra đại dịch ở người với giả định một chủng vi-rút mới xuất hiện, có thể biến thể từ H5N1, khởi phát từ Việt Nam hoặc ở bên ngoài. Dự tính số ca xác nhận có dịch tăng nhiều nhưng sự nguy hại của bệnh được đánh giá từ nhẹ đến cấp tính.

16. Khung chính sách nhằm ứng phó với giả thuyết thứ nhất bao gồm những hoạt động trong ngành Y tế công cộng truyền thống. Dù rằng, trước đó, để kiểm soát dịch bệnh SARS, Bộ Y tế đã phải sử dụng tính chủ động của phương án *tùy biến*, nhưng giờ đây Bộ Y tế nhằm tới việc phối kết hợp vào hệ thống y tế. Phương án này gồm nâng cao năng lực giám sát, thiết lập cơ chế phát hiện sớm và đáp ứng nhanh với trường hợp nhiễm bệnh, và khuyến khích người dân thay đổi nhận thức nhằm giảm nhẹ nguy cơ lây nhiễm sang người. Chính sách cho lĩnh vực điều trị nhằm tăng cường năng lực trách nhiệm của hệ thống hiện tại ở những bệnh viện tuyến trung ương và tuyến tỉnh có chức năng đón tiếp bệnh nhân, trong khi không ngừng nâng cao năng lực phát hiện ca nhiễm bệnh ở mọi cấp.

17. Khung chính sách nhằm ứng phó với giả thuyết thứ hai là sự kết hợp giữa hệ thống y tế công cộng truyền thống và hệ thống điều trị ứng phó đại dịch theo giả thuyết. Mặc dù không thể dự đoán trước được khả năng xảy ra bệnh dịch và mức độ nghiêm trọng của nó, nhưng Bộ Y tế chú trọng vào việc lập kế hoạch và đầu tư vào những trang thiết bị chủ chốt để cho phép ứng phó nhanh và hiệu quả trong tương lai. Sự ứng phó có thể bao gồm phương án đối với sự thờ ơ của cộng đồng, như cách ly, hạn chế hội họp ở những nơi công cộng, cách ly vùng dịch ngay khi có thể. Đối với việc chăm sóc người bệnh, Bộ cũng nêu ra hiện tượng quá tải và yêu cầu nguồn lực cần có để điều trị bệnh trên quy mô lớn cho những bệnh nhân nhiễm cúm gia cầm thể nhẹ ngay tại địa bàn, nếu việc đó là cần thiết.

5. BÀI HỌC KINH NGHIỆM

18. Nhiều bài học đúc kết trong quá trình soạn thảo trước đây và trong dự án khắc phụ khẩn cấp đang thực hiện ở Việt Nam từ năm 2004 đã được tổng kết trong Sách Xanh. Những bài học chính rút ra từ kinh nghiệm của Việt Nam là:

- (a) **Tính nhanh chóng và minh bạch là nhân tố thành công chính.** Khi đối mặt với tình trạng khẩn cấp trước đây, những bản báo cáo rõ ràng minh bạch đóng vai trò chủ chốt trong việc khoanh vùng dịch bệnh. Tương tự, tính nhanh chóng cũng là một nhân tố thành công. Ví dụ, với một dự án đang thực hiện chung với Bộ NN&PTNT về hộ chăn nuôi nhỏ lẻ, Cơ quan Phát triển Quốc tế Đan Mạch có thể hành động ngay căn cứ trên yêu cầu của Bộ NN&PTNT, với thời gian ứng phó trong vòng hai tháng trước khi sự hỗ trợ đến được với tuyến huyện và xã.
- (b) **Sự chuẩn bị cũng là nhân tố thành công.** Mặc dù Việt Nam đã có chiến lược quốc gia nhằm khống chế cúm gia cầm trên đàn gia cầm, nhưng chi tiết hơi khó hiểu và không được chia sẻ với các cơ quan liên quan cũng như các cơ quan hữu quan khiến một số khía cạnh cho ứng phó đã bị chậm lại.
- (c) **Cần thực hiện chiến lược đầu tư hai hướng.** Bao gồm: (a) kiểm soát cúm gia cầm tại gốc ở những vùng có nguy cơ cao (thông qua những biện pháp mạnh như tiêu hủy, kiểm soát vận chuyển và chiến dịch tiêm phòng cho gia cầm và thủy cầm); và (b) song song chuẩn bị biện pháp trong ngắn hạn và dài hạn để giảm thiểu rủi ro cho người và cuối cùng là sẵn sàng cho đại dịch.
- (d) **Cam kết của lãnh đạo Nhà nước cấp cao là điều cốt lõi.** Để thực hiện tất cả những kế hoạch đó, rất cần thiết có cơ chế phối hợp được phép quyết định ở cấp liên Bộ, và có điều phối viên chuyên trách cho dự án để triển khai những hoạt động trong bối cảnh “bùng phát bệnh”. Hơn nữa, ở mỗi cấp độ hợp tác, sẽ góp phần làm mạnh hơn lên tính hiệu quả của chương trình phối hợp ứng phó quốc gia, gồm những bộ chuyên trách chịu trách nhiệm về Nông nghiệp/Thú y và Y tế, cũng như trong những ngành khác, ở cấp độ quốc gia và địa phương, trong trường hợp xảy ra đại dịch.
- (e) **Sự điều phối của các nhà tài trợ cho chương trình của Chính phủ là điều quan trọng.** Cộng đồng các nhà tài trợ đại diện cho các bên khác nhau với các cách làm việc và chương trình cũng không giống nhau. Vào thời điểm bắt đầu có dịch, sự thiếu vắng cơ chế rõ ràng cho hoạt động điều phối giữa các nhà tài trợ đã gây khó khăn cho các hoạt động điều phối. Tình hình đó đã được thay đổi đáng kể với sự quan tâm đặc biệt của Chính phủ đến sự bùng phát các ổ dịch và kể từ đó, cộng đồng các nhà tài trợ đã cùng nhau hợp tác.

- (f) **Chiến lược không chế Cúm gia cầm độc lực cao và Kế hoạch chuẩn bị cần phải được gắn với chương trình cải cách luật lệ và thể chế.** Cụ thể, trong khi điều chỉnh “khung đền bù” cần chú trọng đến việc duy trì hợp tác với đối tượng chịu tác động của dịch (nông dân, người chăn nuôi, người buôn bán, giết mổ gia cầm v.v) và đồng thời đảm bảo được tính hiệu quả của cơ chế giám sát và chẩn đoán. Chương trình cải cách khác trong dài hạn được đưa ra là quy hoạch lại ngành Chăn nuôi gia cầm và xây dựng văn bản pháp lý cho an toàn thực phẩm.
- (g) **Năng lực chuyên môn, khoa học và quản lý của các cơ quan tham gia, cụ thể là Cục Thú y, cần phải được tăng cường.** Sự bùng phát các ổ dịch cúm gia cầm đã bộc lộ những điểm yếu trong ngành Thú y, cũng như trong hệ thống Y tế công cộng, là: thiếu sự giám sát ở tuyến địa phương, năng lực chẩn đoán còn yếu, thiếu chuyên gia dịch tễ học cũng như hệ thống thông tin, ngân sách dự trù không đủ đáp ứng cho những chi phí phát sinh về vật chất và duy trì mạng lưới nhân sự cho công tác khoanh vùng dịch.
- (h) **Hệ thống Y tế Dự phòng đủ mạnh** với cơ sở hạ tầng được nâng cấp, có hệ thống báo cáo từ cơ sở lên trung ương, kết hợp với **sự phối hợp mạnh mẽ liên bộ ngành** ở mọi cấp sẽ là nhân tố chủ chốt để đảm bảo cho phối hợp ứng phó với đại dịch.
- (i) **Chiến lược không chế cần phải có cả chiến dịch nâng cao nhận thức và thông tin cộng đồng.** Nâng cao nhận thức cộng đồng có vai trò hết sức quan trọng đối với cả lĩnh vực tư nhân lẫn công cộng vào thời điểm hiện nay. Ngoài ra, trong khuôn khổ các hoạt động nâng cao nhận thức cộng đồng, có rất nhiều cơ quan của chính phủ, cơ quan hợp tác đa phương, song phương và phi chính phủ đã xây dựng và phổ biến nhiều thông điệp cũng như tài liệu. Do vậy, vai trò quan trọng của việc điều phối hoạt động các biện pháp và thông điệp có tính quyết định đến thành công của chiến dịch thay đổi hành vi thực tế và sử dụng một cách có hiệu quả nguồn lực. Thêm vào đó, nghiên cứu cơ sở cho phép đưa ra được những thông điệp có hiệu quả giúp nhấn mạnh hơn nữa việc phát triển chiến lược tuyên truyền.
- (j) **Hợp tác vùng là yếu tố then chốt.** Bài học quý báu từ dịch SARS cho thấy cần phải có sự hợp tác trong khu vực trong công tác ứng phó của ngành Y tế, gồm trao đổi thông tin và hợp tác ở những hoạt động y tế cộng đồng. Cần tạo lập thói quen hỗ trợ hợp tác giữa mỗi quốc gia và các nước trong khu vực cũng như trong bối cảnh toàn cầu nhằm không chế Cúm gia cầm độc lực cao, và rộng hơn là những dịch bệnh động vật truyền qua biên giới cũng như các căn bệnh truyền nhiễm mới nổi, giúp nâng cao tính hiệu quả của đầu tư và đảm bảo sự cân bằng trong các hoạt động và ứng phó.

- (k) **Sự linh hoạt là cần thiết trong việc đáp ứng phát triển dịch tễ học trong bối cảnh có Cúm gia cầm độc lực cao ở quy mô quốc gia, khu vực và quốc tế.** Dù cúm gia cầm độc lực cao đã phát triển và được kiểm soát và phòng chống thành công bằng nhiều phương pháp, nhưng hiện nay Việt Nam vẫn cần phải điều chỉnh chương trình tập trung sự chú ý sang ứng phó trong trung hạn và dài hạn. Hơn nữa, vi-rút có tính khu vực và quốc tế vẫn tiếp tục phát tán, đưa đến những nguy cơ mới và do vậy cũng cần tính đến khi điều chỉnh chiến lược.

B. MỤC TIÊU CỦA SÁCH XANH

19. **Mục tiêu.** Mục tiêu tổng quan của Sách Xanh là giảm rủi ro của bệnh cúm gia cầm đối với con người thông qua khống chế mầm bệnh tận gốc trong đàn gia cầm nuôi tại nhà, phát hiện và ứng phó kịp thời với các ca bệnh ở người, đồng thời chuẩn bị về mặt y tế để ứng phó với khả năng xảy ra đại dịch ở người có thể xảy ra trong 5 năm tới.

20. **Ngành Nông nghiệp.** Đối với ngành Nông nghiệp, mục tiêu chung là từng bước khống chế và dập dịch Cúm gia cầm độc lực cao ở Việt Nam. Mục tiêu cụ thể trong ngắn đến trung hạn là:

- (a) Nâng cao năng lực ngành Thú y trong khống chế Cúm gia cầm độc lực cao cũng như những dịch bệnh tiềm ẩn của có khả năng truyền sang người khác;
- (b) Sử dụng phương pháp đầu tư hiệu quả nhiều giai đoạn được nêu rõ tại mỗi hợp phần nhằm khống chế Cúm gia cầm độc lực cao;
- (c) Lên kế hoạch quy hoạch lại ngành Chăn nuôi để khống chế tốt hơn Cúm gia cầm độc lực cao, cũng như giảm thiểu tổn thất đối với kế sinh nhai và ô nhiễm môi trường.

21. **Ngành Y tế.** Các mục tiêu cụ thể nhằm ứng phó với Cúm gia cầm độc lực cao bao gồm:

- (a) Giảm tỷ lệ và trường hợp tử vong do nhiễm cúm gia cầm;
- (b) Hạ thấp khả năng xảy ra đại dịch cúm ở người; và
- (c) Thực hiện những biện pháp cần thiết để giảm nhẹ tác động của đại dịch.

22. Về nguyên tắc, sự ưu tiên ứng phó của hợp phần Y tế liên quan đến những hoạt động hướng đến Cúm gia cầm độc lực cao trong kế hoạch tổng thể giúp nâng cao năng lực của ngành nhằm phát hiện, khống chế và ứng phó với những bệnh truyền nhiễm mới nổi, đặc biệt là bệnh có khả năng lây sang người.

C. KHUNG THỂ CHẾ VÀ TÀI CHÍNH

1. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG

Phối hợp hoạt động ở cấp trung ương và địa phương

23. Việt Nam đã thực hiện được cơ chế phối hợp ở cấp trung ương và triển khai đồng bộ ở cấp tỉnh, và trong nhiều trường hợp, ở cả cấp huyện.

24. Ở cấp trung ương, sự phối hợp hoạt động liên bộ được thực hiện thông qua Ban Chỉ đạo Quốc gia phòng chống dịch Cúm gia cầm (NSCAI-Ban Chỉ đạo). Ban Chỉ đạo được thành lập vào tháng 1 năm 2004 (Quyết định số 13/2004/QĐ-TTg, ngày 28/1/2004) có vai trò điều phối hoạt động quốc gia nhằm kiểm soát và giám sát Cúm gia cầm độc lực cao. Bộ trưởng Bộ NN&PTNT là trưởng ban, chủ trì Ban Chỉ đạo, Thứ trưởng Bộ NN&PTNT và Thứ trưởng Bộ Y tế là phó ban. Các thành viên chính thức khác từ Bộ Tài chính, Bộ Thương mại, Bộ Công An, Bộ Giao thông Vận tải, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Văn hóa Thông tin, Bộ Ngoại giao. Cục Thú y thuộc Bộ NN&PTNT và Cục Y tế Dự phòng thuộc Bộ Y tế cũng là thành viên chính thức. Mặc dù Cục Thú y đóng vai trò hỗ trợ Ban Chỉ đạo những sự vụ hành chính, nhưng theo Ban Chỉ đạo Cục không là thành viên chính thức theo tinh thần của Quyết định số 13.

25. Ban Chỉ đạo tổ chức họp hàng tuần để nắm tình hình và báo cáo Chính phủ về thay đổi trong tình hình dịch bệnh và việc thực hiện các biện pháp khống chế. Ngài Thủ tướng và Phó Thủ tướng đã chủ trì một số cuộc họp. Tâm điểm của Ban Chỉ đạo tập trung vào khống chế dịch cúm gia cầm; nhưng cũng đề cập đến vấn đề phối hợp hoạt động. Hơn nữa, theo tinh thần quyết định của Thủ tướng, số 348/2006/QĐ-TTg, ngày 21/2/2006, *Ban Chỉ đạo quốc gia phòng chống cúm gia cầm và ở người* được xây dựng trên nền tảng của *Ban Chỉ đạo quốc gia chống dịch SARS*, được thành lập vào năm 2003. Khi đó, Ban chỉ đạo do Bộ Y tế chủ trì, với thành viên là các bộ ngành có liên quan.

26. Ở cấp tỉnh và trong một chừng mực nào đó, ở cấp huyện, Ban chỉ đạo phòng chống cúm gia cầm cũng được thành lập, trực thuộc Ủy ban Nhân dân. Các ban đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc điều phối hoạt động ở địa phương, tuy nhiên vai trò đó hết sức khác nhau giữa các địa phương.

Điều phối nhà tài trợ

27. Ban Chỉ đạo đã được tin tưởng giao phó trách nhiệm điều phối hợp tác giữa Chính phủ và các nhà tài trợ, và duy trì cuộc họp thường xuyên với cộng đồng các nhà tài trợ. Cụ thể, với sự hỗ trợ của Vụ Hợp tác Quốc tế thuộc Bộ NN&PTNT, Cục Thú y đã đóng vai trò trung tâm trong hoạt động điều phối trong thời gian gần đây, đặc biệt với Chương trình chung chống lại Cúm gia cầm giữa Chính phủ và các cơ quan Liên Hợp Quốc (Chương trình chung), là chương trình đã nhận được tài trợ của 7 nhà tài trợ song phương. Cục Y tế Dự phòng thuộc Bộ Y tế và những cơ quan khác cũng cùng tham gia.

28. Vào năm 2005, đồng Chủ tịch Cộng đồng chung Châu Âu, do Ngài đại sứ Vương quốc Hà Lan và Vương quốc Anh, đã tổ chức một cuộc họp mang tính kỹ thuật đồng thời thông báo tin vắn cho cộng đồng các nhà tài trợ, các tổ chức phi chính phủ và đại diện của các ngành có sự hỗ trợ mạnh mẽ của Tổ chức Y tế Thế giới và Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Thế giới

29. Kể từ tháng 10 năm 2005, Chương trình chung đã hỗ trợ các cuộc họp hợp tác giữa Chính phủ và các nhà tài trợ. Chương trình cũng tuyển mộ vị trí chuyên gia điều phối các nhà tài trợ (và một phụ tá) có trách nhiệm tập hợp nguồn thông tin từ các nhà tài trợ cũng như sự giúp đỡ của các tổ chức phi chính phủ quốc tế và đã bắt đầu hỗ trợ Ban Chỉ đạo đặc biệt là Bộ Y tế và Bộ NN&PTNT trong quá trình làm việc với các nhà tài trợ.

30. Tuy nhiên, hiện không có cơ chế hợp tác hoạt động nào cho nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA). Rất nhiều mối quan hệ song phương đang song song cùng tồn tại trong số các nhà tài trợ, các tổ chức phi chính phủ quốc tế và những Bộ khác, các Cục cũng như các Ủy ban Nhân dân các cấp. Sự cam kết đó chưa thực sự được điều phối hoạt động, dù rằng cũng có những thay đổi đáng kể trong luồng thông tin mới đây, với sự tăng lên của các thông tin được đăng tải trên các trang tin điện tử của Tổ chức Y tế Thế giới cũng như của Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Thế giới. Ngoài ra, trang tin điện tử của Chương trình chung cũng sắp được ra mắt và sẽ tập trung vào điều phối hoạt động và cung cấp thông tin về các nhà tài trợ.

Tăng cường khung điều phối hoạt động

31. Điều phối hoạt động ở cấp quốc gia cần sự chỉ đạo mạnh mẽ của Chính phủ, nhất là để bảo đảm rằng những nỗ lực của các nhà tài trợ và các tổ chức phi chính phủ quốc tế phù hợp với những ưu tiên của đất nước và góp phần bù đắp thiếu hụt thay vì chồng chéo lẫn nhau. Sự lãnh đạo mạnh mẽ đã được thể hiện trong tình trạng khẩn cấp kéo dài đến tận mùa đông năm 2005-2006, và chỉ kết thúc khi các yếu tố bùng phát dịch trên gia cầm và lây nhiễm ở người

tạm lắng xuống. Công tác chỉ đạo kiên quyết, điều phối hợp tác tốt hơn và trao đổi thông tin cần được duy trì trong tình hình dịch cúm gia cầm hiện nay, gồm mở rộng phạm vi của những hoạt động kiểm soát và phòng chống, và mở rộng thành viên bằng việc kết nạp thêm các bên có liên quan khác.

32. Những phần được đề cập sau đây cung cấp thông tin bổ sung và đưa ra một số lựa chọn nhằm xây dựng khung thể chế, mà trong trung hạn đến ngắn hạn các biện pháp được sử dụng nhằm hạn chế sự bùng phát dịch trên đàn gia cầm cũng như khoanh vùng nguy cơ có thể xảy ra đại dịch ở người. Bốn phương án được đề xuất là: (a) tăng cường phối hợp hoạt động cấp quốc gia; (b) tăng cường phối hợp hoạt động cấp tỉnh; (c) tăng cường hoạt động điều phối nguồn vốn ODA bằng việc thành lập nhóm hợp tác giữa chính phủ và các nhà tài trợ phòng cúm gia cầm và cúm ở người; và (d) thành lập nhóm làm việc chuyên trách (xem Sơ đồ 1 – Đề xuất Khung Điều phối hoạt động).

(a) Tăng cường điều phối hoạt động cấp quốc gia

33. Ban Chỉ đạo đã hoạt động rất hiệu quả và đóng vai trò to lớn trong việc thực hiện thành công cuốn Sách Xanh. Ban tiếp tục duy trì cuộc họp thường xuyên do Bộ NN&PTNT chủ trì. Giờ đây, điều quan trọng là khoanh vùng được ổ dịch, trong khi vẫn phát huy vai trò điều phối quan trọng trong các hoạt động liên quan đến cúm gia cầm.

34. Nguy cơ về một đại dịch vẫn còn đặt ra yêu cầu cần nâng cao hơn nữa sự điều phối và hợp tác chung. Để đạt được điều đó, Ban Chỉ đạo có thể trở thành Ban Chỉ đạo Quốc gia về Cúm gia cầm và Cúm ở người (NSCAHI-Ban) và trở thành diễn đàn quan trọng nhất để tăng cường sự phối hợp liên Bộ ngành trong công tác chuẩn bị và ứng phó với đại dịch. Khi đó, Ban có thể mở rộng thành viên để thu nạp thêm Bộ khác như Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Quốc phòng, cũng như đại diện của Hội Chữ thập Đỏ Việt Nam và của các tổ chức truyền thông.

35. Trách nhiệm của các bộ ngành sẽ được giao phó vào hai tiểu ban: (a) tiểu ban đang hoạt động về phòng chống cúm gia cầm và ứng phó với đại dịch ở người, do Bộ Y tế chủ trì, và (b) thành lập một tiểu ban mới về phòng chống dịch Cúm gia cầm độc lực cao do Bộ NN&PTNT chủ trì. Vai trò và nhiệm vụ nặng nề của Ban cũng như hai tiểu ban sẽ được thể chế hóa thông qua việc sửa đổi Quyết định số 13/2004/QĐ-TTg.

36. Hai tiểu ban có thể yêu cầu sự tham gia của Cục Y tế Dự phòng, Vụ Điều trị và Viện Vệ sinh Dịch tễ Trung ương trực thuộc Bộ Y tế, Cục Thú Y và Cục Chăn nuôi trực thuộc Bộ NN&PTNT. Hai tiểu ban này cũng cần được chia sẻ

thông tin lẫn nhau, với các nhà tài trợ cũng như với các bên liên quan khác, gồm các tổ chức đoàn thể xã hội và cộng đồng doanh nghiệp, trong nhóm làm việc chuyên trách (xem dưới đây).

(b) Tăng cường điều phối hoạt động cấp tỉnh

37. Có thể thành lập Ban điều phối cấp tỉnh và cấp huyện. Hợp tác giữa các cơ quan hữu quan chủ chốt cần phải được lãnh đạo Ủy ban Nhân dân tạo điều kiện thuận lợi nhất. Tuy nhiên, cũng cần có sự điều phối hoạt động mạnh mẽ thông qua việc chính thức hóa vai trò của các ban ở các cấp này, cũng như việc tham gia của mọi các bên liên quan chủ chốt, ví dụ như Hội Chữ thập Đỏ Việt Nam.

(c) Tăng cường điều phối nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức

38. Cuốn Sách Xanh đưa ra cơ sở cho việc huy động và sử dụng cả hai nguồn vốn ngân sách lẫn nguồn hỗ trợ phát triển chính thức, gồm cả tài trợ và cho vay trong thời gian đó. Nhằm đảm bảo việc sử dụng vốn vay ODA đạt hiệu quả, cần thành lập cơ chế điều phối ODA trong khuôn khổ của Tuyên bố Hà Nội (HSC).

39. **Hài hòa yêu cầu của các nhà tài trợ và song hành với ưu tiên quốc gia.** Tuyên bố Hà Nội được phát triển trên tinh thần Hội nghị Paris và được cuộc họp Nhóm tư vấn các nhà tài trợ (CG) thông qua tại phiên họp giữa kỳ được tổ chức ở Cần Thơ vào tháng 6 năm 2005 trên tinh thần “một chiến dịch – nhiều ngành tham gia” của Chính phủ Việt Nam (GoV) và các nhà tài trợ. Về cơ bản, tuyên bố Hà Nội đã đưa ra 5 điểm chính trong cam kết của nhóm, theo đó nhấn mạnh đến sự đóng góp chung trong mối quan hệ hợp tác giữa Chính phủ và các nhà tài trợ ở Việt Nam (xem Hình 1).

Hình 1 – Tuyên bố Hà Nội (tóm lược)

1. Tinh thần làm chủ

- Chính phủ Việt Nam vạch rõ đường lối chính sách phát triển

2. Tinh thần hợp tác

- Các nhà tài trợ luôn song hành cùng các chiến lược của Chính phủ và cam kết hỗ trợ tăng cường năng lực thể chế quốc gia
- Việt Nam củng cố năng lực thể chế với sự hỗ trợ của các nhà tài trợ
- Các nhà tài trợ tăng sử dụng hệ thống của chính quyền

3. Tính hài hòa và đơn giản hóa

- Các nhà tài trợ triển khai một số dự án chung và đơn giản hóa thủ tục
- Bổ sung: việc phân công lao động cần được thực hiện hiệu quả hơn
- Khen thưởng đối với tinh thần hợp tác

4. Quản lý để đạt kết quả

- Quản lý nguồn lực và nâng cao quá trình ra quyết định để đạt kết quả

5. Trách nhiệm đa phương

- Chính phủ Việt Nam và các nhà tài trợ cùng chịu trách nhiệm đối với thành quả của sự phát triển

40. **Nhóm hợp tác giữa Chính phủ và các nhà tài trợ nhằm khống chế dịch cúm gia cầm và cúm ở người (PAHI).** Nhằm tăng hiệu quả sử dụng vốn ODA cũng như trách nhiệm của các bên, Chính phủ và các nhà tài trợ thành lập *Nhóm hợp tác phòng chống cúm gia cầm và cúm ở người* (PAHI-Nhóm hợp tác), sẽ thông qua và hỗ trợ Sách Xanh như chương trình quốc gia trong trung hạn được xây dựng nhằm khống chế Cúm gia cầm độc lực cao trên gia cầm và phòng chống nguy cơ có tính toàn cầu đối với khả năng bùng phát đại dịch cúm ở người.

41. Nhóm hợp tác sẽ được thành lập dưới sự lãnh đạo của Ban Chỉ đạo Quốc gia về Cúm gia cầm và Cúm ở người. Nhóm có chức năng: (a) là diễn đàn để chia sẻ và trao đổi thông tin với các nhà tài trợ vốn ODA; (b) gợi ý cho Chính phủ và các nhà tài trợ về những khoản mục ưu tiên cũng như sự phân bổ vốn ODA; (c) xây dựng hướng dẫn về Giám sát và Đánh giá tổng thể chương trình hoạt động, đặc biệt với các đối tác tài trợ ODA; và (d) hỗ trợ Việt Nam để chia

sẽ thông tin và kinh nghiệm với quốc gia khác trong khu vực và ở quy mô rộng hơn.

42. Về phía Việt Nam, thành viên của Nhóm hợp tác bao gồm Trưởng ban và phó ban của Ban Chỉ đạo Quốc gia về Cúm gia cầm và Cúm ở người, cũng như đại diện từ Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Ngoại giao, Bộ Tài chính, Bộ Văn hóa Thông tin, Cục Thú Y, Cục Chăn nuôi và Vụ Hợp tác Quốc tế thuộc Bộ NN&PTNT, và Cục Y tế Dự phòng, Vụ Điều trị, Vụ Hợp tác Quốc tế thuộc Bộ Y tế. Đồng thời còn có đại diện Ủy ban Nhân dân của 3 tỉnh hoặc thành phố trực thuộc Trung ương. Thêm vào đó là các tổ chức đoàn thể, đáng kể là Hội Chữ thập đỏ Việt Nam với một mạng lưới hoạt động rộng khắp ở tất cả các tỉnh.

43. Về phía các tổ chức quốc tế, thành viên thuộc Nhóm hợp tác gồm những cơ quan hỗ trợ của Liên Hợp Quốc như: Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Thế giới, Tổ chức Y tế Thế giới, Quỹ Nhi đồng Liên Hợp Quốc, và Chương trình phát triển của Liên Hợp Quốc, và các nhà tài trợ đã tài trợ trực tiếp hoặc gián tiếp cho những nỗ lực của đất nước, gồm có Ngân hàng Thế giới, Ủy ban Châu Âu, Ngân hàng Phát triển Châu Á, Nhật Bản, Mỹ, Đan Mạch, các nhà tài trợ song phương trong khuôn khổ Chương trình chung và những tổ chức phi chính phủ chủ chốt khác.

44. **Cam kết của các đoàn thể xã hội và khối doanh nghiệp.** Nhóm hợp tác cũng bao gồm cả đại diện từ giới nghiên cứu khoa học và các tổ chức xã hội như *các tổ chức phi chính phủ quốc tế có quy mô lớn, cơ quan truyền thông* điển hình là Hội Chữ thập đỏ Việt Nam, cùng với đại diện từ khối doanh nghiệp, như công ty chế biến thức ăn chăn nuôi, sản xuất và cung cấp thiết bị thí nghiệm, thuốc và thuốc tiêm phòng vắc xin.

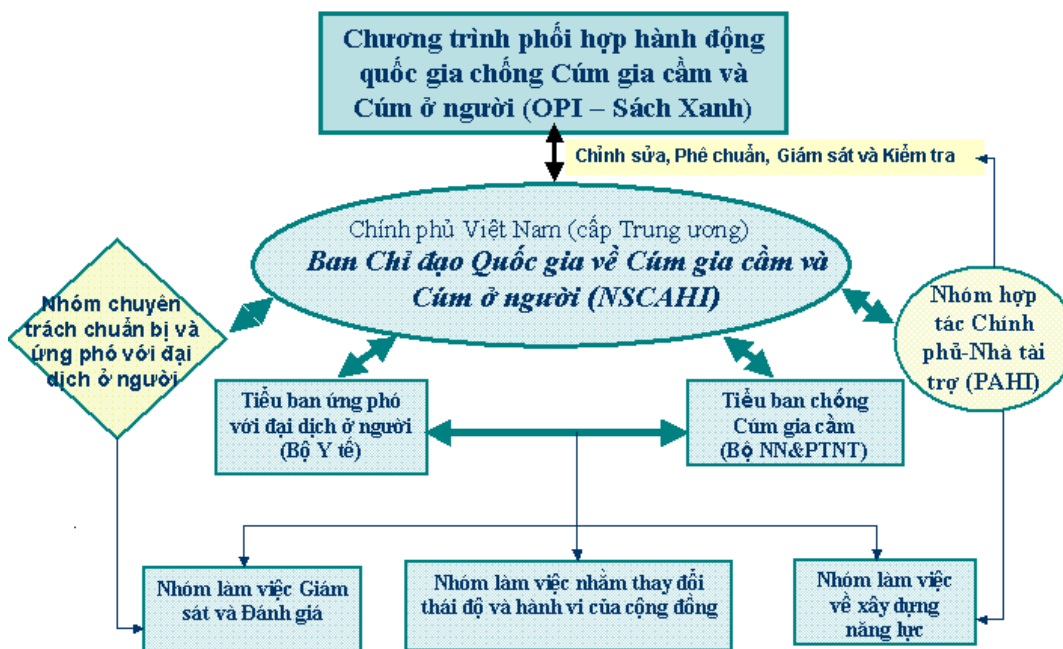
45. Vụ Hợp tác Quốc tế của hai Bộ NN&PTNT và Y tế chịu trách nhiệm tổ chức Nhóm làm việc, cũng như phân công những điểm mấu chốt; và Nhóm sẽ thành lập văn phòng thư ký. Cộng đồng các nhà tài trợ sẽ hỗ trợ hoạt động của Nhóm bằng cách cung cấp tài trợ chi phí chi trả cho nhân viên hành chính, cho hỗ trợ về kỹ thuật, như tuyển dụng Cố vấn Điều phối Quốc tế, việc này hiện đang được thực hiện trong khuôn khổ Chương trình chung, đồng thời tạo nguồn tài chính cho những hoạt động trong chương trình cũng như hỗ trợ cho nhóm chuyên trách (xem đoạn 46).

(d) Thành lập nhóm làm việc chuyên trách

46. Nhóm làm việc chuyên trách sẽ nâng cao và xây dựng các đề mục như sau:

- **Nhóm làm việc nhằm thay đổi hành vi và nhận thức của cộng đồng.** Nhóm làm việc hiện tại về các hoạt động Thông tin, Giáo dục và Tuyên truyền (IEC) đóng vai trò quan trọng trong những tháng gần đây liên quan đến các hoạt động nhằm thay đổi hành vi và nhận thức của cộng đồng. Nhóm được thành lập trực thuộc Chương trình chung và bao gồm cán bộ của Chính phủ và các cơ quan Liên Hợp Quốc. Nhóm làm việc Thông tin, Giáo dục và Tuyên truyền sẽ mở rộng thành viên và tăng cường vai trò trong việc xây dựng chiến lược tuyên truyền tổng thể để triển khai trong từng lĩnh vực.
- **Nhóm làm việc về Giám sát và Đánh giá.** Giám sát và Đánh giá của Sách Xanh được miêu tả ở phần D. Hoạt động giám sát và đánh giá sẽ nhận được sự chỉ đạo như nhau từ phía cơ quan nhà nước cũng như từ các cơ quan của các nhà tài trợ. Nhóm làm việc cũng sẽ đưa ra những vấn đề cụ thể, nhằm đảm bảo rằng phương pháp luận được sử dụng trong quá trình giám sát và đánh giá là phù hợp thực tế và dữ liệu thu được cũng như báo cáo phân tích là chính xác và xác đáng. Nhóm cũng sẽ chia sẻ kết quả thu được với Ban Chỉ đạo Quốc gia về Cúm gia cầm và Cúm ở người, chính phủ và cộng đồng các nhà tài trợ. Các hoạt động giám sát chung cũng như giám sát và đánh giá chung sẽ là cơ sở chính để hỗ trợ cho tính hài hòa và chương trình viện trợ hiệu quả đã được đẩy mạnh trong Tuyên bố Hà Nội.
- **Nhóm làm việc về xây dựng năng lực.** Nhóm này chịu trách nhiệm bảo đảm rằng kế hoạch chi tiết nhằm hỗ trợ chuyên môn kỹ thuật được chỉ rõ trong Sách Xanh là đầy đủ và hoàn chỉnh, mà một phần dựa trên giám sát dữ liệu. Xây dựng năng lực chung và cụ thể cần phải được đánh giá liên tục. Việc triển khai kế hoạch xây dựng năng lực không đặt ra ở đây bởi sẽ được thực hiện ở từng lĩnh vực căn cứ theo kế hoạch hoạt động.

KHUNG ĐIỀU PHỐI HOẠT ĐỘNG – CẤP TRUNG ƯƠNG



2. QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

Hỗ trợ mạnh mẽ từ các nhà tài trợ

47. Vì tính chất toàn cầu của công tác chống cúm gia cầm và cúm ở người tại Việt Nam, sự đáp ứng của cộng đồng quốc tế hết sức ấn tượng đối với cả vốn hỗ trợ ODA cũng như hỗ trợ kỹ thuật.

48. Từ đầu tháng 1 năm 2004, Tổ chức Y tế Thế giới, Tổ chức Thú y Thế giới và Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Thế giới đã gửi chuyên gia nhằm giúp Chính phủ trong hoạt động khoanh vùng dịch, và một số cơ quan hỗ trợ song phương, tổ chức phi chính phủ và các công ty tư nhân đã ủng hộ quần áo bảo hộ lao động, thuốc tẩy uế và các hàng hóa, dịch vụ khác. Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Thế giới đã thông qua Chương trình Hợp tác Kỹ thuật (TCPs) tập trung vào khu vực và quốc gia, nhằm cung cấp hỗ trợ kỹ thuật về chẩn đoán bệnh dịch và giám sát dịch tễ học. Ngân hàng Thế giới đã phản ứng nhanh bằng cách chuẩn bị cho vay Khắc phục Khẩn cấp trong khuôn khổ Dự án Khắc phục Khẩn cấp Dịch cúm gia cầm, được phê chuẩn vào tháng 8 năm 2004, theo đó có tài trợ song phương của Chính phủ Nhật Bản. Cơ quan Phát triển Quốc tế Đan Mạch đã có thời gian hoạt động lâu dài trong ngành Chăn nuôi ở Việt Nam, đã hỗ trợ Bộ NN&PTNT từ tháng 3 năm 2004 nhằm không

chế bùng phát Cúm gia cầm độc lực cao. Tương tự, Ngân hàng Phát triển Châu Á, Cơ quan Phát triển Quốc tế Ôt-xtrây-li-a, Cơ quan Phát triển Quốc tế Niu-di-lân, Ủy ban Châu Âu, và Chính phủ Mỹ, Pháp, Đức và Nhật Bản đã phân bổ vốn tài trợ đến Bộ NN&PTNT hoặc Bộ Y tế. Cuối cùng, Chương trình chung “Tăng cường năng lực Quản lý Tình trạng khẩn cấp trong ngành Y tế ở Việt Nam” đã được thành lập vào tháng 9 năm 2005.

49. Trong khuôn khổ Hội nghị Bắc Kinh, ước tính tổng số tiền được cộng đồng quốc tế cam kết vào khoảng 47 triệu đô la Mỹ, một phần trong khoản đó được chi tiêu trong giai đoạn 2004-2005 (xem Phụ lục 2 trong quyển Sách Đỏ).

Khung tài trợ đa phương phòng cúm gia cầm và cúm ở người dành cho Việt Nam

50. Những kế hoạch rút ra từ Hội nghị Bắc Kinh là: (a) thành lập đội chuyên trách ở cấp quốc gia, gồm có Chính phủ, các nhà tài trợ song phương, các ngân hàng phát triển, các tổ chức phi chính phủ, các đơn vị tư nhân, các cơ quan chuyên môn quốc tế, và một lượng lớn các cơ quan thuộc Liên Hợp Quốc; (b) tiếp tục xây dựng chương trình phối hợp hành động quốc gia, phát triển trên nền tảng quản lý các đợt dịch bùng phát cho đến ứng phó trong dài hạn với cúm trên gia cầm và cúm ở người; (c) thực hiện việc đánh giá chung và dành sự ưu tiên cho chương trình; và (d) tổ chức hội nghị quốc gia các nhà tài trợ để được phê chuẩn và hỗ trợ cho chương trình. Cuốn Sách Xanh là kết quả làm việc của Nhóm chuyên trách của Chính phủ và Đoàn công tác đánh giá của các nhà tài trợ và sẽ là tài liệu bổ trợ cho Hội nghị các nhà Tài trợ sẽ được tổ chức trước khi diễn ra cuộc họp giữa kỳ của Nhóm Tư vấn các nhà Tài trợ dự kiến được tiến hành ở Nha Trang từ ngày 9-10 tháng 6, năm 2006.

51. Trong quá trình xem xét khung tài chính hợp lý, nhận thức được sự cam kết tham gia lâu dài của cộng đồng các nhà tài trợ thông qua nhiều định chế tài chính, Đoàn công tác đánh giá đã biểu lộ sự ưu tiên đối với cơ chế hợp tác hơn là hình thức đầu tư độc lập. Theo đó, phần này đề xuất tổ chức Khung tài chính đa phương phòng chống cúm gia cầm và cúm ở người cho Việt Nam, phù hợp với kế hoạch từ cuộc họp Bắc Kinh^{3/}. Khung này sẽ tập trung vào việc điều phối nguồn vốn tài trợ và các hoạt động được hỗ trợ thông qua tài trợ, cho vay và tín dụng được giải ngân qua nhiều kênh khác nhau, bao gồm cả Quỹ Ủy Thác do Ngân hàng Thế giới quản lý và qua Chương trình chung. Ngoài những định chế tài chính, khung tài chính còn giúp thu xếp hỗ trợ về kỹ thuật do Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Thế giới, Tổ chức Y tế Thế giới, Tổ chức Thú y Thế giới cung cấp, cũng như hỗ trợ từ các tổ chức tiềm năng trong khu

³ *Cúm gia cầm và cúm ở người: Khung tài trợ đa phương*
Ngân hàng Thế giới – 12 tháng 1, năm 2006

vực (Diễn đàn hợp tác kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương, Hiệp hội các nước Đông Nam Á). Để trở nên toàn diện, khung tài chính còn tính đến sự gánh vác của cộng đồng doanh nghiệp/tư nhân và các tổ chức phi chính phủ.

Miêu tả nguồn tài trợ hiện thời và nguồn tiềm năng

52. **Ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương.** Dự tính, ngân sách Trung ương sẽ đóng góp đến 50% của tổng số chi phí dự kiến trong cuốn Sách Xanh, việc chia sẻ như nhau trong tổng ngân sách giữa trung ương và địa phương sẽ giúp trang trải phần lớn chi phí dự tính. Như vậy, ngân sách trung ương đã cam kết vào khoảng 104 triệu đô la Mỹ trong vòng hai năm tới.

53. **Hỗ trợ phát triển chính thức.** Tham gia tài trợ cho chương trình chống Cúm gia cầm độc lực cao, có đến 6 loại thể chế tài chính khác nhau (xem Hình 2 – Khung tài chính đa phương phòng chống cúm gia cầm và cúm ở người), gồm:

- **Tài trợ song phương trực tiếp và hỗ trợ kỹ thuật.** Phần này bao gồm vốn tài trợ song phương (tính đến thời điểm hiện tại, đã có 13 nhà tài trợ cho chương trình) Cuốn Sách Đỏ đã liệt kê 13 quốc gia tài trợ với số tiền cam kết lên đến gần 18 triệu đô la Mỹ cho không chế Cúm gia cầm độc lực cao ở Việt Nam. Đó là Trung Quốc, Hàn Quốc, Đan Mạch, Anh Quốc, Niu-di-lân, Đức, Hà Lan, Ôt-xtrây-li-a, Nhật Bản, Lux-xăm-bua, Pháp, Ý và Mỹ. Hình thức hỗ trợ bao gồm cả hiện vật (ví dụ: thiết bị bảo hộ cá nhân, thuốc tẩy uế v.v) và bằng tiền. Nguồn tài trợ sẽ được sử dụng để mua sắm trang thiết bị, nâng cấp điều kiện làm việc và cơ sở hạ tầng, giáo dục đào tạo, cho các hoạt động thay đổi nhận thức và hành vi của cộng đồng và hỗ trợ kỹ thuật.
- **Chương trình chung chống lại cúm gia cầm giữa Chính phủ và các cơ quan Liên Hợp Quốc (Chương trình chung).** Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Thế giới, Tổ chức Y tế Thế giới, Quỹ Nhi đồng Liên Hợp Quốc, và Chương trình phát triển của Liên Hợp Quốc trực thuộc Chương trình chung đã phối hợp để hỗ trợ giai đoạn khẩn cấp nhằm vào “Tăng cường năng lực Quản lý Tình trạng khẩn cấp trong ngành Y tế ở Việt Nam – với trọng tâm là kiểm soát và phòng ngừa bệnh dịch và những bệnh lây nhiễm tiềm ẩn bao gồm cả Cúm gia cầm độc lực cao”. Bộ trưởng Bộ NN&PTNT là trưởng ban của Ban Chỉ đạo Quốc gia phòng chống dịch Cúm gia cầm và chịu trách nhiệm cho giai đoạn 1 của Chương trình chung. Với cam kết của bảy nhà tài trợ, tương ứng với số tiền 4.9 triệu đô la Mỹ được giải ngân trực tiếp mà theo đó Chương trình phát triển của Liên Hợp Quốc đóng vai trò như Cơ quan Hành chính, sẽ giúp chuyển khoản tài trợ đến các Bộ và các cơ quan của Liên Hợp

Quốc. Trong khuôn khổ Chương trình chung, Chương trình phát triển của Liên Hợp Quốc và các cơ quan Liên Hợp Quốc tham gia khác sẽ cung cấp sự hỗ trợ kỹ thuật quốc tế và quốc gia và một khoản tiền tương đối sẽ được phân bổ cho việc mua sắm thiết bị và hỗ trợ cho chiến dịch tiêm phòng. Thêm nữa, có 2.5 triệu đô la Mỹ từ nguồn song phương của 3 nhà tài trợ cho Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Thế giới cũng nhằm đạt được kết quả tương tự. Giai đoạn 2 của Chương trình chung đang trong giai đoạn thiết kế, với việc có được sự phê chuẩn sớm ở cấp cao đối với cuốn Sách Xanh, Giai đoạn 2 dự kiến sẽ hỗ trợ những phần việc cụ thể được mô tả trong Sách Xanh.

- **Quỹ Ủy thác đa phương phòng chống cúm gia cầm và cúm ở người (AHITF).** Nguồn vốn ưu tiên đầu tiên dành cho việc chống cúm gia cầm và cúm ở người phải sẵn có để tài trợ đến nước nhận vào cuối tháng 5, năm 2006 và có thể cung cấp hoạt động tài trợ độc lập và tài trợ song phương theo dự án tại tất cả các quốc gia thành viên của Ngân hàng Thế giới. Sự ưu tiên cho cúm sẽ do Ngân hàng Thế giới quản lý và sẽ được thiết lập nhằm hỗ trợ các nước đang phát triển trên phương diện tài chính đang bị thiếu hụt trong khuôn khổ chương trình phối hợp hành động quốc gia chống cúm gia cầm nhằm giảm thiểu rủi ro cũng như ảnh hưởng đến kinh tế-xã hội có nguồn gốc từ cúm và khả năng đại dịch ở người. Ủy ban Châu Âu được mong chờ là nhà tài trợ lớn nhất. Những nhà tài trợ khác được mong đợi sẽ cấp vốn là Ôt-xtrây-lia, Trung Quốc, Ai-rơ-len và Nga. Việt Nam có đủ tư cách với Quỹ Ủy thác đa phương AHITF thông qua “Cửa sổ Châu Á”. Ngay khi Chính phủ phê chuẩn cuốn Sách Xanh, nhóm làm việc thuộc Ngân hàng Thế giới sẽ bàn bạc lấy ý kiến từ Bộ NN&PTNT, Bộ Y tế, Phái đoàn Ủy ban Châu Âu tại Hà Nội và những nhà tài trợ qua Quỹ Ủy thác đa phương khác, để bắt đầu công việc chuẩn bị đề xuất cho vốn tài trợ.
- **Hỗ trợ đa phương – Ngân hàng Thế giới và Ngân hàng Phát triển Châu Á.** Cả Ngân hàng Thế giới và Ngân hàng Phát triển Châu Á đã hỗ trợ Việt Nam trong cuộc chiến chống lại Cúm gia cầm độc lực cao. Ngân hàng Thế giới đang triển khai Dự án Khắc phục Khẩn cấp Dịch Cúm gia cầm (Cr. 3969-VN) bao gồm vốn tín dụng của Hiệp hội Phát triển Quốc tế là 5 triệu đô la Mỹ và từ Quỹ tài trợ Phát triển xã hội của Chính phủ Nhật Bản với số tiền lên đến gần 1.8 triệu đô la Mỹ. Dự án đang được Bộ NN&PTNT thực hiện và dự kiến sẽ kết thúc vào tháng 12 năm 2006. Nguồn tài trợ cũng được phân bổ để cấp vốn cho việc mua sắm trang thiết bị phục vụ ứng phó đại dịch ở người trong khuôn khổ dự án Hỗ trợ Ngành Y tế Quốc gia (Cr.2808-VN) đang được tiến hành, với khoản tiền trị giá 13 triệu đô la Mỹ. Căn cứ theo yêu cầu của Chính phủ, Ngân hàng Thế giới dự tính sẽ chuẩn bị đề xuất theo dõi tiến trình hoạt động mà

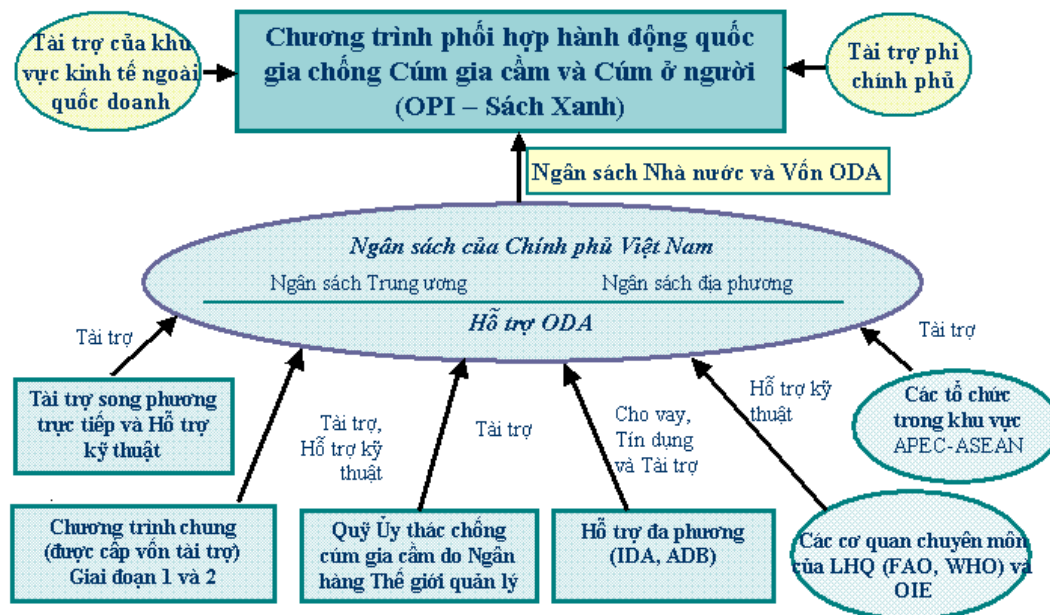
thành viên sẽ mở rộng, bao gồm cả Bộ NN&PTNT và Bộ Y tế, và có thể xây dựng dưới khuôn khổ của Chương trình toàn cầu về phòng chống cúm gia cầm và chuẩn bị ứng phó với đại dịch cúm ở người (Chương trình toàn cầu) đã được Ban điều hành cao cấp của Ngân hàng Thế giới phê chuẩn vào ngày 9 tháng 2 năm 2006, theo đó cho phép các khu vực được phép thực hiện những hoạt động hoặc biện pháp sau: (a) cơ chế tài chính mới cho cúm gia cầm phù hợp với những quy định của Ngân hàng Quốc tế về Tái thiết và Phát triển/Hiệp hội Phát triển Quốc tế, ví dụ như cho vay/tín dụng/tài trợ; (b) các hợp phần dành cho cúm gia cầm sẽ được bổ sung thêm vào những dự án đang thực hiện với khoản vốn do Quỹ Tài chính Bổ sung cung cấp; và (c) các hợp phần dành cho cúm gia cầm được bổ sung thêm vào những dự án đang thực hiện bằng việc quy hoạch lại dự án đó sẽ liên quan đến việc tái phân bổ nguồn lực để cấp vốn cho các hợp phần liên quan đến cúm gia cầm. Mới đây, Ngân hàng Phát triển Châu Á đã phê chuẩn những dự án được triển khai trong ngành Y tế với những hoạt động liên quan đến cúm gia cầm như: Dự án phòng chống bệnh truyền nhiễm khu vực tiểu vùng sông Mê Kông, với số tiền lên đến gần 8.4 triệu đô la Mỹ dành cho hoạt động giám sát tại Việt Nam, và dự án Hỗ trợ phát triển hệ thống Y tế dự phòng, với số tiền xấp xỉ 9.7 triệu đô la Mỹ cho hoạt động giám sát và quản lý hệ thống. Thêm nữa, dự án tài trợ cho Phòng chống Cúm gia cầm ở khu vực Châu Á – Thái Bình Dương đã được Ngân hàng Phát triển Châu Á phê chuẩn vào tháng 3 năm 2006, nhưng hiện vẫn chưa xác định rõ những khoản chi nào sẽ dành cho Việt Nam.

- **Các tổ chức vùng – Hiệp hội các nước Đông Nam Á, Diễn đàn hợp tác kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương.** Đây là nguồn tài trợ tiềm năng rất sẵn từ các quốc gia thuộc Hiệp hội các nước Đông Nam Á, Diễn đàn hợp tác kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương.
- **Cơ quan chuyên môn của Liên Hợp Quốc (Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Thế giới và Tổ chức Y tế Thế giới) và Tổ chức Thú y Thế giới.** Sự hỗ trợ kỹ thuật sẽ được cung cấp dựa trên cơ sở cụ thể của Việt Nam thông qua Chương trình chung đồng thời dựa trên nền tảng khu vực thông qua chương trình toàn cầu⁴ đã được trình bày tại Hội nghị Quốc tế Bắc Kinh vào tháng 1 năm 2006. Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Thế giới và Tổ chức Thú y Thế giới có trách nhiệm ở phạm vi toàn thế giới, trong khu vực và tại quốc gia đó trong việc ứng phó với dịch Cúm gia cầm độc lực cao với tinh thần hợp tác hiệu quả, hỗ trợ hoạt động, tuyên truyền, thực hiện tư vấn chuyên môn và trợ giúp trong việc xác định và huy động nguồn lực cho cuộc chiến chống bệnh dịch. Điểm

⁴ *Không chế và Thanh toán cúm gia cầm – Đề xuất của Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Thế giới đối với Chương trình Toàn cầu, Bắc Kinh*

mấu chốt trong ứng phó của Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Thế giới chính là Trung tâm Ứng phó khẩn cấp dịch bệnh xuyên biên giới. Sự ứng phó với nguy cơ đại dịch phù hợp với Chiến lược Toàn cầu của Tổ chức Y tế Thế giới/Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Thế giới/Tổ chức Thú y Thế giới.

Khung tài trợ đa phương chống cúm gia cầm



D. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH PHỐI HỢP HÀNH ĐỘNG QUỐC GIA PHÒNG CHỐNG DỊCH CÚM GIA CẦM VÀ ỨNG PHÓ VỚI ĐẠI DỊCH CÚM Ở NGƯỜI

PHẦN I – TĂNG CƯỜNG HOẠT ĐỘNG ĐIỀU PHỐI

1. CHUẨN BỊ ỨNG PHÓ CẤP QUỐC GIA

54. Chuẩn bị ứng phó ở cấp quốc gia là trọng tâm của Kế hoạch phối hợp hành động quốc gia phòng chống dịch cúm gia cầm và đại dịch cúm ở người. Tính chất đa ngành của việc ứng phó dịch cúm gia cầm và khả năng cần thực hiện hành động khẩn cấp đã dẫn đến sự cấp thiết phải có một kế hoạch phối hợp hiệu quả đồng bộ. Thêm vào đó, sự cần thiết phải hợp tác với các nước láng giềng và huy động các khu vực nhà nước và tư nhân cùng tham gia phòng chống dịch đã tăng thêm tầm quan trọng của công tác xây dựng kế hoạch quốc gia. Mục đích của việc xây dựng kế hoạch phối hợp hành động quốc gia là để đảm bảo sự phối hợp của các ngành Nông nghiệp, Y tế và các bộ ngành liên quan khác (chẳng hạn như ngành Giáo dục và Công An) ở tất cả các cấp liên quan đến các mục tiêu chung đặt ra trong Kế hoạch phối hợp hành động quốc gia.

55. Những hoạt động sau đây sẽ được đề cập đến trong Kế hoạch phối hợp hành động quốc gia:

- **Rà soát Kế hoạch quốc gia.** Các Kế hoạch quốc gia về Thú y và Y tế sẽ được cập nhật hàng năm để phản ánh được tình hình dịch cúm gia cầm và những cải thiện về kiến thức và kỹ thuật công nghệ. Việc rà soát các kế hoạch sẽ đề cập chương trình nghị sự về chính sách đang diễn ra và rà soát các hành động và trách nhiệm trong bối cảnh hiện nay và tình huống xảy ra đại dịch cúm của tất cả các bộ, bao gồm cả lập kế hoạch về nguồn tài chính và cơ chế thực hiện Kế hoạch này cũng đảm bảo các nguồn dự trữ thuốc như vắc xin dùng cho gia cầm và dự trữ thuốc, thiết bị y tế.
- **Xây dựng kế hoạch hành động.** Đã xây dựng được các kế hoạch hành động cho các bộ, ngành và chính quyền địa phương nhưng cần phải rà soát lại để thống nhất với những trách nhiệm đặt ra trong kế hoạch quốc gia. Đặc biệt, các kế hoạch hành động quốc gia cần thể hiện mối liên hệ với các ngành khác ngoài hai ngành Nông nghiệp và Y tế để phản ánh sự phối hợp trong kế hoạch hành động quốc gia và công tác tổ chức quản lý. Đối với ngành Nông nghiệp, kế hoạch hành động sẽ được cập nhật rà soát hàng năm và gửi cho tất cả các cơ quan Thú y tỉnh. Đối với ngành Y tế, kế hoạch hành động của Bộ Y tế cũng sẽ được cập nhật hàng năm và phân phát trong hội nghị thường niên. Các kho dự trữ thuốc kháng vi rút, thuốc kháng sinh và thiết bị bảo hộ cá nhân sẽ được chuẩn bị theo hướng dẫn trong kế hoạch hành động.
- **Phối hợp các mô hình diễn tập.** Các mô hình diễn tập phòng chống dịch cúm ở người sẽ được đặt ra để đề cập sự phối hợp và hoạt động giữa tất cả các thành phần tham gia. Các mô hình diễn tập sẽ đặt ra tình huống các ổ dịch xảy ra ở nhiều tỉnh. Việc phối hợp diễn tập sẽ được liên hệ với những điều chỉnh trong các kế hoạch hành động quốc gia.

56. Chương trình phối hợp hành động quốc gia sẽ hỗ trợ các hoạt động đó thông qua hỗ trợ kinh phí để triển khai chuyên gia trong nước và quốc tế, tổ chức hội thảo, mua và in ấn tài liệu và chi phí hoạt động.

2. XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC

57. Do dịch cúm gia cầm xảy ra dai dẳng trong đàn gia cầm nên chiến lược quốc gia cần đặt trọng tâm vào công tác ứng phó lâu dài đối với các trường hợp cúm gia cầm và cúm ở người. Đối với ngành Chăn nuôi, công tác ứng phó đã được hiện dưới dạng chiến dịch qui mô rộng để dập tắt ổ dịch. Khi đã không chế được dịch bệnh, chiến lược sẽ tiến tới phương pháp dựa trên nguy cơ xảy ra dịch bệnh cùng với việc thực hiện các hoạt động ở các khu vực khác nhau được

xác định theo tình hình dịch tễ từng khu vực. Đối với ngành Y tế, chiến lược sẽ tập trung nhiều hơn vào một chương trình nghị sự trung hạn phối hợp các hoạt động chuẩn bị ứng phó dịch cúm gia cầm vào trong chương trình khung phòng chống một số bệnh truyền nhiễm. Phương pháp tiếp cận này dựa trên các đặc tính có tính cộng đồng trong công tác khống chế bệnh truyền nhiễm, là cơ sở để tăng cường các hệ thống giám sát và ứng phó dịch bệnh và đảm bảo năng lực của chính phủ để ứng phó với đại dịch cúm ở người.

58. Chương trình phối hợp hành động quốc gia sẽ hỗ trợ các nghiên cứu để tiếp tục phát triển những phương pháp tiếp cận này vào trong chính sách và sẽ đảm bảo thực hiện việc rà soát các văn bản pháp quy cũng như quy định luật pháp và các công cụ chính sách khác. Đối với ngành Nông nghiệp, sẽ bao gồm cả việc rà soát lại những văn bản pháp quy trong ngành Thú y về khống chế dịch bệnh, đặc biệt là về nguồn kinh phí cho hoạt động ứng phó. Để quy hoạch lại ngành Chăn nuôi gia cầm, cần phải xây dựng các văn bản thích hợp để ngăn ngừa ô nhiễm môi trường và đảm bảo công bằng. Đối với ngành Y tế, bao gồm việc rà soát lại các văn bản pháp chế cấp quốc gia để hỗ trợ công tác khống chế dịch bệnh truyền nhiễm và thông báo cho cán bộ, nhân viên y tế về trách nhiệm mới của họ. Ngoài ra, Chương trình phối hợp hành động quốc gia sẽ hỗ trợ công tác phân tích về tác động của việc phân cấp năng lực nhằm đảm bảo các tỉnh và chính quyền địa phương ưu tiên ứng phó được bệnh dịch cúm gia cầm và các bệnh truyền nhiễm lây lan khác. Cuối cùng, sẽ rà soát bộ khung pháp lý để đảm bảo thực hiện các kế hoạch quốc gia và kế hoạch hành động cho các ngành khác như Giáo dục và Công An.

3. ĐIỀU PHỐI CHƯƠNG TRÌNH

59. **Hỗ trợ phối hợp cấp trung ương và cấp tỉnh.** Chương trình phối hợp hành động quốc gia sẽ hỗ trợ về mặt tài chính và kỹ thuật cho Ban chỉ đạo Quốc gia về phòng chống bệnh cúm gia cầm và các ban chỉ đạo cấp tỉnh. Phần lớn việc hỗ trợ này sẽ thực hiện thông qua Nhóm hợp tác.

60. **Hỗ trợ phối hợp với các nhà tài trợ.** Chương trình phối hợp hành động quốc gia sẽ hỗ trợ tài chính và kỹ thuật cho Ban Điều phối thông qua Nhóm hợp tác. Nhóm hợp tác sẽ được hỗ trợ chính từ các bên tài trợ cùng với đóng góp trực tiếp của Chính phủ Việt Nam, cụ thể là nhân lực và phương tiện phục vụ cho hai Vụ Hợp tác Quốc tế (ICD). Chi phí bao gồm kinh phí tuyển dụng nhân viên hành chính, một số chuyên gia kỹ thuật chẳng hạn như Cố vấn điều phối quốc tế, như đang thực hiện ở Chương trình chung của Chính phủ và Liên Hợp quốc, trang thiết bị cơ bản, chi phí hội họp (bao gồm chi phí đi lại cho đại

biểu trong nước); thuê tư vấn, đặc biệt tập trung vào các nhóm công tác (xem phần sau), chi phí dịch thuật, và in ấn tài liệu.

61. **Hỗ trợ các nhóm công tác.** Chương trình phối hợp hành động quốc gia sẽ hỗ trợ về mặt tài chính và kỹ thuật cho ba nhóm công tác dự kiến, mặc dù sẽ không có thù lao cho người tham dự.

- **Nhóm công tác về thông tin truyền thông.** Nhóm công tác về thông tin truyền thông được thành lập từ năm 2005 trong khuôn khổ chương trình chung của Chính phủ và Liên Hợp Quốc và đây là nhóm công tác duy nhất vẫn duy trì hoạt động cho đến nay^{5/}.
- **Các nhóm công tác về Giám sát và Đánh giá.** Chương trình phối hợp hành động quốc gia sẽ hỗ trợ thành lập và đưa vào hoạt động nhóm công tác chịu trách nhiệm hỗ trợ toàn bộ công tác giám sát và đánh giá Chương trình phối hợp hành động quốc gia (xem Phần 5 dưới đây).
- **Các nhóm công tác về Xây dựng năng lực, Giám sát và Đánh giá.** Chương trình phối hợp hành động quốc gia cũng sẽ hỗ trợ thành lập và đưa vào hoạt động thêm hai nhóm công tác. Nhóm thứ nhất sẽ làm về mảng Xây dựng năng lực và hỗ trợ xây dựng các kế hoạch nhằm tăng cường năng lực, tập trung chủ yếu vào các hoạt động phát triển nguồn nhân lực trung và dài hạn. Nhóm thứ hai sẽ chịu trách nhiệm hỗ trợ giám sát và đánh giá Chương trình phối hợp hành động quốc gia (xem Phần 5 dưới đây).

4. NHẬN THỨC CỘNG ĐỒNG VÀ THAY ĐỔI HÀNH VI

62. Nâng cao nhận thức cộng đồng để thực hiện hiệu quả các chiến lược thay đổi hành vi là nội dung vô cùng quan trọng của công tác khống chế bệnh Cúm gia cầm độc lực cao (HPAI). Ở Việt Nam, nhiều cơ quan tổ chức nhà nước và tổ chức phi chính phủ đã tham gia vào công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng và thay đổi hành vi kể từ khi xảy ra ổ dịch cúm gia cầm đầu tiên vào cuối năm 2003. Mặc dù ít nhiều cũng có sự phối hợp nhưng chưa có một cơ chế điều phối hoạt động và thông tin giữa các bộ, ngành và các cơ quan thực hiện. Điều này dẫn đến hiện tượng chồng chéo và lãng phí nguồn lực, nhầm lẫn trong đối tượng tuyên truyền vì các đối tượng nhận được các thông điệp không thống nhất, sự cạnh tranh không cần thiết nhằm thu hút sự chú ý và thời gian của đối tượng tuyên truyền, và khả năng đạt được hiệu quả thấp do hậu quả của việc đưa thông tin thiếu chính xác về mặt kỹ thuật. Ngoài ra, cần

^{5/} Nhóm công tác về thông tin và tuyên truyền sẽ bao gồm các thành phần từ nhiều cơ quan nhà nước chủ chốt và các tổ chức của Liên hợp quốc (Bộ NN&PTNT, Bộ Y tế, Bộ Văn hoá và Thông tin, FAO, WHO, và UNDP) dưới sự chỉ đạo chung và hỗ trợ kỹ thuật của UNICEF).

cải thiện công tác giám sát và đánh giá các hoạt động, giám sát hành vi, tăng cường năng lực cho các cơ quan nhà nước và các phương tiện thông tin đại chúng.

63. Nhóm công tác về nhận thức cộng đồng và giáo dục tuyên truyền đã bắt đầu xây dựng chiến lược tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng và thay đổi hành vi và điều phối thành công các hoạt động. Dự định Nhóm công tác về thông tin và truyền thông sẽ mở rộng thành phần tham gia và tăng cường vai trò của nhóm để điều phối tất cả các hoạt động tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức cộng đồng và thay đổi hành vi trong khuôn khổ Chương trình công tác. Nhóm công tác cũng sẽ chịu trách nhiệm về các hoạt động bao trùm, chẳng hạn như xây dựng chiến lược truyền thông tổng thể (“một chiến dịch – nhiều ngành tham gia”), các thông điệp chính, khung nghiên cứu, các kế hoạch thực hiện, chiến lược giám sát và đánh giá xuyên suốt chương trình, và tăng cường năng lực cho nhiều ngành của nhà nước. Tuy nhiên, việc chỉ đạo thực hiện thực tế của các hoạt động từng ngành trong chiến dịch sẽ do các ngành thực hiện (xem phần II và III).

5. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH

64. **Mục đích.** Các hoạt động giám sát và đánh giá sẽ đánh giá các chỉ số xác định đầu vào, đầu ra và kết quả chính xác định trong kế hoạch khung về kết quả chương trình (xem Phụ lục 1). Phần này sẽ cung cấp thông tin cần thiết để thường xuyên đánh giá tiến độ thực hiện tổng thể và tác động. Quá trình này sẽ cảnh báo các nhà hoạch định chính sách của chính phủ biết về các vấn đề khó khăn thực tế và tiềm ẩn trong quá trình thực hiện để nhờ đó đưa ra điều chỉnh, giúp xác định xem liệu các thành phần tham gia thích hợp có đáp ứng theo kế hoạch không, và tạo ra quá trình để cho các cơ quan điều phối và thực hiện có thể nâng cao hơn hiệu quả hoạt động của mình. Ngoài ra, quá trình giám sát và đánh giá sẽ giúp thông tin cho các cơ quan hữu quan, các bên tham gia trong xã hội và trong cộng đồng các nhà tài trợ quốc tế về tình hình và hiệu quả thực hiện chương trình theo đề xuất trong bản Tuyên bố Hà Nội.

65. **Trách nhiệm.** Các cơ quan thực hiện liên quan sẽ chịu trách nhiệm về giám sát và đánh giá các hoạt động của Chương trình do cơ quan mình phụ trách. Quan trọng nhất, Bộ NN&PTNT và Bộ Y tế sẽ chịu trách nhiệm về giám sát và đánh giá của các phần II và III. Các cơ quan nhà nước khác, bao gồm các Bộ Thương mại, Bộ Giao thông Vận tải, Bộ Tài nguyên và Môi trường và các bộ ngành khác, sẽ chịu trách nhiệm giám sát và đánh giá hoạt động tương ứng của Chương trình do cơ quan mình thực hiện. Các hoạt động giám sát và đánh giá sẽ do cán bộ của các cơ quan thực hiện và trong một số trường hợp sẽ có chuyên gia hỗ trợ, và sẽ hợp đồng với các cơ quan, đơn vị chuyên trách khi cần

thiết. Báo cáo giám sát và đánh giá của Bộ NN&PTNT và Bộ Y tế sẽ được gửi cho tất cả các bên tham gia, các cơ quan hữu quan, và tất cả báo cáo giám sát và đánh giá của các bộ, ngành và cơ quan này cũng sẽ được trình lên Ban Chỉ đạo quốc gia. Sau đó, nhóm công tác giám sát và đánh giá sẽ tổng hợp những báo cáo này lại thành Báo cáo giám sát và đánh giá tổng thể của chương trình để thảo luận định kỳ với các thành viên của Ban Chỉ đạo quốc gia phòng chống dịch cúm gia cầm và Nhóm hợp tác.

66. **Báo cáo.** Việc giám sát tiến độ dự án và kết quả đạt được của mục tiêu đề ra sẽ cần phải có một quá trình liên tục và hệ thống để đánh giá các hoạt động thực hiện Chương trình. Kết quả các hoạt động giám sát và đánh giá liên quan sẽ được thể hiện trong các báo cáo tiến độ hoạt động hàng quý và hàng năm. Báo cáo tiến độ hoạt động sẽ thể hiện tiến trình thực hiện công tác, các hoạt động về thể chế, đào tạo và nghiên cứu, chỉ số thực hiện và quản lý tài chính. Một phần trong báo cáo hoạt động sẽ dành ra để trình bày về những vấn đề xác định được trong quá trình thực hiện Chương trình, các chiến lược và hành động sẽ thực hiện để giải quyết các vấn đề ảnh hưởng đến tiến trình đó. Báo cáo quý tư hàng năm sẽ là báo cáo năm trong đó trình bày tiến độ thực hiện trong năm vừa qua. Báo cáo tiến độ hoạt động giữa kỳ sẽ được chuẩn bị trong giữa kỳ thực hiện của Chương trình. Báo cáo này sẽ hỗ trợ công tác đánh giá giữa kỳ của Chính phủ với sự tham gia của các thành phần liên quan trong cộng đồng xã hội và cộng đồng tài trợ quốc tế.

6. HỖ TRỢ CÁC HOẠT ĐỘNG TRONG KHU VỰC

67. Việc cải thiện phối hợp và hợp tác khu vực là vô cùng thiết yếu nhằm đảm bảo sự thành công của công tác ứng phó toàn cầu đối với dịch cúm gia cầm. Đã phân bổ các nguồn tài chính để tăng cường hợp tác với các cơ quan khu vực (chẳng hạn như ASEAN và APEC) và các tổ chức kỹ thuật (FAO, OIE, WHO) và để tham dự các hội nghị khu vực và quốc tế. Đặc biệt, Việt Nam sẽ tham gia Chương trình giám sát toàn cầu về bệnh cúm của WHO và sẽ hợp tác trong các nghiên cứu quốc tế, các nghiên cứu về dịch tễ và vi-rút học. FAO và WHO sẽ hỗ trợ về mặt kỹ thuật thông qua các văn phòng khu vực (ECTAD) ở Băng-cốc và Văn phòng khu vực Tây Pacific ở Manila.

PHẦN II – KHÔNG CHẾ VÀ THANH TOÁN BỆNH CÚM GIA CẦM ĐỘC LỰC CAO TRONG NGÀNH NÔNG NGHIỆP

68. Các hoạt động được cấp kinh phí trong khuôn khổ Phần II của Chương trình phối hợp hành động quốc gia sẽ hỗ trợ thực hiện Chiến lược Không chế và thanh toán bệnh Cúm gia cầm độc lực cao: (a) Tăng cường năng lực ngành Thú y; (b) Không chế dịch bệnh; (c) Giám sát và điều tra dịch tễ; (d) Quy hoạch lại ngành Chăn nuôi gia cầm; và (e) Nâng cao nhận thức cộng đồng và thay đổi hành vi. Những hoạt động này được trình bày trong kế hoạch hành động chi tiết ở Phụ lục 2.

1. CHIẾN LƯỢC KHÔNG CHẾ VÀ THANH TOÁN BỆNH CÚM GIA CẦM ĐỘC LỰC CAO

69. Bệnh cúm gia cầm độc lực cao trong đàn gia cầm sẽ được không chế trong ba giai đoạn:

- **Giai đoạn không chế.** Đây là giai đoạn giảm tỷ lệ mắc bệnh nhờ thực hiện kiểm soát ổ dịch, tiêm phòng đại trà và bắt đầu nâng cao thực hiện an toàn sinh học trong chăn nuôi gia cầm và thay đổi tập quán tiêu thụ trên thị trường;
- **Giai đoạn củng cố.** Giai đoạn này sẽ duy trì những kết quả đạt được về không chế dịch bệnh, tiếp tục Quy hoạch lại ngành Chăn nuôi gia cầm, các trang trại chăn nuôi công nghiệp đạt được tình trạng an toàn dịch bệnh và mở rộng các khu vực, cơ sở an toàn dịch bệnh;
- **Giai đoạn thanh toán.** Giai đoạn này sẽ đạt được tình trạng an toàn dịch bệnh ở cả nước hay theo ngành. Giai đoạn này sẽ không nằm trong thời hạn của Chương trình, tức là sau năm 2010.

70. Dự trữ là giai đoạn không chế sẽ kéo dài đến năm 2007. Trong giai đoạn này sẽ bắt đầu giảm tiêm phòng đại trà bắt đầu từ năm 2006. Giai đoạn củng cố là thời gian còn lại trong khung thời gian của Chương trình (đến năm 2010).

71. Tất cả các biện pháp không chế sẽ được thực hiện nhằm mục đích gây ra ít tác động nhất về kinh tế và xã hội đối với người nghèo ở nông thôn và giảm thiểu tác động về môi trường. Cần đánh giá tác động của các biện pháp không chế dự kiến trước khi triển khai thực hiện. Các chương trình không chế cụ thể sẽ được xây dựng cho mỗi loại hình chăn nuôi, bởi tất cả các chương trình đều có yêu cầu khác nhau và được triển khai theo tốc độ khác nhau hướng tới an toàn dịch bệnh.

72. Tiêm phòng vắc xin sẽ vẫn là nội dung chủ chốt của chương trình không chế ở bất kỳ nơi nào có nguy cơ lây nhiễm cao. Tiêm phòng vẫn tiếp tục dựa trên nguy cơ lây nhiễm. Các nội dung không chế khác là xác định sớm các

trường hợp nhiễm bệnh và ổ dịch, tiếp tục giám sát và phân tích dịch tễ, nâng cao thực hiện an toàn sinh học và Quy hoạch lại ngành Chăn nuôi (bao gồm cả vấn đề thay đổi tập quán tiêu thụ sản phẩm và vận chuyển), kiểm soát vận chuyển và cải thiện vệ sinh trang trại, dụng cụ và thiết bị. Công tác dập dịch sẽ giới hạn trong phạm vi các trang trại, cơ sở có dịch và tiêm phòng vằn đai cho gia cầm có tiếp xúc trực tiếp. Tất cả những biện pháp này đều yêu cầu phải tăng cường nguồn lực thú y hiện tại, từ cấp xã đến trung ương để thực hiện giám sát và tăng cường điều tra và khống chế dịch bệnh có hiệu quả.

73. Các trại chăn nuôi gia cầm công nghiệp (loại hình 1 và 2) cần phải đáp ứng các tiêu chuẩn an toàn sinh học nghiêm ngặt đã được định rõ. Trang trại không đáp ứng được yêu cầu sẽ không được đưa sản phẩm ra tiêu thụ ở thị trường, nơi tiến tới sẽ tăng lượng gia cầm qua chế biến từ các lò mổ dành riêng cho gia cầm chứ không phải tại chợ gia cầm sống, đặc biệt là ở khu vực đô thị. Để làm được điều đó thì cần phải Quy hoạch lại và di chuyển một số trang trại và xây dựng thêm lò mổ. Cuối cùng, các khu vực an toàn dịch bệnh sẽ được hình thành từ các trại chăn nuôi công nghiệp và cơ sở liên quan. Cần khuyến khích các trại nuôi gà quí mô nhỏ không áp dụng an toàn sinh học trong khu vực chăn nuôi bán công nghiệp (loại hình 3) nâng cấp thành chăn nuôi công nghiệp. Các trang trại không thể nâng cấp theo hình chăn nuôi công nghiệp (như trang trại chăn nuôi gà ta theo hình thức bán thâm canh) cần phải đạt được các tiêu chuẩn an toàn sinh học thích hợp với khu vực chăn nuôi đó nhưng sẽ cần nhắc áp dụng các biện pháp hạn chế tiêu thụ sản phẩm trên thị trường. Sẽ tiến hành nghiên cứu để xác định xem có thể chăn nuôi giống gà ta, hiện đang chiếm thị phần quan trọng trên thị trường, theo khu vực nào để ngăn ngừa sự lây lan của bệnh cúm gia cầm.

74. Số đàn vịt nuôi thả đồng còn lại (loại hình 3 và 4) sẽ là đối tượng tiêm phòng bắt buộc, hạn chế vận chuyển và giảm thiểu tiếp xúc với gia cầm khác. Sẽ tiến hành nghiên cứu về kinh tế - xã hội, sinh thái học và vi-rút học cho khu vực chăn nuôi này để giúp xác định tương lai lâu dài. Sẽ khuyến khích chăn nuôi công nghiệp khi thích hợp.

75. Hộ gia đình nông thôn sẽ tiếp tục nuôi gà thả tự do (loại hình 4) như một nguồn thu nhập và nguồn thực phẩm quan trọng và không nằm trong Chương trình phối hợp hành động quốc gia. Cần có kế hoạch bảo vệ lâu dài cho loại hình chăn nuôi này dù chắc chắn là rất khó duy trì được việc tiêm phòng đại trà cho gà nuôi thả tự do. Không nên để gia cầm nuôi theo hình thức này tham gia vào chuỗi thị trường chính thống mà chỉ nên đem bán và tiêu dùng tại địa phương. Loại hình chăn nuôi này cũng sẽ được bảo vệ phần nào nhờ việc khống chế hiệu quả sự lây nhiễm bệnh ở các loại hình chăn nuôi công nghiệp.

76. Trên cơ sở tiến triển của công tác không chế dịch bệnh và thông tin có được từ các đợt khảo sát dịch tễ, chương trình không chế từng bước đòi hỏi phải rà soát và sửa đổi chiến lược để tăng hiệu quả của các biện pháp không chế.

2. TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC NGÀNH THÚ Y

77. Năng lực ngành Thú y sẽ vẫn là khó khăn cản trở chính đối với công tác tăng cường không chế dịch bệnh trừ phi có thêm đầu tư thoả đáng cho cơ sở vật chất, nhân lực và đào tạo. Các hoạt động sau đây sẽ được thực hiện trong khuôn khổ Chương trình phối hợp hành động quốc gia để khắc phục khó khăn này: (a) mở rộng năng lực và khả năng của mạng lưới phòng thí nghiệm thú y để rút ngắn thời gian và tăng mức độ tin cậy của các xét nghiệm và tăng thêm số xét nghiệm chẩn đoán có thể thực hiện; (b) nâng cao năng lực chuyên môn về dịch tễ thông qua đào tạo; (c) thực hiện cải tiến công tác báo cáo dịch bệnh và năng lực phân tích số liệu; và (d) nâng cao năng lực quản lý của Cục Thú y.

3. KHÔNG CHẾ DỊCH BỆNH

78. Công tác không chế dịch bệnh sẽ được thực hiện bằng việc kết hợp các biện pháp, bao gồm xác định nhanh và ứng phó kịp thời các ổ dịch, tiêm phòng ở những nơi có nguy cơ nhiễm bệnh, tăng cường quản lý và kiểm soát vận chuyển gia cầm, và xây dựng khu vực an toàn dịch bệnh. Sẽ tiến hành điều tra về các loại vắc xin thay thế, chất lượng vắc xin và chiến lược tiêm phòng để hỗ trợ chương trình tiêm phòng.

79. Chương trình phối hợp hành động quốc gia sẽ hỗ trợ thực hiện và tăng cường các biện pháp này thông qua các hoạt động sau đây: (a) nâng cao năng lực điều tra ca bệnh được báo cáo để xác định ổ dịch một cách nhanh chóng và hiệu quả; (b) nâng cao công tác ứng phó nhanh đối với ổ dịch để hạn chế lây lan từ ổ bệnh mới xuất hiện; (c) từng bước tiến tới tiêm phòng có định hướng và dựa vào nguy cơ, theo khu vực địa lý và loại hình chăn nuôi với nguy cơ khác nhau để giảm chi phí không chế dịch bệnh; (d) cải tiến công tác kiểm soát vận chuyển gia cầm và các vật liệu nhiễm mầm bệnh từ vùng có dịch để hạn chế tác hại do dịch bệnh gây ra; (e) thúc đẩy nghiên cứu cải tiến vắc xin và các phương pháp sử dụng vắc-xin để tăng mức độ bảo vệ đàn; và (f) điều tra cơ chế hình thành khu vực an toàn dịch bệnh để tăng số lượng cơ sở an chăn nuôi gia cầm được chứng nhận an toàn dịch bệnh, và cuối cùng là để góp phần phát triển thị trường xuất khẩu.

4. GIÁM SÁT VÀ ĐIỀU TRA DỊCH TỄ

80. Cần phải có các chương trình giám sát và điều tra dịch tễ được thực hiện tốt để đánh giá hiệu quả của các chương trình khống chế và để cung cấp thông tin cần thiết nhằm điều chỉnh các phương pháp khống chế. Các nghiên cứu cụ thể sẽ đánh giá chi phí và lợi ích về môi trường, xã hội và kinh tế của vịt thả đồng và các cách thức đảm bảo tiêu thụ được giống gà ta mà không làm lây lan bệnh cúm gia cầm. Các chương trình cụ thể sẽ bao gồm: (a) Giám sát chi phí hiệu quả sẽ tập trung vào các chợ và lò mổ để nâng cao kiến thức về sự lưu hành của vi-rút và tỷ lệ tiêm phòng vắc xin theo cách tiết kiệm nhất. Đồng thời, các trang trại chăn nuôi theo loại hình 1 và 2 sẽ đảm bảo được tình trạng an toàn dịch bệnh; (b) Lập bản đồ phân bố về thời gian và không gian phạm vi các hoạt động của chim hoang dã và chim di cư để hỗ trợ đánh giá nguy cơ lây lan bệnh cúm gia cầm trong và vào Việt Nam; và (c) Nghiên cứu về vịt chạy đồng và gà ta.

5. TỔ CHỨC LẠI NGÀNH CHĂN NUÔI GIA CẦM

81. Chương trình này bao trùm cả những hoạt động Quy hoạch lại ngành Chăn nuôi gia cầm do có áp dụng trong khống chế dịch cúm gia cầm và là một phần của chiến lược khống chế dài hạn bệnh cúm gia cầm do Cục Thú y xây dựng. Theo Chiến lược Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn giai đoạn 2001-2010 của Việt Nam, Bộ NN&PTNT đặt mục tiêu dài hạn là công nghiệp hoá ngành Chăn nuôi, giết mổ và chế biến gia cầm. Phần lớn các hoạt động tái cơ cấu ngành, và chắc chắn là cần nhiều kinh phí đầu tư, sẽ rơi vào giai đoạn củng cố.

82. Trong khi tiếp tục theo đuổi mục tiêu hiện đại hoá, điều thiết yếu là phải tính đến tầm quan trọng của người chăn nuôi gia cầm quy mô nhỏ và người nghèo vì theo ước tính có đến 65% hộ gia đình ở Việt Nam có nuôi gia cầm và nhu cầu ngày càng tăng đối với gia cầm tự tăng gia đã dẫn tới sự đa dạng đáng kể trong hoạt động chăn nuôi lợn và gia cầm quy mô nhỏ. Sự đa dạng trong tạo nguồn thu nhập là rất quan trọng đối với hộ nghèo, và Việt Nam đã ký Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ với trọng tâm chính là xoá đói giảm nghèo. Có thể hy vọng là trong những năm tới vẫn còn nhu cầu đối với gia cầm nuôi truyền thống theo kiểu thả vườn.

83. Trong khi việc công nghiệp hoá có thể làm giảm được một số vấn đề mà ngành Chăn nuôi hiện đang phải đối mặt, thì cũng sẽ đặt ra một số thách thức nhưng không lớn lắm cho ngành Chăn nuôi với cơ cấu như hiện nay. Khi các loại hình chăn nuôi phát triển thì sẽ nâng cao được năng lực phát hiện và khống

chế dịch bệnh nhưng cũng sẽ tạo ra những tác động ngoại lai dưới hình thức các vấn đề về thú y và ô nhiễm môi trường do chăn nuôi tập trung gây ra.

84. Với ngành Chăn nuôi đang hiện đại hoá nhanh chóng, vai trò của chính phủ trong việc điều tiết các vấn đề bên ngoài sẽ trở nên ngày càng quan trọng. Đồng thời, vai trò của chính phủ trong việc cung cấp kinh phí để xây dựng các cơ sở sẽ giảm đi vì việc đó sẽ do khu vực tư nhân đảm trách. Bộ NN&PTNT đề nghị rút sở hữu nhà nước trong các trại chăn nuôi và cơ sở giết mổ, có thể là vào năm 2015.

85. Chính phủ Việt Nam sẽ cố gắng để đạt được đồng thời 4 mục tiêu:

- Không chế bền vững bệnh cúm gia cầm;
- Hiện đại hoá ngành Chăn nuôi;
- Giảm nghèo và duy trì đời sống; và
- Dự báo và ngăn ngừa ô nhiễm môi trường do chăn nuôi gây ra.

86. Kết quả và hoạt động nêu trong Chương trình này sẽ được thực hiện theo phương pháp dựa theo nguy cơ, phù hợp với phương pháp đang áp dụng trong không chế dịch bệnh. Không nên khuyến khích người dân chăn nuôi gia cầm ở những thành phố lớn như thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội và cuối cùng thì nên cấm hẳn. Lò mổ cần được đặt ở nơi xa khu vực dân cư để giảm thiểu nguy cơ về y tế cộng đồng và ảnh hưởng về môi trường. Sẽ phải có quy định về tiêu thụ gia cầm và dự kiến quá trình công nghiệp hoá sẽ dẫn tới việc tăng tiêu thụ sản phẩm đã qua chế biến, đặc biệt là ở khu vực đô thị. Khi thực hiện kế hoạch này cần phải tính đến rủi ro mất nguồn thu nhập cho những người chăn nuôi theo loại hình 3, tiểu thương và người bán lẻ ở chợ. Rất khó quy định đối với loại hình chăn nuôi 4 trong thời gian trước mắt nhưng về lâu dài chắc chắn hình thức này sẽ tự giảm bớt vì người chăn nuôi sẽ thấy là họ kém cạnh tranh hơn.

87. Ở những nơi nguy cơ xảy ra bệnh cúm gia cầm thấp hơn và đất đai rộng hơn, xa thành phố nhưng có đường sá giao thông thuận tiện thì có thể khuyến khích nâng cấp hoặc/và xây mới cơ sở chăn nuôi, cơ sở giết mổ và chế biến. Thách thức ở đây chính là quy định hoạt động này để tránh gây ra những tổn thất không hợp lý về đời sống cho người chăn nuôi hiện nay do cạnh tranh với các cơ sở chăn nuôi tập trung, và xây dựng kế hoạch giảm thiểu ô nhiễm môi trường khi thiết kế các cơ sở mới.

88. Ở vùng sâu, vùng xa, nguy cơ lây lan bệnh cúm gia cầm không cao và người dân sống phụ thuộc rất nhiều vào chăn nuôi gia cầm quy mô nhỏ trong các hoạt động kiếm sống. Hiện đại hoá chăn nuôi gia cầm sẽ không quan trọng

lắm đối với vấn đề không chế bệnh cúm gia cầm mặc dù vẫn cần phải cải thiện an toàn sinh học trong chăn nuôi và quy định về tiêu thụ gia cầm.

89. Chương trình phối hợp hành động quốc gia sẽ hỗ trợ Cục Chăn nuôi xây dựng kế hoạch và tư vấn về Quy hoạch lại ngành Chăn nuôi gia cầm bền vững về mặt xã hội, môi trường và kinh tế. Những hoạt động được đề xuất để các bên tài trợ hỗ trợ bao gồm: (a) lập kế hoạch, thẩm định và thí điểm kế hoạch phát triển ngành gia cầm đáp ứng các tiêu chí về kinh tế, xã hội và môi trường; (b) hỗ trợ sinh kế, chủ yếu thông qua tập huấn và hỗ trợ phát triển nông thôn cho người chăn nuôi chuyển đổi từ chăn nuôi gia cầm sang ngành khác ở 6 vùng; và (c) xây dựng năng lực trong Cục Chăn nuôi, bao gồm đào tạo, tham quan học tập và mua sắm thiết bị. Thêm vào đó, dự định là khu vực tư nhân cũng sẽ hỗ trợ tài chính cùng với nhà nước để cấp vốn tín dụng, cải tạo và xây dựng cơ bản, bao gồm trại giống, cơ sở chăn nuôi an toàn sinh học và lò mổ.

6. NHẬN THỨC CỘNG ĐỒNG VÀ THAY ĐỔI HÀNH VI

90. Điều mấu chốt là khi mỗi lĩnh vực tham gia vào công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng và thay đổi hành vi về dịch cúm gia cầm và đại dịch cúm ở người đều hoạt động trong khuôn khổ chiến lược tổng thể và chương trình khung rộng hơn do Nhóm công tác về giáo dục, thông tin tuyên truyền chỉ đạo, thì việc triển khai thực tế các hoạt động chiến dịch lại do các ban ngành chuyên trách thực hiện với một số mục tiêu chung đã đặt ra (ý tưởng là “Một chiến dịch - Nhiều ngành tham gia”). Cụ thể, ngành Nông nghiệp sẽ đi đầu trong các hoạt động tuyên truyền về các hành vi cùng với: (a) báo cáo kịp thời dịch bệnh động vật; (b) cải thiện an toàn sinh học trong chăn nuôi gia cầm; và (c) thực hành xử lý an toàn gia cầm trong giết mổ, vận chuyển và tiêu thụ. Ngành Nông nghiệp cũng sẽ góp phần vào những nỗ lực thông tin tuyên truyền về những nguy cơ đối với sức khỏe cộng đồng (đặc biệt là với người chăn nuôi và người nhà của họ) theo hướng dẫn của bên Y tế. Trong Bộ NN&PTNT, Trung tâm Khuyến nông sẽ chịu trách nhiệm tập huấn cho các cơ quan khuyến nông ở tỉnh, huyện và xã. Trung tâm Khuyến nông cũng sẽ tham gia vào các chiến dịch tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về bệnh cúm gia cầm và phối hợp với Cục Thú y và Cục Chăn nuôi để biên soạn các tài liệu tuyên truyền.

91. Đối tượng tuyên truyền đầu tiên của ngành Nông nghiệp bao gồm các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ (loại hình 4), trại chăn nuôi gia cầm bán thương mại (loại hình 3), trại chăn nuôi gia cầm bán nông nghiệp (loại hình 2), người kinh doanh, buôn bán. Có thể tiếp cận những đối tượng này thông qua các kênh khác như thú y viên, cơ quan khuyến nông, tổ chức quần chúng, và mạng lưới trường

học. Sẽ xây dựng các chiến lược cụ thể để tiếp cận những đối tượng này dựa trên cơ sở phân tích đối tượng và tình hình. Điều này sẽ giúp xây dựng các thông điệp cụ thể, hiệu chỉnh các tài liệu hiện có và biên tập tài liệu mới bao gồm các chương trình tivi, tờ rơi, sách nhỏ và áp phích. Nhóm công tác giáo dục, thông tin và tuyên truyền sẽ kiểm tra những tài liệu đó trước khi in ấn, xuất bản để đảm bảo tính phù hợp cho đối tượng hướng đến và sự thống nhất xuyên suốt các cơ quan thực hiện khác nhau. Ngoài ra, tài liệu này cũng sẽ được cung cấp cho địa phương để in ấn, tái bản thêm.

PHẦN III – PHÒNG CHỐNG BỆNH CÚM GIA CẦM VÀ ỨNG PHÓ ĐẠI DỊCH CÚM TRONG NGÀNH Y TẾ

1. TĂNG CƯỜNG GIÁM SÁT VÀ ỨNG PHÓ DỊCH BỆNH

92. Dưới sự chỉ đạo của Cục Y tế Dự phòng, Bộ Y tế, hệ thống y tế dự phòng ở Việt Nam đã đóng vai trò then chốt trong công tác khống chế dịch cúm gia cầm hiện nay và trong các hoạt động liên quan đến công tác xây dựng kế hoạch ứng phó Đại dịch cúm. Chương trình phối hợp hành động quốc gia xây dựng dựa trên năng lực hiện tại của hệ thống thông qua việc tăng cường năng lực ở những lĩnh vực chủ chốt sau:

- Tăng cường giám sát các mối đe dọa của dịch bệnh truyền nhiễm;
- Xây dựng “Hệ thống cảnh báo vào ứng phó sớm”;
- Hỗ trợ công tác điều tra và các hoạt động bao vây dịch qua xây dựng các Nhóm phản ứng nhanh;
- Xây dựng kỹ năng và nguồn nhân lực thông qua việc xây dựng Chương trình tập huấn dịch tễ cơ sở;
- Rà soát các văn bản pháp chế hiện hành liên quan đến khống chế dịch bệnh truyền nhiễm; và
- Tăng cường khống chế các mối đe dọa về bệnh truyền nhiễm ở biên giới quốc tế.

93. **Cải thiện công tác giám sát các mối đe dọa về bệnh truyền nhiễm.** Cục Y tế Dự phòng Việt Nam chịu trách nhiệm điều hành hệ thống giám sát 24 bệnh truyền nhiễm. Một phân tích sơ bộ cho thấy hệ thống này đã không hoạt động thật hiệu quả trong phát hiện dịch bệnh, báo cáo đôi khi không hoàn chỉnh và thông tin nhận được đã không được phổ biến hiệu quả. Đã có đề xuất thực hiện đánh giá sâu rộng toàn hệ thống giám sát với dự kiến là đánh giá sẽ đưa ra được các đề xuất cụ thể để cải tiến hệ thống.

94. **Xây dựng hệ thống “Cảnh báo và ứng phó sớm” (EWARS).** Như đã trình bày ở trên, *có thể* nhận thấy sự xuất hiện đại dịch cúm ở Việt Nam với sự xuất hiện các cúm dịch viêm đường hô hấp lây lan rất nhanh ở người. Hiện nay người ta cho rằng nếu can thiệp kịp thời có thể làm giảm được tác động của đại dịch. Để hỗ trợ phát hiện sớm đại dịch, đề nghị Việt Nam điều chỉnh hệ thống báo cáo hàng tuần, ưu tiên các bệnh truyền nhiễm mà cụ thể là nhóm Bệnh truyền nhiễm cấp tính hệ hô hấp (SARI), như thế các cúm dịch sẽ được báo cáo ngay với các cơ quan Y tế. Hệ thống cảnh báo và ứng phó sớm cần phải thật nhạy cảm, dựa trên cả cộng đồng và các cơ sở Y tế và sẽ dựa trên các hệ thống thông tin tuyên truyền được duy trì tốt và đáng tin cậy nhờ đó có thể thúc đẩy nhanh các hoạt động ứng phó khẩn cấp (đánh giá rủi ro, xác minh, điều tra, xét nghiệm trong phòng thí nghiệm và bao vây dịch). Mặc dù một số mục tiêu và yêu cầu về cơ sở vật chất của Hệ thống cảnh báo và ứng phó sớm khác với hệ thống giám sát hiện nay song điều quan trọng là công tác thực hiện phải được tiến hành theo cách thức làm sao tăng cường và mở rộng được các cơ chế hiện hành.

95. Sẽ thiết lập Mạng lưới Giám sát Điện tử Quốc gia làm cơ sở hạ tầng cho hệ thống cảnh báo mới. Lúc đó mạng lưới máy tính, modem kết nối và máy lưu điện (UPS) sẽ trở thành xương sống của hệ thống giám sát “thường xuyên” và của Hệ thống cảnh báo và ứng phó sớm mới được thành lập. Điều này sẽ đem lại tiến bộ to lớn cho công tác giám sát dịch bệnh truyền nhiễm ở Việt Nam; bởi hiện nay hệ thống giám sát vẫn phải dựa vào việc báo cáo bằng văn bản hoặc bằng điện thoại. Để đạt được điều đó, mỗi Trung tâm Y tế Dự phòng huyện và tỉnh đều cần được trang bị máy tính có nối mạng internet và sẽ phải xây dựng các chương trình phần mềm và hệ thống dữ liệu dành cho mục đích này. Ngoài ra, cần phải cấp kinh phí cho chi phí điện thoại, internet, bảo trì và hoạt động, ít nhất là mấy năm sau khi thành lập.

96. **Hỗ trợ điều tra nhanh và các hoạt động bao vây dịch qua thành lập các Đội phản ứng nhanh.** Phần lớn trách nhiệm nhận biết, điều tra và khống chế đại dịch cúm tiềm ẩn thuộc về nhân viên y tế cộng đồng tại địa phương nhưng hiện nay những nhân viên đó có thể ít được đào tạo, tập huấn về dịch tễ. Vì vậy, rất cần phải tập huấn chuyên sâu cho những nhóm phản ứng nhanh ở cấp tỉnh và huyện. Để thực hiện được điều này, chương trình thiết kế để tập huấn và tăng cường năng lực về dịch tễ cho các nhóm phản ứng nhanh liên ngành, mỗi nhóm gồm 5 thành viên (chương trình do Trung tâm phòng chống dịch bệnh của Mỹ và Tổ chức Y tế Thế giới xây dựng) phải được gửi cho Bộ Y tế để dịch sang tiếng Việt và phân phát trong tháng 7/2006. Đã có kế hoạch tuyển dụng và đào tạo các chuyên gia dịch tễ nhiều kinh nghiệm thành giảng

viên và sau đó bắt đầu tập huấn cho 825 đội phản ứng nhanh ở cấp tỉnh và huyện.

97. Các đội phản ứng nhanh dự kiến sẽ phải có thiết bị phù hợp, kể cả bộ dụng cụ lấy mẫu (và hệ thống vận chuyển an toàn sinh học) để đảm bảo gửi được mẫu có chất lượng cho các phòng thí nghiệm chẩn đoán. Năng lực của các Trung tâm y tế dự phòng tỉnh và huyện cũng có thể được tăng cường thêm bằng cách mua xe ô tô chuyên dụng phục vụ công tác điều tra ở cơ sở và hoạt động bao vây dịch.

98. **Xây dựng kỹ năng và nguồn lực qua xây dựng Chương trình tập huấn dịch tễ cơ sở.** Đề nghị phải xây dựng được chương trình tập huấn dịch tễ cơ sở cho Việt Nam. Bộ Y tế đã xây dựng kế hoạch thực hiện khung nhằm mục đích đưa vào hoạt động và duy trì chương trình dự kiến tới năm 2010 và những năm sau đó. Nội dung chi tiết tài liệu chương trình tập huấn dịch tễ cơ sở đang được biên soạn, kế hoạch thực hiện đang được xây dựng và dự kiến sẽ thử nghiệm chương trình trong giai đoạn 2006 – 2007.

99. **Rà soát các văn bản pháp chế hiện hành về không chế dịch bệnh truyền nhiễm.** Đề nghị rà soát và sửa đổi các văn bản pháp quy về không chế dịch bệnh truyền nhiễm đáp ứng với sự gia tăng của quyền hạn mới để các cơ quan Y tế cộng đồng có thể áp dụng. Một khi đã hoàn thiện các văn bản pháp quy thì sẽ tiến hành in ấn, phân phát và tiến hành tập huấn cho nhân viên y tế dự phòng.

100. **Tăng cường kiểm soát các mối nguy cơ về bệnh truyền nhiễm tại cửa khẩu quốc tế.** Sẽ tăng cường kiểm soát biên giới thông qua nâng cấp cơ sở hạ tầng (bao gồm cả xây dựng cơ sở kiểm dịch/chăm sóc y tế cơ bản), cải tiến hệ thống báo cáo và tập huấn. Sẽ hợp tác với các nước láng giềng để trao đổi kinh nghiệm và thống nhất các quy trình khi thích hợp.

2. TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC CHẨN ĐOÁN

101. Tăng cường năng lực phòng thí nghiệm để phát hiện và giám sát bệnh cúm gia cầm là nội dung trọng tâm của hệ thống giám sát và ứng phó của Việt Nam. Năng lực phòng thí nghiệm rất cần thiết đối với hệ thống cảnh báo sớm vì hệ thống này phát hiện ra các ca bệnh nghi ngờ theo triệu chứng lâm sàng và dựa vào xét nghiệm chẩn đoán trong phòng thí nghiệm để xác nhận bệnh. Các nghiên cứu cho thấy thực hiện các biện pháp ứng phó và bao vây dịch trong vòng 3 tuần từ khi xuất hiện chủng cúm độc lực cao ở người có thể ngăn ngừa, hoặc ít nhất có thể làm chậm, sự tiến triển trở thành đại dịch. Ở Việt Nam, cần

được nâng cao năng lực thí nghiệm chẩn đoán vi-rút H5N1 (và tương tự) hiện tập trung ở 2 phòng thí nghiệm an toàn sinh học cấp III ở Viện Vệ sinh Dịch tễ Trung ương (Hà Nội) và Viện Pasteur (thành phố Hồ Chí Minh) để đảm bảo thực hiện chẩn đoán kịp thời và đủ độ tin cậy. Chiến lược nâng cao năng lực phòng thí nghiệm chẩn đoán bệnh cúm gia cầm đề cập đến những yếu tố sau: (a) lấy mẫu chẩn đoán đầy đủ; (b) vận chuyển mẫu nhanh tới phòng thí nghiệm tỉnh/vùng; (c) chẩn đoán nhanh mẫu bệnh phẩm về xác định bộ gen; (d) xác nhận chẩn đoán; (e) phân lập vi-rút để Viện Vệ sinh Dịch tễ Trung ương hoặc các phòng thí nghiệm tham chiếu khác tiếp tục xác định đặc tính của vi-rút; và (f) nhanh chóng chia sẻ thông tin giữa ngành Y tế và Thú y. Để đảm bảo hệ thống hoạt động tốt, cần nâng cấp Viện Vệ sinh Dịch tễ Trung ương (đã được WHO chỉ định là Trung tâm bệnh cúm quốc gia) để thực hiện hệ thống đảm bảo chất lượng trên khắp cả nước.

102. Cải thiện cơ sở và thiết bị thí nghiệm. Hai phòng thí nghiệm an toàn sinh học cấp III hiện đang được thành lập tại Viện Vệ sinh Dịch tễ Trung ương và Viện Pasteur (thành phố Hồ Chí Minh) để nâng cao năng lực cấp trung ương về nuôi cấy vi-rút và xét nghiệm vi-rút học tiên tiến. Hai phòng thí nghiệm này sẽ được hỗ trợ với việc thiết lập năng lực xét nghiệm PCR cổ điển ở 32 Trung tâm y tế dự phòng tỉnh và 10 bệnh viện trung ương và bệnh viện vùng cùng với cơ sở thí nghiệm cơ động an toàn sinh học cấp II đóng tại miền Trung để trợ giúp điều tra ở cơ sở. Năm bệnh viện trung ương có nhiều ca bệnh nghi bị cúm sẽ được cấp thiết bị “PCR thời gian thực” để chẩn đoán nhanh tại chỗ. Khu vực miền Trung và Tây Nguyên cũng sẽ được cấp các hệ thống xác định chuỗi vi-rút để nâng cao năng lực xét nghiệm vi-rút học tiên tiến. Sẽ có kinh phí để mua dụng cụ xét nghiệm và vật tư tiêu hao.

103. Nâng cao năng lực và an toàn cho nhân viên phòng thí nghiệm. Nhân viên sẽ được tập huấn về kỹ thuật xét nghiệm mới, cũng như bổ trợ về quy trình và thực hành an toàn sinh học. Để hỗ trợ công tác tập huấn, Bộ Y tế sẽ cập nhật hướng dẫn về lấy mẫu và vận chuyển mẫu với sự trợ giúp của chuyên gia nếu cần thiết. Nhân viên chủ chốt của các phòng thí nghiệm vùng có hệ thống xác định chuỗi vi-rút mới sẽ được đi tập huấn đào tạo ở nước ngoài về xét nghiệm vi-rút học tiên tiến.

104. Xây dựng Viện vệ sinh dịch tễ Trung ương và Viện Pasteur Hồ Chí Minh thành phòng thí nghiệm tham chiếu quốc gia. Nhằm hỗ trợ nâng cao năng lực về vi-rút học của các Trung tâm Y tế Dự phòng Tỉnh và các phòng thí nghiệm vùng, Viện Vệ sinh Dịch tễ Trung ương sẽ thiết lập thêm chức năng đảm bảo chất lượng quốc gia. Sẽ có đầu tư về chuyên gia kỹ thuật, tổ chức tập huấn và hội thảo để đảm bảo thiết lập được hệ thống đảm bảo chất lượng hoàn chỉnh.

3. TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC ĐIỀU TRỊ

105. Khu vực điều trị bệnh đang theo đuổi phương pháp “hai hướng” để chuẩn bị ứng phó với đại dịch cúm. Thứ nhất, nhằm mục đích tăng cường năng lực của hệ thống bệnh viện để nhận biết và ứng phó với các ca bệnh cúm gia cầm và cúm ở người theo sự phân công trách nhiệm giữa cấp huyện, tỉnh và trung ương. Về vấn đề này, Việt Nam đã phân công 8 bệnh viện trung ương làm cơ sở chính để điều trị bệnh nhân cúm gia cầm và bệnh nhân cúm. Đối với những trường hợp đặc biệt, bệnh nhân chẩn đoán ở tuyến dưới sẽ được chuyển lên các bệnh viện trung ương này để điều trị. Những bệnh viện này cũng là các trung tâm hỗ trợ cho các cơ sở tuyến dưới, chịu trách nhiệm về tập huấn, giám sát và trợ giúp kỹ thuật. Một trăm mười tám (118) bệnh viện tỉnh sẽ là các cơ sở tuyến hai để điều trị bệnh nhân cúm gia cầm và bệnh nhân cúm, nhận bệnh nhân nặng bị quá tải từ tuyến trung ương và tự điều trị các ca không bị nặng. Chiến lược này đòi hỏi phải nâng cao năng lực cấp cứu ở bệnh viện trung ương và bệnh viện huyện và nâng cao công tác thực hiện của hệ thống chuyển viện cho bệnh nhân. Cuối cùng, bệnh viện huyện sẽ là tuyến đầu tiên trong hệ thống y tế điều trị cơ bản cho bệnh nhân thể nhẹ. Tất cả các tuyến trong hệ thống bệnh viện sẽ cải thiện khả năng nhận biết ca bệnh, chú ý các quy trình kiểm soát truyền nhiễm và góp phần báo cáo ca bệnh theo khuôn khổ hệ thống giám sát.

106. Khu vực điều trị cũng đang chuẩn bị đối phó với tình huống xảy ra đại dịch cúm, khi đó sẽ có nhu cầu rất lớn và đột ngột về điều trị trên khắp cả nước. Dù không thể dự đoán được lúc nào sẽ xảy ra đại dịch hay mức độ nghiêm trọng của đại dịch nhưng Việt Nam đã chọn xây dựng năng lực ứng phó theo tình huống là số bệnh nhân điều trị vượt xa năng lực của các bệnh viện. Ở khía cạnh này, các bệnh viện đang chuẩn bị kế hoạch ứng phó với đại dịch với trọng tâm là tăng khả năng tiếp nhận bệnh nhân, trách nhiệm nhân viên và hướng di chuyển bệnh nhân, và đảm bảo liên tục có nhân viên. Khi xảy ra đại dịch, bệnh viện trung ương và bệnh viện tỉnh sẽ chăm sóc, điều trị những bệnh nhân bị nặng nhất còn bệnh viện huyện thì điều trị ca nhẹ. Dưới sự chỉ đạo của Ủy ban Nhân dân tỉnh, cơ quan y tế tỉnh đang xây dựng kế hoạch hành động để thành lập bệnh viện dã chiến. Sẽ xây dựng kho dự trữ về vật liệu hậu cần, thiết bị và thuốc men tại các trung tâm trên khắp cả nước để hỗ trợ các bệnh viện dã chiến. Công tác chuẩn bị này phù hợp với các tình huống nghiêm trọng về y tế cộng đồng bên cạnh đại dịch cúm.

107. Cụ thể, Chương trình phối hợp hành động quốc gia bao gồm những lĩnh vực và hoạt động sau:

- **Đánh giá tình hình và xây dựng kế hoạch.** Quá trình đánh giá chi tiết sẽ rà soát năng lực hệ thống điều trị để ứng phó các trường hợp bị cúm gia cầm và trong tình huống xảy ra đại dịch. Đánh giá này sẽ xem xét về tổng số giường bệnh và khả năng tiếp nhận bệnh nhân cấp cứu; số lượng và năng lực nhân viên ở những khoa chủ chốt; và trang thiết bị chính và cơ sở hiện có điều trị được bệnh cúm gia cầm ở cấp trung ương và cấp tỉnh. Đánh giá cũng sẽ xây dựng hướng dẫn về tình huống xảy ra đại dịch, chú trọng vấn đề tăng khả năng tiếp nhận, điều trị bệnh nhân và xác định nhu cầu và quy trình thành lập bệnh viện dã chiến.
- **Nâng cao năng lực nhân viên để chăm sóc bệnh nhân cúm.** Sẽ nâng cao năng lực chăm sóc lâm sàng bệnh nhân bị cúm gia cầm và bệnh nhân cúm thường thông qua việc rà soát lại tiêu chuẩn và hướng dẫn, đào tạo tập huấn và giám sát. Bộ Y tế đã xây dựng hướng dẫn nhận biết và điều trị bệnh cúm gia cầm, bao gồm cả triệu chứng cho bệnh nhân bị cúm rất nặng. Sẽ tiếp tục tập huấn về những mảng này cho toàn bộ bác sỹ, y tá ở các bệnh viện trung ương và bệnh viện tỉnh đồng thời áp dụng mô hình đào tạo cán bộ tập huấn nhằm mục đích cập nhật kỹ năng cho cán bộ, nhân viên chăm sóc y tế liên quan để điều trị bệnh nhân bị cúm gia cầm. Các bệnh viện trung ương sẽ giám sát và kiểm soát chất lượng điều trị ở các cơ sở tuyến dưới.
- **Cải tiến trang thiết bị và cơ sở điều trị bệnh nhân cúm.** Sẽ nâng cấp các phòng cấp cứu ở tám bệnh viện trung ương và toàn bộ bệnh viện tỉnh với một số thiết bị đã được xác định, gồm có máy thở (bằng oxi), máy theo dõi bệnh nhân, máy chụp X-quang di động, và các thiết bị thiết yếu khác đặt ra trong hướng dẫn điều trị bệnh cúm gia cầm. Việc đầu tư thiết bị sẽ tính đến số thiết bị hiện có và kết hợp chặt chẽ với năng lực sử dụng thiết bị của nhân viên. Đặc biệt, sẽ có một lớp tập huấn ngắn hạn cho y tá về sử dụng máy thở trong 6 tháng, bao gồm hướng dẫn thực hành tại chỗ, đồng thời mua máy thở để giải quyết các vấn đề về hô hấp. Thêm vào đó, các hệ thống cung cấp ô xy trung tâm sẽ được lắp đặt tại 20 bệnh viện tỉnh hiện chưa có hệ thống này. Hệ thống này sẽ cung cấp ô xy cho khoảng 100 giường bệnh, nâng cao đáng kể năng lực chăm sóc bệnh nhân cúm (và các bệnh về đường hô hấp khác). Cuối cùng, mỗi trong số tám bệnh viện trung ương sẽ có một xe di chuyển bệnh nhân bị rất nặng, bệnh nhân mắc bệnh truyền nhiễm từ bệnh viện tỉnh.
- **Tăng cường kiểm soát lây nhiễm trong bệnh viện.** Sẽ tăng cường công tác kiểm soát lây nhiễm ở bệnh viện trung ương, bệnh viện tỉnh và huyện bằng cách thành lập các phòng cách ly bệnh nhân cúm và cải tiến thủ tục trong bệnh viện. Trong năm đầu tiên thực hiện Sách Xanh, sẽ xây dựng hướng dẫn và tiêu chuẩn kiểm soát lây nhiễm đối với bệnh nhân cúm dựa trên hướng dẫn phân loại bệnh lây nhiễm hiện hành của Bộ Y tế. Sẽ tổ

chức tập huấn cho toàn bộ y tá và bác sỹ ở cả 3 tuyến theo mô hình đào tạo cán bộ tập huấn và phân phối thiết bị bảo hộ cho tất cả các bệnh viện để giảm thiểu sự lây nhiễm bệnh cúm trong các cơ sở y tế.

- **Xây dựng năng lực ứng phó đại dịch cúm.** Các nội dung chính yếu trong xây dựng năng lực ứng phó đại dịch sẽ là lập kế hoạch phòng chống, ứng phó đại dịch, dự trữ thiết bị và vật liệu, thuốc men, và diễn tập ứng phó đại dịch. Bộ Y tế sẽ hỗ trợ các bệnh viện trung ương, bệnh viện tỉnh và huyện xây dựng kế hoạch hành động ứng phó đại dịch nhằm giải quyết vấn đề tăng khả năng tiếp nhận điều trị bệnh nhân, hướng di chuyển bệnh nhân, và đảm bảo liên tục cán bộ, nhân viên. Các bệnh viện tỉnh, phối hợp với Ủy ban Nhân dân tỉnh, cũng sẽ xây dựng kế hoạch thành lập và sử dụng bệnh viện dã chiến, bao gồm cả xác định cơ chế hoạt động của bệnh viện khi xảy ra đại dịch. Ngoài ra, sẽ bố trí các kho dự trữ thuốc men, vật liệu và thiết bị cần thiết cho bệnh viện dã chiến tại các trung tâm vùng trong cả nước.

4. NÂNG CAO CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU

108. Dù sự hiểu biết khoa học về bệnh cúm gia cầm H5N1 đang tăng lên nhanh chóng nhưng vẫn chưa trả lời được những câu hỏi chủ chốt. Việc chuyển từ giai đoạn ứng phó khẩn cấp sang không chế trung hạn đem lại những cơ hội mới để tiến hành nghiên cứu khoa học để có thể đưa ra hướng dẫn về chiến lược phòng và không chế dịch. Công tác nghiên cứu sẽ chú trọng vào vấn đề xác định các yếu tố rủi ro mắc bệnh cúm H5N1 và sự lan truyền của bệnh, xác định tỷ lệ lưu hành bệnh H5N1 trong các quần thể dân cư khác nhau, mở rộng các phương án xét nghiệm sàng lọc trong phòng thí nghiệm và giám sát sự biến dị gen của vi-rút. Các nghiên cứu này sẽ do Viện Vệ sinh Dịch tễ Trung ương và Bộ Y tế tiến hành với sự hợp tác của các cơ quan và đối tác quốc tế đang có những nghiên cứu tương tự về lây nhiễm cúm gia cầm. Trong khuôn khổ Sách Xanh, sẽ có kinh phí hỗ trợ thuê chuyên gia kỹ thuật, một số vật liệu, tài liệu và thiết bị và hỗ trợ chi phí hoạt động. Sẽ sử dụng đầu tư cho khu vực y tế dự phòng và điều trị để hoàn thành những hoạt động nghiên cứu này.

5. NHẬN THỨC CỘNG ĐỒNG VÀ THAY ĐỔI HÀNH VI

109. Điều mấu chốt là mỗi ngành tham gia tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng và thay đổi hành vi về cúm gia cầm và đại dịch cúm hoạt động theo chiến lược tổng thể và khung kế hoạch rộng hơn do Nhóm công tác thông tin truyền thông chỉ đạo, song việc triển khai thực tế các hoạt động chiến dịch sẽ do các ngành thực hiện theo các mục tiêu chung đã đặt ra (ý tưởng là “Một

Chiến dịch-Nhiều Ngành tham gia”). Cụ thể, ngành Y tế sẽ đi đầu về tuyên truyền về hành vi liên quan đến: (a) báo cáo kịp thời các ca bệnh ở người; (b) cải thiện vệ sinh cá nhân và an toàn thực phẩm; và nếu xảy ra đại dịch: (c) tuân thủ các quy định về y tế; và (d) tăng cường ứng phó bao vây dịch nếu xảy ra tình trạng lây từ người sang người. Ngành Y tế sẽ góp phần vào nỗ lực tuyên truyền về rủi ro thú y theo hướng dẫn của ngành Nông nghiệp. Trong Bộ Y tế, Tiểu ban thông tin, truyền thông về cúm gia cầm chịu trách nhiệm điều phối những hoạt động này với sự thực hiện của Trung tâm Giáo dục Y tế. Trung tâm Giáo dục y tế sử dụng tập huấn viên y tế ở cấp quốc gia, cấp tỉnh, huyện và xã.

110. Đối tượng thông tin tuyên truyền chính là công chúng. Có thể tiếp cận đối tượng này qua các kênh khác nhau như nhân viên y tế, tổ chức quần chúng và trường học. Sẽ xây dựng các chiến lược cụ thể để tiếp cận những đối tượng này dựa trên phân tích tình hình và đối tượng. Việc này sẽ giúp hướng dẫn xây dựng các thông điệp cụ thể, hiệu đính các tài liệu hiện có và biên soạn tài liệu mới gồm chương trình tivi, đài phát thanh, tờ rơi, sách mỏng và áp phích. Nhóm công tác thông tin truyền thông sẽ kiểm tra những tài liệu này trước khi đưa vào xuất bản hàng loạt nhằm đảm bảo tài liệu phù hợp với nhóm đối tượng dự kiến và có sự thống nhất giữa các cơ quan thực hiện khác nhau. Ngoài ra, những tài liệu này cũng được phân phát cho địa phương để điều chỉnh hoặc tái bản thêm.

E. THÁCH THỨC VÀ CƠ HỘI

1. THÁCH THỨC VỀ PHỐI HỢP

111. Cơ chế phối hợp và tổ chức hợp tác chặt chẽ giữa ngành Y tế và Thú y vô cùng quan trọng đối với sự thành công của của Chương trình phối hợp hành động quốc gia phòng chống bệnh cúm gia cầm. Đã có những dẫn chứng rõ ràng ở các quốc gia khác về việc nhận biết và bao vây ổ dịch bệnh có khả năng lây từ động vật sang người ban đầu bị cản trở do sự hợp tác không đầy đủ giữa các cơ quan chức năng Y tế và Thú y. Ở Việt Nam, đã có sự hợp tác chặt chẽ và hiệu quả giữa hai ngành trong công tác ứng phó dịch bệnh, tuy nhiên vẫn còn một số lĩnh vực cần được tăng cường thêm.

112. Có một số lĩnh vực cần có phương pháp tiếp cận liên ngành:

- Giám sát/trao đổi thông tin
- Điều tra ổ dịch
- Chẩn đoán phòng thí nghiệm

- Thông tin, tuyên truyền/ thay đổi hành vi
- Các hoạt động tập huấn chung
- Lập kế hoạch cho các hoạt động nói trên

113. **Giám sát/trao đổi thông tin.** Do đã thấy được mối liên hệ rõ ràng giữa bệnh động vật và bệnh ở người trong trường hợp bệnh cúm gia cầm, bên Y tế cần được thông tin về giám sát ổ dịch ở động vật và ngược lại. Do đó, ngay khi phát hiện ổ dịch trên gia cầm, thông tin sẽ được báo cho cơ quan Y tế để bên Y tế tăng cường giám sát các trường hợp nhiễm bệnh ở người, ví dụ như bằng cách nâng cao nhận thức của cán bộ, nhân viên y tế ở bệnh viện địa phương. Tương tự, đã có những ví dụ về việc có ca bệnh ở người được báo cáo khi chưa có ổ dịch trên động vật nào được biết đến tại địa phương, vì thế, đây cũng là lý do tại sao cần báo cáo trường hợp nhiễm bệnh ở người cho cơ quan Thú y địa phương.

114. Để hỗ trợ vấn đề này cần có hệ thống trao đổi thông tin chính thức, có thể bao gồm việc gửi báo cáo tổng hợp số liệu điều tra hàng tuần hoặc mỗi hai tuần của cơ quan quản lý hành chính ngành Y tế cho cơ quan quản lý ngành Thú y ở các cấp khác nhau (và ngược lại).

115. **Điều tra ổ dịch.** Một số ca bệnh cúm gia cầm ở người được báo cáo trên toàn cầu nhưng thiếu thông tin về bệnh sử phơi nhiễm với gia cầm mắc bệnh. Có thể đưa ra một số giải thích chẳng hạn như phơi nhiễm môi trường nhiễm mầm bệnh (ví dụ như phân gia cầm) hoặc trong một số trường hợp là sự lây nhiễm hạn chế từ người sang người. Trong những tình huống đó, việc điều tra của cơ quan y tế sẽ được hỗ trợ hiệu quả bởi nhiều nhóm chuyên gia liên ngành, gồm cả cán bộ dịch tễ động vật.

116. **Chẩn đoán phòng thí nghiệm.** Chẩn đoán phòng thí nghiệm về các ca bệnh cúm độc lực cao trên gia cầm và ở người (và nhiều quy trình thí nghiệm phức tạp như xác định chuỗi gen) đặc biệt liên quan đến các kỹ thuật giống nhau. Mặc dù phòng thí nghiệm thú y và y tế phải cách biệt nhau nhưng chắc chắn vẫn có tính tương hỗ hợp tác trong công việc, chẳng hạn như phát triển thuốc thử chẩn đoán, hướng dẫn về an toàn sinh học và tập huấn về kỹ thuật phòng thí nghiệm.

117. **Giáo dục, thông tin tuyên truyền/thay đổi hành vi.** Nhận thức cộng đồng và kiểm soát thay đổi hành vi/thông tin tuyên truyền đã được hợp nhất giữa các ngành Thú y, Chăn nuôi và Y tế trong công tác ứng phó bệnh dịch cúm gia cầm ở Việt Nam. Phải tiếp tục duy trì sự hợp tác này và tăng cường

hơn nữa để đảm bảo sử dụng tối ưu các nguồn lực có được và phát huy tối đa tác động của chiến dịch nâng cao nhận thức cộng đồng và thay đổi hành vi.

118. **Tập huấn dịch tễ cơ sở.** Mặc dù công việc hàng ngày của cán bộ dịch tễ y tế và thú y khác nhau nhưng khái niệm cơ bản thì như nhau. Nhiều bác sỹ thú y trở thành cán bộ dịch tễ bằng cách đi học lớp dịch tễ y tế vì ít có cơ hội về đào tạo dịch tễ thú y. Sau đào tạo ban đầu, họ học khái niệm ứng dụng liên quan đến ngành của mình.

119. Chương trình tập huấn dịch tễ cơ sở cho ngành Y tế Việt Nam hiện đang trong giai đoạn xây dựng. Ban đầu, đề nghị ngành Thú y hỗ trợ kinh phí tập huấn cho một số cán bộ thú y để họ có được kiến thức cơ bản về dịch tễ.

120. Các môn học thú y cụ thể sử dụng chuyên gia dịch tễ thú y Việt Nam (với một phần trợ giúp của chuyên gia quốc tế) sẽ được thiết kế và đưa ra giảng dạy. Điều này thể hiện cố gắng đầu tiên trên phạm vi toàn cầu để xây dựng các chương trình tập huấn dịch tễ thú y cơ sở và có thể sẽ là mô hình cho các nước khác học tập. Do học viên của cả hai ngành đều được tập huấn kết hợp trước đó nên sự chia sẻ kinh nghiệm một cách không chính thức sẽ giúp thúc đẩy mối quan hệ liên ngành.

121. **Lập kế hoạch cho các hoạt động nói trên.** Do phương pháp tiếp cận phối hợp đối với các vấn đề kỹ thuật (và một số vấn đề về hoạt động) hiện nay chưa được tốt nên cần có một phương pháp chủ động hơn đối với công tác phối hợp. Vì thế, điều quan trọng là tự công tác xây dựng kế hoạch phải là sự nỗ lực đa ngành.

2. THÁCH THỨC CỦA SỰ PHÂN CẤP

122. Quá trình phân cấp đang diễn ra ở Việt Nam, nghĩa là ngày càng nhiều quyết định của Chính phủ sẽ được ra ở cấp thấp hơn trong cơ cấu quản lý hành chính, đặc biệt là ở cấp tỉnh. Các đơn vị hành chính và đơn vị cung cấp dịch vụ đang được trao quyền tự quyết để xây dựng chiến lược của riêng mình và tự quyết định về sử dụng kinh phí. Tuy nhiên, các nguồn lực và nhu cầu khác nhau rất lớn giữa các tỉnh, huyện, xã và làng xóm và trách nhiệm của các đơn vị cung cấp dịch vụ vẫn hạn chế. Song song với quá trình phân cấp từ trung ương xuống địa phương, Việt Nam chuyển giao nhiều quyền tự quyết về ngân sách cho các đơn vị quản lý hành chính và cung cấp dịch vụ. Các đơn vị cung cấp dịch vụ bao quát nhiều nhóm hoạt động phức tạp, gồm cơ sở y tế, bệnh viện và phòng khám, và cơ quan khuyến nông. Cái chung của những hoạt động này là khả năng tự tạo ra một ít thu nhập. Từ năm 2004, các đơn vị sử dụng

kinh phí được tự do tái phân bổ các nguồn lực giữa các mục ở mỗi trong 4 khoản chi phí là phụ cấp và lương, hoạt động vào bảo dưỡng, vốn và chi phí khác. Trong khi sự linh hoạt có thể làm tăng hiệu quả sử dụng nguồn lực thì sự thiếu vắng giám sát đúng đắn và trách nhiệm, việc tự quyết về ngân sách cũng có thể bị lợi dụng để làm giàu cho cán bộ, gây thiệt hại cho mục tiêu chính sách quốc gia.

123. Kinh phí ở các tỉnh được lấy từ nguồn thu của địa phương và cấp từ ngân sách trung ương. Đối với các tỉnh giàu, việc cấp ngân sách thực tế là từ ngân sách trung ương chứ không phải của tỉnh. Theo cách nhìn quốc tế, cách thức mà “khoản” ngân sách ròng được chuyển giữa các tỉnh được xác định ở Việt Nam khá đặc biệt. Khoản đó có thể được xem là kết quả chung của hai cơ chế. Một cơ chế xác định phần nguồn thu cho nhà nước từ địa phương mà mỗi tỉnh có thể giữ lại. Cơ chế kia phân bổ khoản ngân sách đồng đều từ ngân sách nhà nước xuống tỉnh. Vì vậy, các nguồn lực có trực tiếp cho từng tỉnh là tổng của khoản thu được giữ lại và khoản ngân sách được cấp từ ngân sách nhà nước nếu có. Theo mức độ nghiêm trọng của các chi phí về xã hội và kinh tế trong đại dịch cúm ở người thì các biện pháp đặc biệt là phù hợp để hỗ trợ các tỉnh huy động và tiếp cận được các nguồn tài chính và có thể gánh trách nhiệm thực hiện chiến lược ứng phó của địa phương. Điều này có nghĩa là những thỏa thuận/cam kết với các cơ quan trung ương sẽ được thống nhất và thực hiện kịp thời để cho các ngành khác nhau ở cấp tỉnh có thể hợp tác với nhau và mỗi tỉnh có thể thực hiện trách nhiệm riêng của mình. Tất cả kinh phí, kể cả ngân sách trung ương cấp, cần được tính toán đầy đủ và minh bạch qua báo cáo thực hiện thường xuyên được công bố. Quản lý tốt và trách nhiệm với cộng đồng là rất thiết yếu để bảo vệ khả năng tiếp cận dịch vụ của người nghèo và các đối tượng chính sách khác. Quy trình thực hiện sẽ đề cập thỏa đáng đến mối liên hệ giữa hoạch định chính sách trung ương (nguyên tắc ‘hệ thống điều hành trực tiếp’) và việc thực hiện cấp địa phương.

3. THÁCH THỨC VÀ GIẢI PHÁP ĐỀ XUẤT

124. Thiếu kiến thức về dịch cúm gia cầm, khung thời gian hạn hẹp mà các cơ quan Chính phủ và bên ngoài phải đáp ứng, và nhu cầu về sự phối hợp đa ngành chặt chẽ đã làm cho chương trình phòng chống dịch cúm gia cầm trở nên nặng nề. Những thách thức chủ yếu trong việc thiết kế và thực hiện kế hoạch phòng chống dịch cúm gia cầm quốc gia và các giải pháp có thể thực hiện bao gồm:

- **Nhờ kết quả bao vây thành công dịch bệnh cho tới nay, Việt Nam có thể trở thành nạn nhân của chính thành công của mình, đứng trước**

nguy cơ là sự duy trì cam kết quốc gia và quốc tế có thể giảm sút. Phải ngăn chặn khả năng này bằng việc tạo ra nhận thức là dù hiện tại Việt Nam có thể không có ca bệnh cúm gia cầm và cúm ở người nào nhưng không có nghĩa là cả nước đã sạch vi-rút.

- **Các biện pháp hiệu quả nhất có thể không đem nhận được mức kinh phí cần có.** Các nguồn lực có thể bị chuyển sang cho các biện pháp ít hiệu quả hơn vì kiến thức hạn chế về cách ứng phó tốt nhất đối với bệnh cúm gia cầm. Ví dụ, yêu cầu kinh phí đối với các lĩnh vực tinh vi hiện đại, chẳng hạn như thiết bị thí nghiệm, có thể bớt đi nguồn kinh phí hạn hẹp cho các biện pháp hiệu quả hơn nhưng ít thấy kết quả rõ ràng hơn như hoạt động giám sát. Thêm vào đó, những vấn đề chưa chắc chắn như thời gian, quy mô và tác động của đại dịch có hàm ý là các quyết định phân bổ ngân sách có thể không đáp ứng thỏa đáng các sự việc xảy ra, dẫn đến nguy cơ. Nguy cơ này hiện đang được giảm thiểu bằng cách: (i) chủ động hạn chế cung cấp tài chính để mua thiết bị hiện đại đắt tiền, (ii) lập kế hoạch dự phòng cẩn thận, và (iii) tăng cường các hệ thống giám sát.
- **Năng lực hấp thu hạn chế có thể cho thấy là một số khoản đầu tư không được tận dụng đúng mức.** Các khoản đầu tư, đặc biệt là về trang thiết bị, có thể không được sử dụng đầy đủ vì không đủ nhân viên và kỹ năng nhân viên hạn chế, và các cơ sở không đủ diện tích. Thách thức này thể hiện tầm quan trọng của việc can thiệp: (i) xem xét và xác định ưu tiên các khoản đầu tư trên cơ sở đánh giá thực tế khả năng hút thu của các hệ thống, (ii) triển khai theo giai đoạn chuyên gia kỹ thuật và nghiên cứu có trong kế hoạch theo cách thức sao cho không lẫn lộn giữa nhân viên thú y và y tế, và (iii) cung cấp đào tạo, tập huấn và xây dựng năng lực.
- **Công tác ứng phó không chú ý đầy đủ tới các cơ chế thực hiện ở tỉnh, huyện và xã.** Thiếu nguồn nhân lực, thiếu kỹ năng, bệnh hình thức, và phân cấp làm làm cho việc thực hiện ở tỉnh, huyện và xã trở thành thách thức. Có các biện pháp kỹ thuật tốt để ứng phó dịch cúm gia cầm không chắc đem lại hiệu quả trừ phi giải đáp được những câu hỏi về vấn đề thực hiện cơ bản này. Theo mức độ nghiêm trọng của các chi phí về xã hội và kinh tế trong đại dịch cúm ở người thì các biện pháp đặc biệt là phù hợp để hỗ trợ các tỉnh huy động và tiếp cận được các nguồn tài chính và có thể gán trách nhiệm thực hiện chiến lược ứng phó của địa phương. Điều này có nghĩa là những thỏa thuận/cam kết với các cơ quan trung ương sẽ được thống nhất và thực hiện kịp thời để cho các ngành khác nhau ở cấp tỉnh có thể hợp tác với nhau và mỗi tỉnh có thể thực hiện trách nhiệm riêng của mình. Tất cả kinh phí, kể cả ngân sách trung ương cấp, cần được tính toán đầy đủ và minh bạch qua báo cáo thực hiện

thường xuyên được công bố. Quản lý tốt và có trách nhiệm với cộng đồng là rất thiết yếu để bảo vệ khả năng tiếp cận dịch vụ của người nghèo và các đối tượng chính sách khác. Quy trình thực hiện sẽ đề cập thoả đáng đến mối liên hệ giữa hoạch định chính sách trung ương (nguyên tắc ‘hệ thống điều hành trực tiếp’) và việc thực hiện cấp địa phương.

- **Đại dịch cúm xảy ra từ bên ngoài Việt Nam.** Mặc dù công tác ứng phó của Việt Nam có thể thành công trong việc ngăn chặn được các ca bệnh ở người và do đó giảm thiểu được nguy cơ xảy ra dịch cúm ở người ở Việt Nam thì vi-rút vẫn có thể xâm nhập từ nước láng giềng hay từ nơi xa hơn nữa. Rủi ro này cho thấy sự cần thiết phải chú trọng các vấn đề kiểm soát biên giới và tăng cường hợp tác giữa các nước trong khu vực và trên phạm vi quốc tế.
- **Có thể không duy trì lâu dài được một số hoạt động nhất định trừ khi giải quyết được vấn đề tài chính dài hạn.** Các kỹ thuật hiện đại chẩn đoán bệnh cúm trong phòng thí nghiệm rất tốn kém, khiến mỗi bệnh nhân phải thanh toán chừng 20-50 đô la Mỹ. Những chi phí này hiện được chi trả bằng vốn ODA. Cần có kế hoạch tiếp tục cung cấp tài chính, gồm cả các chi phí định kỳ.
- **Có thể xảy ra các yếu tố xã hội và môi trường bên ngoài** nếu quá trình lập kế hoạch và các quy phạm pháp luật không theo kịp sự phát triển kinh tế trong khu vực chăn nuôi. Sách Xanh có cả các đề xuất đánh giá tác động, thí điểm và rà soát các quy định.

F. DỰ TOÁN KINH PHÍ

125. Trong Đoàn công tác đánh giá chung, ước tính tổng chi phí trong Sách Xanh vào khoảng 250 triệu đô la Mỹ cho thời gian 2006-2010 (xem Bảng 1). Khoản này gồm 13,5 triệu để dự phòng về giá cả (giả thiết trung bình trượt giá trên thị trường quốc tế là 2% và trượt giá trong nước 6% trong thời gian thực hiện chương trình) và 27 triệu dự phòng về cơ sở vật chất với 75% dự phòng về tiêm phòng gia cầm và đền bù cho người chăn nuôi tương ứng 13,5 triệu và 9,4 triệu. Tiêm phòng vắc xin sẽ dựa trên cơ sở nguy cơ nhiễm bệnh và không thể ước tính chính xác được số lượng liều vắc xin cần dùng. Tương tự, tùy thuộc vào hiệu quả của chiến dịch tiêm phòng vắc xin có mục tiêu và thực hiện các biện pháp khống chế khác nên số lượng gia cầm giết huỷ sẽ khác nhau và không thể ước tính chính xác được tổng cộng khoản đền bù cho người chăn nuôi.

Bảng 1 – Dự toán kinh phí theo hợp phần

	Nước ngoài	Trong nước	Tổng cộng
I. Tăng cường các hoạt động điều phối			
I. A. Chuẩn bị ứng phó cấp quốc gia	318.0	272.0	590.0
I. B. Xây dựng chính sách và chiến lược	6.0	128.0	134.0
I. C. Điều phối chương trình	2,532.6	2,873.4	5,406.0
I. D. Nâng cao nhận thức cộng đồng, và thông tin, giáo dục và tuyên truyền	4.0	4,196.0	4,200.0
I. E. Giám sát và đánh giá chương trình	600.0	1,200.0	1,800.0
I. F. Hỗ trợ các hoạt động khu vực và các cơ quan quốc tế	15,512.0	1,970.0	17,482.0
Cộng	18,972.6	10,639.4	29,612.0
II. Khống chế và thanh toán bệnh cúm gà độc lực cao trong ngành nông nghiệp			
II. A. Tăng cường năng lực Ngành Thú y (xây dựng năng lực)	7,382.5	8,380.5	15,763.0
II. B. Khống chế dịch bệnh	20,885.4	34,274.8	55,160.3
II. C. Giám sát và Điều tra dịch tễ	1,124.8	3,319.0	4,443.8
II. D. Quy hoạch lại ngành chăn nuôi gia cầm ⁽¹⁾	783.0	7,587.0	8,370.0
Cộng	30,175.8	53,561.3	83,737.1
III. Phòng chống bệnh cúm và chuẩn bị ứng phó đại dịch cúm trong Ngành Y tế			
III. A. Tăng cường giám sát và ứng phó	15,158.0	22,767.0	37,925.0
III. B. Tăng cường năng lực chẩn đoán	11,286.0	3,156.0	14,442.0
III. C. Tăng cường hệ thống điều trị	22,330.5	11,922.5	34,253.0
III. D. Cải tiến công tác nghiên cứu	6,400.0	3,210.0	9,610.0
Cộng	55,174.5	41,055.50	96,230.00
Chi phí cơ bản	104,322.9	105,256.2	209,579.1
Chi phí dự phòng cơ sở vật chất	15,399.1	11,590.2	26,989.4
Chi phí dự phòng về giá (dự trừ lạm phát)	2,648.4	10,828.3	13,476.7
Tổng chi phí Kế hoạch cơ bản (bao gồm cả kinh phí dự phòng)	122,370.4	127,674.7	250,045.2

49% 51% 100%

126. Bảng tổng hợp kinh phí theo hợp phần cho thấy tổng kinh phí ước tính để tăng cường thực hiện các biện pháp điều phối là 31,2 triệu đô la Mỹ (12% kinh phí Phần I của Kế hoạch phối hợp hành động quốc gia), 116,4 triệu đô la Mỹ cho các hoạt động khống chế và thanh toán bệnh cúm gia cầm trong ngành Nông nghiệp do Bộ NN&PTNT thực hiện (47% kinh phí Phần II) và 102,4 triệu đô la Mỹ cho công tác phòng chống và chuẩn bị ứng phó đại dịch của ngành Y tế do Bộ Y tế thực hiện (41% kinh phí Phần III).

127. Khoản kinh phí này tương ứng với các yêu cầu về tài chính của Nhà nước và của ODA dành hỗ trợ cho Sách Xanh, và như thế không bao gồm phần đóng góp của khu vực tư nhân cho phần đầu tư Quy hoạch lại ngành Chăn nuôi gia cầm ước tính thêm khoảng 225 triệu đô la Mỹ theo “Chiến lược thương mại hoá” do Cục Chăn nuôi thuộc Bộ NN&PTNT đề xuất. Ngoài ra, Phụ lục 4 cũng nêu lên một số hoạt động liên quan đến công tác chuẩn bị ứng phó bệnh cúm

gia cầm của ngành Y tế, tổng cộng khoảng 222 triệu đô la Mỹ, nhưng được Bộ Y tế xếp thứ tự ưu tiên thứ hai.

Bảng 2 – Ước tính kinh phí theo hạng mục ngân sách

	Tăng cường các hoạt động điều phối	Khống chế và thanh toán bệnh Cúm gà độc lực cao trong Ngành Nông nghiệp	Phòng chống bệnh cúm và Chuẩn bị ứng phó đại dịch cúm trong Ngành Y tế	Tổng cộng	Tỷ lệ phần trăm
I. Chi phí đầu tư					
A. Xây dựng cơ bản	0.0	6,500.0	2,150.0	8,650.0	3%
B. Trang thiết bị và xe cộ	306.0	25,236.3	56,855.0	82,397.3	33%
C. Dịch vụ tư vấn					
1. Quốc tế	12,450.0	2,757.8	4,890.0	20,097.8	8%
2. Trong nước	1,794.0	653.3	2,047.0	4,494.3	2%
Cộng chi phí tư vấn	14,244.0	3,411.1	6,937.0	24,592.1	10%
D. Hội họp, tập huấn và đào tạo	4,952.0	14,699.7	13,148.0	32,799.7	13%
E. Nâng cao nhận thức cộng đồng, Thông tin, Giáo dục và truyền thông	4,210.0	0.0	120.0	4,330.0	2%
F. Chi phí đền bù	0.0	12,500.0	0.0	12,500.0	5%
G. Quản lý Chương trình, và Giám sát và Đánh giá	5,900.0	0.0	0.0	5,900.0	2%
Cộng chi phí đầu tư	29,612.0	62,347.1	79,210.0	171,169.1	68%
II. Chi phí định kỳ					
Chi phí hoạt động	0.0	21,390.0	17,020.0	38,410.0	15%
Chi phí kế hoạch cơ bản	29,612.0	83,737.1	96,230.0	209,579.1	84%
Chi phí dự phòng cơ sở vật chất	15.3	24,308.8	2,665.3	26,989.4	11%
Chi phí dự phòng về giá (dự trừ trượt giá)	1,591.5	8,373.3	3,511.9	13,476.7	5%
Tổng chi phí Kế hoạch (bao gồm cả chi phí dự phòng)	31,218.8	116,419.2	102,407.1	250,045.2	100%
Tỷ lệ phần trăm	12%	47%	41%	100.0%	

128. Bảng tổng hợp kinh phí ở Bảng 2 cho ta thấy những chi phí hoạt động khá cao (khoảng 15% tổng kinh phí) và kinh phí dự phòng (khoảng 16%). Các biện pháp khống chế bệnh cúm gia cầm bao gồm cả chiến lược tiêm phòng vắc xin, các biện pháp dập dịch và khử trùng, kiểm soát vận chuyển gia cầm và sản phẩm gia cầm, tăng cường giám sát dịch bệnh động vật và ở người là những hoạt động đòi hỏi nhiều sức lao động. Thêm vào đó, do không thể biết trước được sự phát triển bệnh cúm gia cầm và cúm ở người trong tương lai nên khó có dự đoán được phạm vi của một số hoạt động trong Sách Xanh, chẳng hạn như việc đền bù cho người chăn nuôi và tiêm phòng đàn gia cầm. Do đó, yêu cầu cần có trợ giúp của cộng đồng quốc tế cho những chi phí này; bởi những hoạt động này sẽ kéo dài trong vài năm và là nhân tố thành công của chiến lược tổng thể khống chế bệnh cúm gia cầm. Các mục kinh phí khác bao gồm hàng hoá mua sắm (khoảng 33%), dịch vụ tư vấn và đào tạo, tập huấn (khoảng 23%), xây dựng cơ bản (khoảng 3%), tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng, thông tin, giáo dục và truyền thông (khoảng 2%), quản lý chương trình và giám sát và đánh giá (M&E) (khoảng 2%).

PHỤ LỤC

- PHỤ LỤC 1. KHUNG KẾT QUẢ**
- PHỤ LỤC 2. MÔ TẢ CHI TIẾT – PHẦN II**
- PHỤ LỤC 3. MÔ TẢ CHI TIẾT – PHẦN III**
- PHỤ LỤC 4. BẢNG CHI PHÍ**

PHỤ LỤC 1 – KHUNG KẾT QUẢ VÀ GIÁM SÁT

Mục tiêu phát triển của Chương trình phối hợp hành động quốc gia	Chỉ số đầu ra	Sử dụng thông tin về đầu ra
Giảm rủi ro do bệnh cúm gia cầm gây ra đối với con người thông qua không chế mầm bệnh tại nguồn trong đàn gia cầm nuôi, phát hiện và ứng phó kịp thời với các ca bệnh ở người, đồng thời chuẩn bị về mặt y tế để ứng phó với khả năng xảy ra đại dịch ở người.	• Có các cơ chế hiệu quả để thực hiện, điều phối và cung cấp kinh phí cho Chương trình phối hợp hành động quốc gia • Tăng cường năng lực ngành Thú y để có thể không chế bệnh cúm gia cầm và những mối đe dọa về bệnh chung giữa người và động vật • Có phương pháp tiếp cận hiệu quả theo từng giai đoạn để không chế bệnh cúm gia cầm • Có kế hoạch hiệu quả về Quy hoạch lại ngành Thú y cho phép tăng cường không chế bệnh cúm gia cầm và giảm thiểu thiệt hại về đời sống của người chăn nuôi và ô nhiễm môi trường • Giảm tỷ lệ mắc bệnh cúm gia cầm và tỷ lệ chết do bệnh này • Giảm rủi ro xảy ra đại dịch cúm ở người • Chuẩn bị đầy đủ để ứng phó với đại dịch cúm tiềm ẩn	Hàng năm: • Rà soát kế hoạch hành động và điều chỉnh nếu cần thiết 2007: • Thẩm định hiệu quả của chiến lược Sách Xanh và xác định thay đổi cần thiết 2008: • Tiến hành đánh giá giữa kỳ Sách Xanh với trọng tâm là để rút kinh nghiệm và áp dụng những bài học đó vào trong các hệ thống Thú y và Y tế 2010: • Tiến hành đánh giá tác động của Sách Xanh

Phần I – Tăng cường các hoạt động phối hợp

Kết quả ngắn hạn	Chỉ số kết quả ngắn hạn	Sử dụng giám sát kết quả ngắn hạn
Tiểu hợp phần I.1 - Chuẩn bị ứng phó cấp quốc gia Tăng cường công tác lập kế hoạch chuẩn bị ứng phó khẩn cấp đại dịch cúm	- Kế hoạch hành động quốc gia 2007 được công bố vào tháng 12/2006 (và kế hoạch hành động năm 2008 được công bố vào tháng 12/2007, v.v...) - Vào tháng 1/2007, kho dự trữ quốc gia có 20 triệu viên Oseltamivir - Tám bệnh viện tham chiếu (bệnh viện trung ương) và 32 bệnh viện tỉnh xây dựng xong kế hoạch ứng phó dịch cúm gia cầm vào tháng 1/2007 - Bảy thành phố thực hiện xong diễn tập phòng chống đại dịch cúm gia cầm ở người vào tháng 1/2007 - Hai mươi thành phố khác thực hiện xong diễn tập phòng chống đại dịch cúm gia cầm ở người vào tháng 1/2008	2007: - Rà soát lại Kế hoạch hành động quốc gia đã công bố và thay đổi nếu cần thiết - Đánh giá hiệu quả của hệ thống dự trữ thuốc kháng vi-rút quốc gia và điều chỉnh nếu cần thiết - Đánh giá các kế hoạch ứng phó dịch cúm gia cầm của bệnh viện tỉnh và đề xuất cải tiến - Hoàn thành bảy đợt diễn tập phòng chống dịch 2008: - Công bố Kế hoạch hành động quốc gia - Đánh giá hiệu quả của các đợt diễn tập và chỉ ra những phần chưa đầy đủ và nhu cầu 2009-2010: - Đánh giá Kế hoạch hành động quốc gia và chỉ ra những phần chưa đầy đủ - Sử dụng kết quả diễn tập để xác định nhu cầu thông tin, đào tạo và trang thiết bị
Tiểu hợp phần I.2 – Xây dựng chính sách và chiến lược Rà soát và hiệu chỉnh các chính sách và chiến lược quốc gia để đảm bảo ứng phó lâu dài các trường hợp cúm ở động	- Hoàn thành các nghiên cứu trong lĩnh vực Nông nghiệp và Y tế để đưa ra hướng dẫn công tác xây dựng chính sách và chiến lược, bao gồm cả rà soát/điều chỉnh khung pháp luật và pháp quy - Hoàn thành nghiên cứu	2007: - Xác định những chỗ còn thiếu hụt và nhu cầu về hỗ trợ bổ sung và đào tạo - Sử dụng kiến nghị đề xuất để hướng dẫn công tác xây dựng chính sách và chiến lược ở cả hai ngành Thú y và Y tế

Kết quả ngắn hạn	Chỉ số kết quả ngắn hạn	Sử dụng giám sát kết quả ngắn hạn
vật theo phương án được điều phối	đánh giá tác động của việc phân cấp công tác thực hiện các hoạt động phòng chống dịch cúm gia cầm	2008: - Đánh giá hiệu quả thực hiện các chính sách quốc gia nhằm mục đích thiết lập được công tác ứng phó lâu dài đối với dịch cúm gia cầm 2010: - Rà soát kế hoạch và điều chỉnh nếu cần thiết
Tiểu hợp phần I.3 – Điều phối chương trình Xác định khung cơ chế điều phối quốc gia	- Sửa đổi Quyết định 13/2004/QĐ-TTg đã ban hành để mở rộng thành phần và quy mô Ban chỉ đạo quốc gia và các tiểu ban - Chính thức hoá các ban điều phối ở cấp tỉnh - Chính thức thành lập quan hệ đối tác giữa Chính phủ và các nhà tài trợ (“Quan hệ đối tác”) về dịch cúm gia cầm và cung cấp kinh phí - Thành lập các Nhóm công tác theo chủ đề: (i) nâng cao nhận thức cộng đồng và thay đổi hành vi, (ii) giám sát và đánh giá, và (iii) xây dựng năng lực	2007: - Đánh giá tính toàn diện và thực thi các quyết định và hướng dẫn chính thức, và đưa ra điều chỉnh thích hợp 2008: - Xem xét chức năng hoạt động của Ban Chỉ đạo và các tiểu ban và thực hiện thay đổi cần thiết - Xem xét chức năng hoạt động của Quan hệ đối tác và điều chỉnh cách làm việc 2010: - Đánh giá chức năng hoạt động của Ban và các tiểu ban, và thực hiện nếu cần thiết - Đánh giá chức năng hoạt động của Quan hệ đối tác
Tiểu hợp phần I.4 – Nâng cao nhận thức cộng đồng và thay đổi hành vi Nâng cao nhận thức cộng đồng để thúc đẩy thay đổi hành vi	- Nâng cao vai trò và thành phần của Nhóm công tác thông tin, truyền thông - Xây dựng Chiến dịch truyền thông “một chiến dịch - nhiều ngành tham gia”	2007: - Đánh giá chức năng hoạt động của Nhóm công tác thông tin truyền thông mở rộng 2008: - Đánh giá hiệu quả thực hiện chiến lược truyền

Kết quả ngắn hạn	Chỉ số kết quả ngắn hạn	Sử dụng giám sát kết quả ngắn hạn
		thông và điều chỉnh nếu cần thiết 2010: Xác định thay đổi cần thiết về chiến lược theo diễn biến tình hình
Tiểu hợp phần I.5 – Giám sát và đánh giá chương trình Xây dựng khung cơ chế giám sát và đánh giá trong Bộ NN&PTNT và Bộ Y tế	- Thực hiện và tổng hợp dữ liệu nghiên cứu cơ bản cho công tác giám sát và đánh giá Sách Xanh - Xây dựng và phân phát báo cáo hoạt động và báo cáo tài chính định kỳ của các hoạt động trong đó tóm tắt tiến trình thực hiện Sách Xanh - Xác định và thống nhất phương pháp giám sát và đánh giá	từ năm 2007 trở đi: - Xem xét chất lượng báo cáo hoạt động và báo cáo tài chính định kỳ 2008: - Đánh giá tài liệu giám sát và đánh giá và điều chỉnh giữa kỳ của Sách Xanh 2009-2010: - Sử dụng báo cáo hoạt động/báo cáo tài chính định kỳ, báo cáo kiểm toán và số liệu đánh giá và giám sát để (chuẩn bị) đánh giá cuối cùng Sách Xanh
Tiểu hợp phần I.6 - Hỗ trợ các hoạt động trong khu vực Xác định các hoạt động điều phối khu vực	- Tăng cường cơ chế hợp tác với ASEAN và APEC - Thực hiện xong các sắp xếp để Việt Nam tham gia Chương trình giám sát toàn cầu về dịch cúm của WHO	2007/2008: Đánh giá tác động của việc Việt Nam tham gia các hội nghị của ASEAN và APEC, và Chương trình giám sát toàn cầu của WHO

Phần II – Khống chế và thanh toán bệnh cúm gia cầm độc lực cao ở ngành Nông nghiệp

Kết quả ngắn hạn	Chỉ số đánh giá kết quả ngắn hạn	Sử dụng giám sát kết quả ngắn hạn
Tiểu hợp phần II.1 - Chiến lược khống chế và thanh toán Xây dựng chiến lược khống chế và thanh toán quốc gia để khống chế và thanh toán bệnh Cúm gia cầm độc lực cao	• Xây dựng giai đoạn khống chế được xác định thích hợp, tổ chức bố trí và đi vào thực hiện • Xác định giai đoạn củng cố được xác lập thích hợp và tiến hành thực hiện	2007: Xác định những cải tiến về an toàn sinh học trong chăn nuôi gia cầm và thay đổi tập quán tiêu thụ sản phẩm, và xác định thay đổi cần thiết. 2008-2010: Đánh giá hiệu quả quy hoạch lại ngành chăn và đưa ra những thay đổi cần thiết
Tiểu hợp phần II.2 – Tăng cường năng lực ngành Thú y Tăng cường năng lực ngành Thú y, và xây dựng chương trình và thực hiện đào tạo cho ngành Thú y	• Thời gian xét nghiệm phát hiện vi-rút dưới 72 giờ kể từ khi nhận mẫu • Cơ quan quản lý cấp cáo hoàn toàn tin tưởng vào kết quả xét nghiệm của các phòng thí được hỗ trợ trong khuôn khổ Sách Xanh • Cán bộ dịch tễ đánh giá chiến lược khống chế dịch bệnh trên cơ sở điều tra dịch tễ đúng đắn • Thông tin kịp thời về số liệu và thông tin có chất lượng giữa cơ sở, phòng thí nghiệm và trụ sở chính qua trang tin điện tử	Hàng năm trong giai đoạn 2007 - 2010: • Xem xét sự phù hợp của các quy trình phát hiện vi-rút • Đánh giá công tác thực hiện của các phòng thí nghiệm • Giám sát sự sử dụng các hệ thống trang web điện tử ngày càng gia tăng có kết nối với các cấp quản lý hành chính thấp hơn (ví dụ như là cấp huyện) • Đánh giá việc đưa thông tin thích hợp thu thập được ở từ quốc tế và khu vực vào trong chiến lược khống chế bệnh cúm gia cầm
Tiểu hợp phần II.3 -	• 80% các ổ dịch được	Hàng năm

Kết quả ngắn hạn	Chỉ số đánh giá kết quả ngắn hạn	Sử dụng giám sát kết quả ngắn hạn
<i>Khống chế dịch bệnh</i> Nâng cao khả năng điều tra ca bệnh và ứng phó nhanh ổ dịch	hạn chế trong khu vực khống chế nơi có các ổ dịch ban đầu - Chi phí tổng thể do dịch bệnh gây ra và cho công tác khống chế dịch ngày càng giảm xuống - Chiến lược tiêm phòng vắc xin dựa trên đánh giá rủi ro - Các loại vắc xin thích hợp nhất được sử dụng dưới hiện trường dựa theo kết quả nghiên cứu 95% số gia cầm ở các chợ đô thị và lò mổ có giấy chứng nhận kiểm dịch - Tăng số lượng vận chuyển bất hợp pháp bị ngăn chặn - Hỗ trợ ngành Chăn nuôi xem xét xây dựng khu an toàn dịch	- Đánh giá các biện pháp khống chế dịch - Đánh giá chi phí khống chế dịch bệnh - Đánh giá toàn diện chiến lược tiêm phòng vắc xin - được thông tin từ kết quả nghiên cứu - Xu hướng tăng số giấy chứng nhận kiểm dịch hợp lệ ở chợ đô thị và lò mổ - Đánh giá tiến triển của ngành Chăn nuôi gia cầm/khu vực chăn nuôi gia cầm an toàn dịch bệnh được cấp giấy chứng nhận - Xây dựng thị trường xuất khẩu
Tiểu hợp phần II.4 – Giám sát và điều tra dịch tễ Thực hiện giám sát hiệu quả với trọng tâm là các chợ và lò mổ nhằm nâng cao kiến thức về sự lưu hành của vi-rút và tỷ lệ tiêm phòng vắc xin	- Giám sát có mục tiêu được điều chỉnh theo chiến dịch khống chế dịch bệnh - Thiết lập được bản đồ và đưa ra sử dụng làm công cụ đánh giá nguy cơ	Từ năm 2007: - Có kiến thức tốt hơn về sự lưu hành vi-rút và tỷ lệ tiêm phòng vắc xin 2008: - Lập bản đồ chim hoang dã và chim di cư giúp hỗ trợ đánh giá nguy cơ bệnh cúm gia cầm tiếp tục xâm nhập vào các loài gia cầm 2010: - Duy trì được tình trạng

Kết quả ngắn hạn	Chỉ số đánh giá kết quả ngắn hạn	Sử dụng giám sát kết quả ngắn hạn
		sạch bệnh
Tiểu hợp phần II.5 – Quy hoạch lại ngành Chăn nuôi gia cầm Xác định được vấn đề quy hoạch lại ngành Chăn nuôi gia cầm liên quan đến công tác khống chế dịch cúm gia cầm độc lực cao.	7 báo cáo nghiên cứu, 6-10 đánh giá hoạt động thí điểm 30 lớp tập huấn/tham quan học tập 50% số người chăn nuôi chuyển đổi ngành nghề tham dự tập huấn tìm được việc làm thích hợp trong vòng 6 tháng - Cán bộ, nhân viên Cục Chăn nuôi có nhiều kỹ năng hơn về quản lý và chăn nuôi gia cầm - Tăng đầu tư của khu vực tư nhân trong chăn nuôi và tiêu thụ gia cầm	2007/hàng năm: - Đánh giá chất lượng báo cáo/đánh giá/các ôp tập huấn và tham quan học tập 2008: - Đánh giá các lớp tập huấn cho người chăn nuôi liên quan đến cơ hội tìm được việc làm mới - Đánh giá việc tập huấn kỹ năng của nhân viên, cán bộ Cục Chăn nuôi 2010: - Đánh giá tiến trình quy hoạch lại ngành Chăn nuôi để xem xét tính cạnh tranh/định hướng theo nhu cầu - Xem xét đầu tư của khu vực tư nhân trong ngành Chăn nuôi trong giai đoạn 5 năm
Tiểu hợp phần II.6 – Nâng cao nhận thức cộng đồng và thay đổi hành vi Người dân chấp nhận nâng cao kiến thức, và có thái độ và tập quán tích cực để bảo vệ động vật tránh sự lây nhiễm bệnh cúm gia cầm	50% đối tượng được tuyên truyền có thể nêu được ít nhất là 80% các biện pháp phòng bệnh đã được đề xuất 50% số đối tượng được tuyên truyền nói rằng có thể ngăn ngừa được sự lây nhiễm bệnh cúm gia cầm từ động vật sang động vật 50% số đối tượng được tuyên truyền thực hành ít nhất 60% các biện pháp phòng bệnh đã	2007 và hàng năm: - Đánh giá nhận thức cộng đồng /thay đổi hành vi 2008-2010: - Nếu không có sự thay đổi về hành vi nào có nghĩa cần phải xem xét lại chiến lược tuyên truyền.

Kết quả ngắn hạn	Chỉ số đánh giá kết quả ngắn hạn	Sử dụng giám sát kết quả ngắn hạn
	được đề xuất	

Phần III – Phòng ngừa dịch cúm và chuẩn bị ứng phó với đại dịch trong ngành Y tế

Kết quả ngắn hạn	Chỉ số xác định kết quả ngắn hạn	Sử dụng giám sát kết quả ngắn hạn
Tiểu hợp phần III.1 - Tăng cường giám sát và ứng phó dịch Tăng cường công tác giám sát các mối đe dọa về bệnh truyền nhiễm, bao gồm cả hệ thống cảnh báo và ứng phó sớm (EWARS), các đội ứng phó nhanh và tăng cường không chế các mối đe dọa về bệnh truyền nhiễm tại cửa khẩu quốc tế	- Thực hiện phân tích có hệ thống và theo chiều sâu về hệ thống giám sát bệnh truyền nhiễm - Có hệ thống giám sát có khả năng xác định cụm ổ bệnh truyền nhiễm cấp tính hệ hô hấp (SARI) - Xây dựng được Chương trình tập huấn dịch tễ cơ sở - Phân tích toàn diện và báo cáo cuối cùng với các kiến nghị đề xuất cụ thể được trình lên Bộ Y tế vào cuối năm 2006 - Các cơ quan y tế dự phòng cấp tỉnh và huyện được cấp máy vi tính, chương trình phần mềm và được tập huấn sử dụng vào cuối năm 2006 - Các nhóm ứng phó nhanh được chỉ định sẽ hoàn thành 40 giờ tập huấn vào cuối năm 2006 - Điều phối viên quốc gia chương trình tập huấn dịch tễ cơ sở và các cơ quan y tế dự phòng sẽ được thành lập và chương trình tập huấn được biên soạn xong vào cuối năm 2006 - Cán bộ tập huấn, giám sát và lớp tập huấn về chương trình dịch tễ cơ sở đầu tiên sẵn sàng vào	2007: - Đánh giá việc tuân thủ kiến nghị đề xuất của phân tích về hệ thống giám sát dịch bệnh - Đánh giá hiệu quả chương trình tập huấn dịch tễ cơ sở và tìm ra những chỗ chưa đạt và nhu cầu bổ sung hỗ trợ - Đánh giá quy trình cho các đội ứng phó nhanh và thực hiện thay đổi cần thiết 2008-2010: - Đánh giá hiệu quả chương trình tập huấn dịch tễ cơ sở và tìm ra những chỗ chưa đạt và nhu cầu bổ sung hỗ trợ - Xác định những chỗ chưa đạt và nhu cầu bổ sung hỗ trợ. Xác định sự cần thiết về thay đổi kế hoạch

Kết quả ngắn hạn	Chỉ số xác định kết quả ngắn hạn	Sử dụng giám sát kết quả ngắn hạn
	cuối năm 2007	
Tiểu hợp phần III.2 – Tăng cường năng lực chẩn đoán Tăng cường năng lực phòng thí nghiệm để phát hiện và giám sát dịch cúm gia cầm độc lực cao và các loại vi-rút cúm khác	• Có cơ chế tăng cường việc lấy mẫu, năng lực chẩn đoán, phân lập vi-rút và nhanh chóng chia sẻ thông tin giữa nhân viên y tế và thú y • Nâng cấp cơ sở thí nghiệm vùng, tỉnh và cơ sở di động	2007: Xác định những chỗ chưa được và nhu cầu bổ sung hỗ trợ 2008-2010: Đánh giá hiệu quả tăng cường năng lực phòng thí nghiệm và tiếp tục các thay đổi cần thiết
Hợp phần III.3 – Tăng cường năng lực điều trị Tăng cường hệ thống điều trị để chẩn đoán và quản lý bệnh nhân cúm, kể cả trong thời gian xảy ra đại dịch cúm.	• 100% bệnh viện huyện, tỉnh và trung ương có kế hoạch chuẩn bị ứng phó dịch cúm và kế hoạch kiểm soát lây nhiễm vào cuối năm 2007 • Hơn 80% số y tá và bác sỹ được tập huấn về nhận biết và quản lý ca bệnh cúm, và kiểm soát lây nhiễm vào cuối năm 2010 • Hơn 80% số bệnh viện trung ương và bệnh viện tỉnh lắp đặt và sử dụng các thiết bị, dụng cụ theo kế hoạch mua sắm trong Sách Xanh vào cuối năm 2010 • Hoàn thành công tác đào tạo, tập huấn cần thiết cho cán bộ, nhân viên về sử dụng thiết bị mới và đánh giá năng lực chuyên môn của cán bộ nhân viên vào cuối năm 2010	2007-2010: • Không xây dựng được kế hoạch thể hiện sự cần thiết phải hỗ trợ nhiều hơn cho các nhà quản lý bệnh viện. • Xác định những chỗ thiếu hụt về đào tạo, tập huấn và kỹ năng cán bộ. • Xác minh khả năng cung cấp và chức năng hoạt động của thiết bị mới. • Xác định những chỗ còn thiếu trong công tác tập huấn cán bộ về sử dụng thiết bị mới và thực hiện điều chỉnh.
Tiểu hợp phần III.4 – Cải tiến công tác nghiên cứu.	• Hoàn thành 2 nghiên cứu vào cuối năm 2007 và 5 nghiên cứu vào cuối năm 2010	2007-2010: • Không đạt được mục tiêu cho thấy sự cần thiết phải đánh giá lại

Kết quả ngắn hạn	Chỉ số xác định kết quả ngắn hạn	Sử dụng giám sát kết quả ngắn hạn
Nâng cao hiểu biết khoa học và y tế về các vấn đề đã chọn liên quan đến lây nhiễm cúm gia cầm độc lực cao ở người.		năng lực nghiên cứu với khả năng phân bổ lại đầu tư để ưu tiên lĩnh vực này
Tiểu hợp phần III.5 – <i>Nâng cao nhận thức cộng đồng và thay đổi hành vi</i> Nâng cao kiến thức, thái độ và tập quán tích cực của người dân để bảo vệ con người tránh bị lây nhiễm bệnh cúm gia cầm	• 50% đối tượng tuyên truyền có thể nêu được ít nhất là 80% các biện pháp phòng bệnh đã được đề xuất • 50% số đối tượng tuyên truyền nói rằng có thể ngăn ngừa được sự lây nhiễm bệnh cúm gia cầm từ người sang người • 50% số đối tượng tuyên truyền thực hành ít nhất 60% các biện pháp phòng bệnh đã được đề xuất • 50% đối tượng tuyên truyền có thể nêu được ít nhất là 80% các biện pháp phòng bệnh đã được đề xuất • 50% đối tượng tuyên truyền chuẩn bị để thực hiện các biện pháp phòng ngừa lây nhiễm • 50% đối tượng tuyên truyền thực hành ít nhất 60% các biện pháp phòng bệnh được đề xuất	2007 và hàng năm: • Đánh giá nhận thức cộng đồng /Thay đổi hành vi 2008-2010: • Không có sự thay đổi hành vi nào cho thấy là cần xem xét lại chiến dịch truyền thông.

PHỤ LỤC 2 – MÔ TẢ CHI TIẾT PHẦN II

KHỐNG CHẾ VÀ THANH TOÁN BỆNH CÚM GIA CẦM ĐỘC LỰC CAO TRONG NGÀNH NÔNG NGHIỆP

Những hoạt động được cấp kinh phí trong Phần II của Sách Xanh bao gồm: (a) Tăng cường năng lực ngành Thú y; (b) Khống chế dịch bệnh; (c) Giám sát và điều tra dịch tễ; (d) Quy hoạch lại ngành Chăn nuôi gia cầm; và (e) Nâng cao nhận thức cộng đồng và thay đổi hành vi.

A. Tăng cường năng lực ngành Thú y

Năng lực ngành Thú y vẫn là cản trở chính đối với công tác khống chế dịch bệnh trừ phi tiếp tục có thêm đầu tư thích đáng vào cơ sở vật chất, nhân lực và đào tạo. Những hoạt động dưới đây, đặc biệt là nâng cao năng lực và khả năng của mạng lưới phòng thí nghiệm thú y để tăng tốc độ và độ chính xác của công tác xét nghiệm và tăng số xét nghiệm chẩn đoán thực hiện được sẽ giúp khắc phục vấn đề khó khăn này.

- A.1. Đánh giá năng lực phòng thí nghiệm hiện tại và tư vấn về việc di chuyển và xây dựng phòng thí nghiệm mới.
- A.2. Hai phòng thí nghiệm được di chuyển hoặc là cơ sở thí nghiệm mới được xây dựng ở địa điểm khác (Viện Thú y và Trung tâm Chẩn đoán Thú y Trung ương) bao gồm một phòng thí nghiệm an toàn sinh học cấp 3. Nhà nước cấp phương tiện mới để xét nghiệm huyết thanh học (6 tỉnh). Điều quan trọng là những cơ sở này được đưa vào trong hệ thống quản lý chất lượng và có năng lực thực hiện xét nghiệm kháng nguyên nhanh.
- A.3. Cấp thiết bị bổ sung để các phòng thí nghiệm có thể thực hiện các xét nghiệm thích hợp, bao gồm cả PCR (9 phòng thí nghiệm), giải mã gen (1 phòng thí nghiệm), phân lập vi-rút (3 phòng thí nghiệm), huyết thanh học (tất cả các phòng thí nghiệm).
- A.4. Tập huấn cho nhân viên phòng thí nghiệm về kỹ thuật xét nghiệm, bao gồm giải mã gen và đưa ra các kết quả xét nghiệm tin cậy trong các điều kiện an toàn sinh học.

- A.5. Xây dựng chương trình đảm bảo chất lượng liên phòng thí nghiệm nhằm đảm bảo độ thống nhất và chính xác của kết quả xét nghiệm.
- A.6. Cung cấp phương tiện vận chuyển mẫu.
- A.7. Nâng cao **chuyên môn nghiệp vụ về dịch tễ** cho phép thực hiện giám sát, theo dõi và điều tra dịch tễ để nâng cao hiệu quả các biện pháp can thiệp về khống chế dịch bệnh. Có thể đạt được điều này thông qua: (a) Đào tạo sau đại học ở trong nước; (b) Đào tạo sau đại học ở nước ngoài; và (c) tuyển dụng thêm 25 nhân viên kỹ thuật cho mạng lưới phòng thí nghiệm vùng.
- A.8. Triển khai **nâng cao** hệ thống **báo cáo dịch bệnh và phân tích số liệu**. Nâng cao kiến thức về tình hình trạng dịch bệnh và dịch tễ học ở tất cả các cấp của ngành Thú y, đạt được qua: (a) tiếp tục hoàn thiện chương trình TADinfo, mạng Labnet và các cơ sở dữ liệu; (b) tập huấn cán bộ thú y cấp trung ương về áp dụng cơ sở dữ liệu; (c) Cán bộ quản lý dữ liệu; và (d) tập huấn nhân viên thú y cấp vùng và tỉnh về quản lý cơ sở dữ liệu.
- A.9. Tăng cường **năng lực quản lý** trong Cục Thú y thông qua: (a) Điều phối các hoạt động cấp khu vực; (b) Tham dự hội nghị khu vực và quốc tế; (c) Tham quan học tập và triển khai chuyên gia kỹ thuật quốc tế để hỗ trợ công tác xây dựng thể chế; và (d) Tham dự hội nghị về cúm gia cầm trong khu vực.

B. Khống chế dịch bệnh

Sẽ khống chế được dịch bệnh thông qua việc thực hiện kết hợp nhiều biện pháp, bao gồm xác định và ứng phó nhanh các ổ dịch, tiêm phòng theo nguy cơ, tăng cường quản lý và kiểm soát vận chuyển gia cầm, và xây dựng các khu an toàn dịch bệnh. Sẽ tiến hành điều tra về vắc xin thay thế, chất lượng vắc xin và các chiến lược tiêm phòng vắc xin để hỗ trợ chương trình tiêm phòng. Các biện pháp này sẽ được thực hiện và mở rộng qua những chương trình sau đây.

<1> Điều tra dịch bệnh

Nâng cao khả năng điều tra ca bệnh được báo cáo để xác định dịch nhanh chóng và hiệu quả

- B.1. Thiết lập và duy trì lực lượng nhân viên đủ cho công tác quản lý và hoạt động các trung tâm ứng phó dịch khẩn cấp.

- B.2. Hỗ trợ “thứ y cơ sở” là tuyến đầu thực hiện điều tra và báo cáo ổ dịch, đặc biệt là tập huấn nhận biết dịch bệnh, an toàn sinh học cơ bản và quy trình báo cáo.
- B.3. Thành lập và tập huấn các đội điều tra dịch cấp vùng/tỉnh và cung cấp kinh phí hoạt động cho những đội đó.
- B.4. Chi phí thu thập và xét nghiệm mẫu trong phòng thí nghiệm.
- B.5. Nghiên cứu điều tra về giải mã gen và sản xuất thuốc thử sinh học.
- B.6. Điều tra sự tương tác của dịch bệnh gia cầm với các ca bệnh ở người.

<2> Khống chế dịch

Ứng phó nhanh dịch để hạn chế lây nhiễm từ các ổ dịch mới.

- B.7. Giết huỷ gia cầm mắc bệnh, thực hiện kiểm soát vận chuyển, điều tra và truy nguyên. Chi phí cần có bao gồm các khoản giết, tiêu huỷ, khử trùng và tiêu độc.
- B.8. Đền bù cho người chăn nuôi, với chính sách sẽ được sửa đổi trong năm 2007 và thành lập quỹ dự phòng.
- B.9. Tập huấn nhân viên dưới cơ sở về quy trình giết huỷ gia cầm.
- B.10. Hướng dẫn kỹ thuật về tiêu huỷ gia cầm không gây ảnh hưởng tới môi trường.

<3> Tiêm phòng vắc xin

Từng bước tiến tới tiêm phòng vắc xin có mục tiêu, trên cơ sở nguy cơ nhiễm bệnh theo sự khác biệt các vùng địa lý và khu vực sản xuất có nguy cơ khác nhau sẽ giảm được chi phí khống chế dịch.

- B.11. Thực hiện tiêm phòng vắc xin có mục tiêu. Trong các loại hình chăn nuôi 1 và 2, người chăn nuôi trả tiền vắc xin và tiền công tiêm phòng. Trong loại hình chăn nuôi gia cầm số 3, việc tiêm phòng sẽ được tiếp tục ở những khu vực địa lý hoặc chợ được xác định là có nguy cơ nhiễm bệnh cao hoặc vừa phải. Vịt chạy đồng cũng tiếp tục được tiêm vắc xin cho tới khi không còn vi-rút cúm gia cầm H5N1 lưu hành trong gia cầm hoặc thủy cầm hoang dã. Tiêm phòng vắc xin cho gia cầm nuôi theo loại hình 4 (nuôi thả vườn) sẽ tiếp tục ở những vùng có nguy cơ cao hoặc vừa phải cho tới cuối năm 2006; khi đó sẽ xem xét lại việc tiêm phòng vắc xin cho gia cầm nuôi theo khu vực này. Trong trường hợp xảy ra dịch, sẽ

tiến hành tiêm phòng vành đai xung quanh ổ dịch để giảm thiểu sự lây lan dịch ra vùng phụ cận.

- B.12. Cung cấp thiết bị tiêm phòng.
- B.13. Thực hiện tập huấn liên tục cho nhân viên tiêm phòng.
- B.14. Tăng cường thêm thiết bị bảo quản lạnh vắc xin.
- B.15. Phát triển vắc xin Việt Nam, bao gồm: (a) nghiên cứu cải tiến vắc xin và phương pháp sử dụng vắc xin làm tăng mức độ bảo vệ đàn; (b) Nghiên cứu để giải quyết những vấn đề chưa được giải đáp về tiêm phòng vắc xin (chẳng hạn như so sánh vắc xin chết H5 từ các nguồn cung cấp khác nhau, so sánh việc tiêm phòng vắc xin vịt con 1 ngày tuổi và 14 ngày tuổi, nghiên cứu kỹ tiêm phòng ngan, nghiên cứu tỉ mỉ việc sử dụng vắc xin tái tổ hợp, thử nghiệm tiêm phòng vắc xin tái tổ hợp đậu gà cho gà con 1 ngày tuổi); (c) Nghiên cứu chi phí và lợi nhuận của việc sản xuất vắc xin trong nước; (d) Cải tạo các cơ sở sản xuất vắc xin trong nước; và (e) Thực hiện kiểm soát chất lượng vắc xin bằng cách kiểm nghiệm vắc xin sản xuất trong nước và vắc xin nhập khẩu.

<4> Kiểm dịch và Kiểm soát vận chuyển

Kiểm soát vận chuyển gia cầm và chất thải nhiễm mầm bệnh từ nơi có dịch sẽ hạn chế được tác hại của dịch gây ra. Kiểm tra vận chuyển gia cầm vào chợ và lò mổ hạn chế được sự lây lan của vi-rút. Tăng cường kiểm soát dọc biên giới quốc tế sẽ làm giảm nguy cơ vi-rút cúm gia cầm độc lực cao xâm nhập vào Việt Nam.

- B.16. Các khu vực có dịch sẽ được kiểm dịch cho tới khi cơ quan Thú y cho nuôi gia cầm trở lại. Sẽ áp dụng các biện pháp hạn chế vận chuyển xung quanh ổ dịch và đối với gia cầm của trại chăn nuôi thương phẩm đưa đi tiêu thụ ở chợ hoặc đưa vào lò mổ. Có thể sẽ cần có kinh phí để giết hủy nhân đạo (giết hủy gia cầm ở những nơi người chăn nuôi không thể tiếp tục nuôi) và đền bù cho người chăn nuôi.
- B.17. Tập huấn nhân viên cơ sở về kiểm dịch và kiểm soát vận chuyển.
- B.18. Trang bị cho nhân viên làm công tác kiểm dịch và kiểm soát vận chuyển.

<5> Kiểm soát vận chuyển gia cầm của khẩu quốc tế và Quản lý rủi ro

- B.19. Tập huấn nhân viên làm công tác kiểm dịch cửa khẩu.
- B.20. Cung cấp dụng cụ bảo hộ
- B.21. Thu hồi sản phẩm nhập lậu (Cục Thú y)

- B.22. Tiêu hủy sản phẩm nhập khẩu trái phép (Cục Quản lý Thị trường)
- B.23. Đánh giá rủi ro của ngành Chăn nuôi gia cầm và đàm phán biên bản ghi nhớ với các cơ quan đối tác của các nước láng giềng.
- B.24. Thực hiện các biện pháp giảm thiểu rủi ro
- B.25. Nghiên cứu **các cơ chế hình thành khu vực an toàn dịch** như một cách tăng các cơ sở chăn nuôi gia cầm sạch bệnh được cấp giấy chứng nhận, và cuối cùng là góp phần phát triển thị trường xuất khẩu, bao gồm: (a) xác định quy trình thẩm định khu vực an toàn dịch; và (b) hỗ trợ ngành Chăn nuôi gia cầm nâng cao an toàn sinh học, các hệ thống giám sát và kiểm tra đối với khu vực an toàn dịch.

C. Giám sát và điều tra dịch tễ

Cần có các chương trình giám sát thực hiện hiệu quả và điều tra dịch tễ để đánh giá hiệu quả các chương trình không chế và cung cấp thông tin cần thiết nhằm điều chỉnh các phương pháp không chế. Các nghiên cứu cụ thể sẽ đánh giá chi phí và lợi ích về mặt xã hội và kinh tế của vịt chạy đồng và cách thức đảm bảo tiêu thụ được gà ta mà không làm lây lan bệnh cúm gia cầm độc lực cao.

Các hoạt động cụ thể sẽ tập trung vào công tác giám sát có hiệu quả. Sẽ tập trung giám sát chợ và lò mổ để nâng cao hiểu biết về sự lưu hành vi-rút và tỷ lệ tiêu phòng theo cách thức tiết kiệm chi phí. Đồng thời, các trang trại chăn nuôi theo loại hình 1 và 2 sẽ đảm bảo tình trạng sạch bệnh.

- C.1. Tiến hành lấy mẫu vi-rút ở chợ gia cầm để phát hiện vi-rút cúm A
- C.2. Lấy mẫu máu để giám sát sau tiêm phòng vắc xin (lấy ở đàn gia cầm và ở chợ), kể cả chi phí xét nghiệm trực tiếp.
- C.3. Nghiên cứu ứng dụng thú y, bao gồm: (a) Mô tả nguy cơ các chợ khác nhau và giám sát công tác lấy mẫu và xét nghiệm kiểm tra vi-rút và phát hiện kháng thể; (b) Lập bản đồ phân bố về mặt không gian và thời gian hoạt động của chim hoang dã và chim di cư để hỗ trợ đánh giá rủi ro lây lan dịch cúm gia cầm trong nước và từ bên ngoài và tiến hành nghiên cứu với sự phối hợp với các chuyên gia sinh thái học về chim hoang; (c) Nghiên cứu về dịch tễ các loại hình chăn nuôi 3 và 4 và trên có sở thị trường kết hợp với các chương trình đào tạo sau đại học (d) Nghiên cứu về vịt chạy đồng và gà ta, đặc biệt tiến hành nghiên cứu đánh giá chi phí và lợi ích về môi trường, xã hội và sinh thái của vịt nuôi chạy đồng

nhằm xác định cách thức đảm bảo sao cho gà ta nuôi theo loại hình 3 không làm lây lan bệnh Cúm gia cầm độc lực cao.

D. Quy hoạch lại Ngành Chăn nuôi gia cầm

Các hoạt động sau đây thể hiện sự hỗ trợ nâng cao năng lực của Cục Chăn nuôi để xây dựng kế hoạch và tư vấn về vấn đề quy hoạch lại ngành Chăn nuôi bền vững về mặt xã hội và môi trường. Trong khi trọng tâm của các đề xuất liên quan đến vấn đề quy hoạch lại ngành Chăn nuôi thì các hoạt động cũng đóng góp vào sự phát triển quá trình tái cơ cấu dài hạn. Dự kiến các hoạt động này sẽ được sự hỗ trợ của các bên tài trợ:

<1> Lập kế hoạch, thẩm định và thực hiện thí điểm các kế hoạch phát triển ngành Chăn nuôi gia cầm đáp ứng được các tiêu chí về kinh tế, xã hội và môi trường.

- D.1. Đánh giá kế hoạch quy hoạch lại ngành gia cầm hiện tại: lập bản đồ vùng có nguy cơ, rà soát các văn bản pháp chế về đánh giá tác động xã hội và xem xét lại các quá trình lập kế hoạch. Công tác này sẽ cho ra một cơ cấu tổng thể cho kế hoạch quốc gia bền vững cùng với các kế hoạch bền vững khác.
- D.2. Xem xét các quy định về chăn nuôi và tiêu thụ gia cầm. Hoạt động này sẽ cho biết đã có những quy định cần thiết để giảm bớt hoạt động chăn nuôi gia cầm ở vùng có nguy cơ cao và thúc đẩy ở những nơi khác.
- D.3. Đánh giá tác động của các quy định về an toàn sinh học và những hoạt động đã tiến hành cho tới nay. Các quy định về an toàn sinh học đã ban hành để khống chế dịch cúm gia cầm độc lực cao đã làm thay đổi cơ chế chuỗi thị trường (từ nhà sản xuất tới người tiêu dùng) nhưng tác động đầy đủ thì vẫn chưa được biết. Một số chợ đã được di chuyển và tác động của việc di chuyển địa điểm thì chưa được đánh giá.
- D.4. Đánh giá và thẩm định (về kỹ thuật, kinh tế, xã hội và môi trường) kế hoạch các tỉnh về phát triển chăn nuôi gia cầm ở: (a) 3 tỉnh; xây dựng hướng dẫn về đánh giá về mặt kỹ thuật, kinh tế, môi trường và xã hội đối với việc xây dựng trang trại mới, cơ sở giết mổ và chế biến mới. Hoạt động này đưa ra các bước chi tiết để Cục Chăn nuôi hướng dẫn và quy định về phát triển chăn nuôi gia cầm; và (b) 6 tỉnh: hoạt động này sẽ tiếp theo hoạt động 5 và do cán bộ Cục Chăn nuôi và cán bộ cấp tỉnh thực hiện.

- D.5. Nghiên cứu và kế hoạch thí điểm về an toàn sinh học, chăn nuôi và chế biến gia cầm hiệu quả và hợp lý. Hướng dẫn an toàn sinh học và hoạt động bền vững cho các quy mô chăn nuôi và chế biến khác nhau. Có rất ít hướng dẫn chi tiết hay các ví dụ thực tế về an toàn sinh học và chăn nuôi gia cầm quy mô nhỏ đem lại lợi nhuận, mặc dù đã có rất nhiều hướng dẫn cho các cơ sở quy mô lớn. Hoạt động này sẽ bù đắp chỗ thiếu hụt kiến thức đáng kể theo cách để sao cho các cơ sở quy mô nhỏ có thể tiếp tục tham gia vào chuỗi thị trường (từ nhà sản xuất tới người tiêu dùng) an toàn hơn về mặt sinh học và ở quy mô lớn.
- D.6. Hỗ trợ kiểm soát ô nhiễm môi trường ở trại và vùng chăn nuôi gà. Việc quy định xử lý chất thải từ trại chăn nuôi lợn đã được thực hiện nhưng đối với trang trại gia cầm thì chưa đáng kể. Việt Nam sẽ cần có cả các thí dụ thực tế và văn bản quy định để thúc đẩy việc chăn nuôi gia cầm không gây ô nhiễm môi trường, và cho tới khi có được các quy định đóng thuế “làm ô nhiễm môi trường” thì phải có hỗ trợ để khuyến khích người chăn nuôi giảm thiểu ô nhiễm.

<2> Hỗ trợ các phương kế sinh nhai khác

- D.7. Tập huấn và hỗ trợ phát triển nông thôn giúp cho người chăn nuôi gia cầm chuyển đổi ngành nghề ở 6 vùng. Hoạt động này bao gồm tập huấn về các hoạt động khác, nhưng chỉ tập huấn không thì chắc chắn là không đủ (như đã thấy ở Châu Âu). Đến một chừng mực có thể, cần liên hệ với các quá trình đa dạng hoá nông nghiệp và phát triển nông thôn khác.

<3> Xây dựng năng lực ở Cục Chăn nuôi

- D.8. Tập huấn/xây dựng năng lực trong Cục Chăn nuôi và Ban chăn nuôi xã. Thực hiện tập huấn và tổ chức tham quan học tập cho cán bộ Cục Chăn nuôi ở tất cả các cấp (trung ương, tỉnh và huyện) để nâng cao năng lực lập kế hoạch và tư vấn về phát triển khu vực chăn nuôi gia cầm. Tập huấn về an toàn sinh học, và chăn nuôi và tiêu thụ gia cầm một cách hiệu quả cho cán bộ, nhân viên ở cấp huyện và người hành nghề tư nhân ở cấp xã.

<4> Đầu tư của tư nhân về cơ sở hạ tầng

Các hoạt động liên quan đến kế hoạch rộng hơn và dài hạn hơn về quy hoạch lại ngành Chăn nuôi gia cầm đang được thảo luận trong Bộ NN&PTNT. Dự kiến những hoạt động này sẽ do khu vực tư nhân ở Việt Nam đầu tư với sự hỗ trợ tín

dụng của Nhà nước. Những hoạt động này không được đề xuất để xin tài trợ nhưng được đưa vào để thể hiện hỗ trợ đề xuất của Chính phủ:

- D.9. Di chuyển các trại giống gia cầm lớn của nhà nước ra khỏi khu vực đô thị và đưa ra hướng dẫn hoạt động rõ ràng về quản lý an toàn sinh học.
- D.10. Đầu tư vào các cơ sở chăn nuôi an toàn sinh học ở Khu vực B, trên cơ sở vốn vay từ các ngân hàng tư nhân và được xác nhận bằng ngân sách nhà nước. Có một khoản hỗ trợ trong kế hoạch của Chính phủ cho nhiều nhất là 10.000 hộ chăn nuôi nhưng mức độ hỗ trợ thực tế sẽ tùy thuộc vào điều kiện thị trường.
- D.11. Xây dựng 150 lò mổ bằng cách di chuyển địa điểm hoặc xây mới

E. Nâng cao nhận thức cộng đồng và thay đổi hành vi

Ngành Nông nghiệp sẽ dẫn đầu trong công tác tuyên truyền về thay đổi hành vi gắn liền với: (a) báo cáo kịp thời về dịch bệnh động vật; (b) cải thiện về an toàn sinh học trong chăn nuôi gia cầm; và (c) thực hành an toàn trong giết mổ, vận chuyển và tiêu thụ gia cầm. Ngành Nông nghiệp cũng sẽ đóng góp vào nỗ lực tuyên truyền về nguy cơ y tế cộng đồng (đặc biệt đối với người chăn nuôi và người nhà của họ) theo hướng dẫn của ngành Y tế. Trong Bộ NN&PTNT, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia (NAEC) chịu trách nhiệm tập huấn cho các cơ quan khuyến nông ở cấp tỉnh, huyện và xã. Trung tâm Khuyến nông cũng tham gia vào các chiến dịch tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về cúm gia cầm và xây dựng các tài liệu thông tin tuyên truyền với sự phối hợp với Cục Thú y và Cục Chăn nuôi.

Do nhu cầu thực hiện chương trình tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng và thay đổi hành vi dưới chiến lược tổng thể, chi phí các hoạt động đã được tính ở Phần I “Tăng cường các hoạt động điều phối” ước tính 4,2 triệu đô la Mỹ. Tuy nhiên, hầu hết những hoạt động này sẽ cần thực hiện theo ngành và dự tính là khoảng 40% giá trị này (1,7 triệu đô) sẽ do Bộ NN&PTNT quản lý.

PHỤ LỤC 3 – MÔ TẢ CHI TIẾT HOẠT ĐỘNG PHẦN III

KHÔNG CHẾ CÚM GIA CẦM VÀ CHUẨN BỊ ỨNG PHÓ ĐẠI DỊCH TRONG NGÀNH Y TẾ

A. Tăng cường năng lực Giám sát và Ứng phó

- A.1. Giám sát dịch bệnh ở người và Cảnh báo sớm: hoạt động trong phần này bao gồm cả đánh giá hệ thống giám sát thường xuyên quốc gia và tổ hội nghị/hội thảo nhằm tăng cường sự hợp tác giữa hai ngành Y tế và ngành Thú y
- A.2. Hệ thống cảnh báo sớm và Ứng phó dịch: các hoạt động bao gồm mua sắm trang thiết bị cho hệ thống giám sát đề xuất và đưa vào sử dụng năng lực ứng phó (bao gồm thu thập mẫu và vận chuyển), xây dựng và chỉ phí hoạt động và tập huấn
- A.3. Triển khai hoạt động nhóm Ứng phó; phần lớn bao gồm mua sắm trang thiết bị và xe, nhưng cũng có chi phí cho mua thuốc sát trùng
- A.4. Năng lực tuyến Tỉnh; bao gồm khối lượng công việc xây dựng cơ bản nhằm nâng cấp cơ sở hạ tầng, mua sắm xe, trang thiết bị và thực hiện tập huấn
- A.5. Năng lực tuyến Xã; bao gồm khối lượng công việc xây dựng cơ bản nhằm nâng cấp cơ sở hạ tầng
- A.6. Tăng cường năng lực sàng lọc bệnh tại cửa khẩu; bao gồm khối lượng công việc xây dựng cơ bản nhằm nâng cấp cơ sở hạ tầng (cửa khẩu), xây dựng tài liệu hướng dẫn, tăng cường năng lực giám sát và hệ thống báo cáo và tập huấn, hội nghị/hội thảo

B. Tăng cường năng lực Chẩn đoán

- B.1. Năng lực chẩn đoán: An toàn sinh học cấp III, phòng thí nghiệm an toàn sinh học cấp 2 di động, thiết bị phòng thí nghiệm tuyến tỉnh: các hoạt động bao gồm việc mua sắm trang thiết bị phòng thí nghiệm, (cả cho

phòng thí nghiệm di động), chỉnh sửa lại tài liệu hướng dẫn và thực hiện tập huấn

C. Tăng cường năng lực Hệ thống điều trị

- C.1. Đánh giá năng lực của hệ điều trị: hoạt động bao gồm đánh giá năng lực của hệ thống điều trị trong việc tiếp nhận một lượng lớn các ca lây nhiễm (và lập kế hoạch ứng phó với tình trạng quá tải) cùng với tập huấn và hội thảo
- C.2. Xây dựng năng lực hệ điều trị; hoạt động bao gồm cung ứng thiết bị cách ly và bệnh viện dã chiến, cùng với trang thiết bị để chắc chắn rằng có thể điều trị người bệnh với tiêu chuẩn cao (máy thở, cung cấp ô-xy v.v)

D. Tăng cường nghiên cứu

- D.1. Nghiên cứu về sự biến đổi gen của vi-rút cúm
- D.2. Nghiên cứu tiêu chuẩn dịch tễ, nhân tố rủi ro và các biện pháp dự phòng
- D.3. Nghiên cứu về điều trị
- D.4. Hỗ trợ sản xuất vắc xin
- D.5. Hỗ trợ nghiên cứu cúm gia cầm liên quan đến vi trùng
- D.6. Tổ chức hội thảo khoa học quốc gia hàng năm

E. Thay đổi nhận thức và hành vi của cộng đồng

Ngành Y tế sẽ giữ vai trò chủ đạo trong hoạt động thúc đẩy thay đổi hành vi kết hợp với: (a) báo cáo đúng hạn về dịch bệnh ở người; (b) nâng cao vệ sinh cá nhân và an toàn thực phẩm; và nếu đại dịch xảy ra: (c) phù hợp với những quy định của ngành Y tế; và (d) tăng cường ứng phó dịch nếu có sự lây nhiễm từ người sang người. Ngành Y tế cũng sẽ đóng góp công sức để tuyên truyền về sức khỏe vật nuôi trong hướng dẫn của ngành Nông nghiệp. Ở Bộ Y tế, hiện nay tiểu ban Tuyên truyền về Cúm gia cầm có nhiệm vụ phối hợp các hoạt động này; thông qua sự triển khai của Trung tâm Giáo dục Y tế, sử dụng các nhà sư phạm y tế ở cấp quốc gia, tỉnh, huyện, xã và làng.

Vì việc cần thiết phải triển khai chương trình thay đổi nhận thức và hành vi cộng đồng trong khuôn khổ chiến lược chung, các hoạt động được dự tính trong Phần I “Tăng cường phối hợp hoạt động” vào khoảng 4.2 triệu đô la Mỹ. Tuy nhiên, phần lớn các hoạt động lại cần được triển khai theo từng ngành và ước tính có đến 40% của khoản tiền trên sẽ do Bộ Y tế quản lý (tương đương 1.7 triệu đô la Mỹ).

PHỤ LỤC 4 – BẢNG CHI PHÍ

Bảng 1 — Bảng chi phí chi tiết theo hợp phần

Đánh giá Nhu cầu Quốc gia cho

Kiểm soát Cúm Gia cầm và Chuẩn bị ứng phó đại dịch ở người

Đoàn Công tác đánh giá chung tại Việt Nam, tháng Tư 2006

	Chi phí Cơ bản (US\$'000)						Chi phí bao gồm Dự phòng (US\$'000)			
	2006	2007	2008	2009	2010	Tổng	Chi phí chưa		Thuế và	
							Tỷ giá	có thuế tại VII	thuế nhập khẩu	Tổng số
Hợp phần 1: Tăng cường hoạt động điều phối										
I. A. Chuẩn bị cấp Quốc gia										
I.A.1. Kế hoạch chiến lược cho Ngành Thú y	44	24	-	-	-	68	-	66	3	69
I.A.2. Kế hoạch hành động quốc gia về Kiểm soát Cúm gia cầm và Phòng chống cúm ở người	19	16	-	-	-	35	-	34	2	36
I.A.3. Kế hoạch hoạt động mua sắm dự trữ thuốc sát trùng và vật tư tiêu hao khác	19	16	-	-	-	35	-	34	2	36
I.A.4. Thực hiện diễn tập Mô hình thử nghiệm của ngành Y tế	196	196	-	-	-	392	303	90	5	398
I.A.5. Tổ chức Hội nghị Quốc gia để mở rộng Kế hoạch ngành Y tế	20	20	20	-	-	60	19	41	3	63
I. B. Xây dựng Chiến lược và Chính sách										
I.B.1. Hỗ trợ ban hành kịp thời Luật Y tế	67	11	-	-	-	78	4	71	4	79
I.B.2. Hỗ trợ điều chỉnh văn bản pháp luật ngành Thú y	17	11	-	-	-	28	1	26	1	29
I.B.2. Hỗ trợ quy định cách ly	17	11	-	-	-	28	1	26	1	29
I.C. Điều phối hoạt động và Quản lý Chương trình										
I.C.1. Hỗ trợ điều phối hoạt động cấp Trung ương và địa phương	250	250	250	250	250	1,250	-	1,330	70	1,400
I.C.2. Chi phí điều phối hoạt động Chương trình Thú y tại 64 tỉnh thành	300	606	300	300	300	1,806	1,566	-	344	1,910
I.C.3. Chi phí điều phối hoạt động Chương trình Y tế tại Trung ương và 64 tỉnh thành	350	350	350	-	-	1,050	1,071	-	-	1,071
I.C.4. Hỗ trợ điều phối hoạt động các nhà tài trợ	250	150	150	150	150	850	-	893	47	940
I.C.5. Hỗ trợ cho các nhóm làm việc	150	150	150	-	-	450	-	453	24	477
I.D. Thông tin và Nhận thức cộng đồng	2,360	920	920	-	-	4,200	4	4,143	218	4,366
I.E. Giám sát và Đánh giá Chương trình	-	450	450	450	450	1,800	640	1,291	80	2,010
I. F. Hỗ trợ hoạt động vùng và các cơ quan quốc tế	3,738	3,678	3,678	3,194	3,194	17,482	16,115	2,064	129	18,307
Cộng	7,797	6,859	6,268	4,344	4,344	29,612	19,724	10,562	933	31,219

Đánh giá Nhu cầu Quốc gia cho

Kiểm soát Cúm Gia cầm và Chuẩn bị ứng phó đại dịch ở người

Đoàn Công tác đánh giá chung tại Việt Nam, tháng Tư 2006

							Chi phí bao gồm Dự phòng (US\$'000)			
Chi phí Cơ bản (US\$'000)							Chi phí chưa		Thuế và	
2006	2007	2008	2009	2010	Tổng	Tỷ giá	có thuế tại VN	thuế nhập khẩu	Tổng số	
Hợp phần 2: Khống chế và Thanh toán Cúm gia cầm độc lực cao trong ngành Nông nghiệp										
II. A. Tăng cường năng lực ngành Thú y										
II. A1. Đánh giá năng lực hiện tại của các phòng thí nghiệm	8,047	7,109	6,518	4,594	4,594	30,862	21,024	10,562	933	34,126
II. A2. Xây dựng phòng thí nghiệm	7,130	7,212	6,702	6,198	6,198	33,440	29,382	5,428	307	35,117
II. A3. Mua sắm trang thiết bị cho phòng thí nghiệm	1,300	1,400	1,400	900	900	5,900	3,052	2,874	400	6,326
II. A4. Tập huấn nhân viên phòng thí nghiệm	7,947	6,859	6,268	4,344	4,344	29,762	19,874	10,562	933	26,661
II. A5. Xây dựng Đảm bảo Chất lượng liên phòng thí nghiệm	30	20	-	-	-	50	-	49	3	51
II. A6. Mua sắm phương tiện	-	6,500	-	-	-	6,500	3,175	4,237	390	7,802
II. A7. Đào tạo chuyên viên (nâng cao năng lực dịch tễ học)	-	850	850	850	850	3,400	2,910	546	182	3,638
II. A8. Tập huấn nâng cao năng lực báo cáo dịch bệnh và phân tích số liệu	-	2,300	-	-	-	2,300	1,256	1,005	251	2,512
II. B. Kiểm soát Dịch bệnh										
Nghiên cứu dịch bệnh										
II.B1. Thành lập và Duy trì cán bộ có thể Ứng phó với Ô dịch	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
II.B2. Hỗ trợ Bác sĩ thú y như nguồn thông tin đầu tiên về Ô dịch	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
II.B3. Quý hoạt động cho Đội nghiên cứu tuyến Tỉnh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
II.B4. Chi phí lấy mẫu	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
II.B5. Nghiên cứu phân lập vi-rút	250	1,025	-	-	-	1,275	691	-	691	1,382
II.B6. Nghiên cứu đồng thời mối quan hệ giữa gia cầm và các trường hợp lây nhiễm ở người	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Kiểm soát Ô dịch										
II.B7. Tiêu hủy gia cầm nhiễm bệnh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
II.B8. Đền bù cho người chăn nuôi	10	10	10	10	10	48	-	51	3	54
II.B9. Tập huấn về tiêu hủy	20	10	10	10	10	60	32	29	3	64
II.B10. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật xê lý chất thải gia cầm đảm bảo an toàn sinh học	600	600	600	600	600	3,000	-	3,192	168	3,360
Tiêm phòng										
II.B11. Đối tượng tiêm phòng	1,000	1,000	400	400	400	3,200	-	3,302	174	3,476
II.B12. Trang thiết bị tiêm phòng	250	250	250	250	260	1,260	-	1,342	71	1,412
II.B13. Tập huấn người tiêm phòng	170	170	170	170	170	850	-	904	48	952
II.B14. Thùng lạnh bảo quản thuốc tiêm phòng	35	35	35	35	35	175	-	186	10	196
II.B15. Phát triển thuốc tiêm phòng tại Việt Nam	3,020	2,720	2,620	2,620	2,620	13,600	-	25,619	59	25,678
Cách ly và Kiểm soát Vận chuyển										
II.B16. Cách ly và Kiểm soát Vận chuyển	30	30	-	-	-	60	-	59	3	62
II.B17. Tập huấn cán bộ đảm trách Cách ly và Kiểm soát Vận chuyển	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
II.B18. Trang thiết bị cho cán bộ đảm trách Cách ly và Kiểm soát Vận chuyển	5,000	4,000	3,000	3,000	3,000	18,000	29,522	-	3,280	32,802
Kiểm soát vận chuyển qua đường biên quốc tế										
II.B19. Tập huấn cán bộ đường biên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
II.B20. Thiết bị bảo hộ cá nhân cho cán bộ đường biên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
II.B21. Tịch thu gia cầm nhập lậu (Cục Thú Y)	-	600	-	-	-	600	328	262	66	655
II.B22. Tiêu hủy gia cầm nhập lậu (Cục Quản lý Thị trường)	-	500	-	-	-	500	273	218	55	546
II.B23. Phân tích nguy cơ từ gia cầm nhập lậu	535	535	452	-	-	1,521	1,064	419	140	1,624
II.B24. Thực hiện biện pháp hạn chế rủi ro do chim di trú	400	400	400	400	400	2,000	-	2,240	-	2,240
II.B25. Nghiên cứu cơ chế hình thành khu vực an toàn dịch bệnh	100	100	100	100	100	500	-	532	28	560
II. C. Giám sát và Nghiên cứu Dịch tễ										
II. C1. Giám sát chợ và hệ thống giết mổ	100	100	-	-	-	200	191	-	21	213
II. C2. Thu thập mẫu máu cho công tác giám sát sau tiêm phòng	50	40	-	-	-	90	-	88	5	92
II. C3. Thực hiện nghiên cứu Thú y										
II. C3.a Nghiên cứu nhận dạng rủi ro ở những khu vực khác nhau (nghiên cứu dịch tễ)	240	240	240	240	240	1,200	-	1,277	67	1,344
II. C3.b Vai trò của chim hoang trong lây truyền bệnh	100	-	-	-	-	100	-	95	5	100
II. C3.c Thử nghiệm các nông trại thuộc khu vực 1 và 2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
II. D. Tái cấu trúc ngành Chăn nuôi										
II.D.1. Phát triển chăn nuôi theo hướng công nghiệp và giảm chăn nuôi quy mô nhỏ	400	200	100	100	100	900	-	918	48	966
II.D.2. Nghiên cứu quy hoạch lại ngành chăn nuôi										
II. D2.a Điều chỉnh kế hoạch tái cấu trúc ngành chăn nuôi	-	1,145	521	108	-	1,774	-	1,925	-	1,925
II. D2.b Điều chỉnh quy định về chăn nuôi và buôn bán	-	45	-	-	-	45	-	45	2	48
II. D2.c Xem xét ảnh hưởng của quy định an toàn sinh học	20	20	20	20	20	100	-	106	6	112
II. D2.d Xem xét và Đánh giá kế hoạch phát triển ngành chăn nuôi ở 9 tỉnh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
II. D2.e Nghiên cứu và thử nghiệm mô hình chăn nuôi phù hợp an toàn sinh học	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
II. D2.f Nghiên cứu về kiểm soát ô nhiễm môi trường	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
II. D3. Tập huấn và phát triển nông thôn (10 khóa, tài liệu)	9	-	-	-	-	9	-	9	0	9
II. D4. Tập huấn cho Cục Chăn Nuôi (tham quan học tập, đa dạng tập huấn)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Cộng	36,792	46,024	30,665	24,949	24,851	163,281	112,774	78,081	8,350	196,104
	- / -									

Đánh giá Nhu cầu Quốc gia cho

Kiểm soát Cúm Gia cầm và Chuẩn bị ứng phó đại dịch ở người

Đoàn Công tác đánh giá chung tại Việt Nam, tháng Tư 2006

	Chi phí Cơ bản (US\$'000)						Chi phí bao gồm Dự phòng (US\$'000)			
	2006	2007	2008	2009	2010	Tổng	Chi phí chưa		Thuế và	
							Tỷ giá	có thuế tại VII	thuế nhập khẩu	Tổng số
Hợp phần 3: Phòng chống Cúm gia cầm độc lực cao và Chuẩn bị đại dịch trong ngành Y tế										
III. A. Tăng cường Giám sát và Ứng phó										
III. A.1. Giám sát bệnh dịch ở người và Cảnh báo sớm	110	56	56	20	26	268	137	140	7	284
III. A.2. Hệ thống Cảnh báo và Đáp ứng bệnh dịch sớm	500	2,058	1,186	400	200	4,344	1,160	3,420	79	4,659
III. A.3. Triển khai hoạt động nhóm Ứng phó	20	20	20	20	20	100	-	106	6	112
III. A.4. Năng lực tuyến Tỉnh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
III. A.5. Năng lực tuyến Xã	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
III. A.6. Tăng cường năng lực sàng lọc bệnh tại cửa khẩu	192	90	-	-	-	282	227	54	3	284
III. B. Tăng cường năng lực Chẩn đoán										
III. B.1. Năng lực chẩn đoán: An toàn sinh học cấp III, phòng thí nghiệm an toàn sinh học cấp 2 di động, máy giải mã gen, thiết bị phòng thí nghiệm tuyến tỉnh	-	2,383	2,377	2,078	310	7,148	577	7,045	366	7,987
III. C. Tăng cường năng lực Hệ Điều trị										
III. C.1. Đánh giá năng lực của hệ điều trị	8,161	18,366	5,537	3,453	3,041	38,559	42,268	8,146	5,105	88,201
III. C.2. Xây dựng năng lực của hệ điều trị	33,765	61,048	31,739	28,763	24,659	179,974	89,616	153,867	13,856	257,338
III. D. Tăng cường nghiên cứu										
III. D.1. Nghiên cứu về sự biến đổi gen của vi-rút cúm	110	110	50	50	50	370	61	325	17	402
III. D.2. Nghiên cứu tiêu chuẩn dịch tễ, nhân tố rủi ro và các biện pháp dự phòng	-	3,120	-	-	-	3,120	1,704	-	1,704	3,407
III. D.3. Nghiên cứu về điều trị	285	195	180	180	-	840	832	29	2	862
III. D.4. Hỗ trợ sản xuất thuốc tiêm phòng	100	100	640	600	600	2,040	-	2,256	119	2,375
III. D.5. Hỗ trợ nghiên cứu cúm gia cầm liên quan đến vi trùng	390	420	430	390	390	2,020	-	2,148	113	2,261
III. D.6. Tổ chức hội thảo khoa học quốc gia hàng năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
III. D.7. Tập huấn	6,395	-	-	-	-	6,395	3,355	988	2,367	6,710
III. D.8. Hỗ trợ kỹ thuật và nghiên cứu (thuộc Chương trình chung)	200	200	200	200	200	1,000	-	1,064	56	1,120
Cộng	50,227	88,166	42,416	36,153	29,496	246,460	139,936	179,585	23,798	376,002
Tổng số	75,552	62,690	28,500	22,537	20,300	209,579	122,370	108,921	18,754	250,045

Bảng 2 – Hoạt động trong ngành Y tế với ưu tiên thứ 2 trong Sách Xanh

**Ngân sách giai
đoạn 2006-2010
(US\$'000)**

A Tăng cường Giám sát và Ứng phó	
A4 Năng lực tuyến Tỉnh	
Xây dựng cơ bản (nâng cấp cơ sở hạ tầng tuyến Huyện)	135,000
Trang thiết bị và Phương tiện (Trang thiết bị cho tuyến Huyện)	54,000
A5 Năng lực tuyến Xã	
Xây dựng cơ bản (nâng cấp cơ sở hạ tầng 100 xã)	7,000
Tiểu khoản	196,000
B Tăng cường năng lực Chẩn đoán	
Năng lực chẩn đoán: An toàn sinh học cấp III, phòng thí nghiệm an toàn sinh học cấp 2 di động, máy giải mã gen, thiết bị phòng thí nghiệm tuyến huyện	
B1	
Trang thiết bị và Phương tiện (phòng thí nghiệm an toàn sinh học cấp 2 di động cho mỗi Viện Vệ sinh Dịch tễ)	700
Trang thiết bị và Phương tiện (máy giải mã gen quốc gia cấp 2 cho: Viện Vệ sinh Dịch tễ, Viện Pasteur HCM)	400
Trang thiết bị và Phương tiện (Sprayers for H2O2)	400
Trang thiết bị và Phương tiện (Hệ thống Real Time PCR cho Viện Nha Trang và Cao Nguyên)	440
Tiểu khoản	1,940
C Tăng cường năng lực Hệ Điều trị	
C2 Xây dựng năng lực hệ điều trị	
Trang thiết bị và Phương tiện (CPAP cho mỗi bệnh viện tuyến huyện: 3 bộ x 672 bệnh viện)	14,100
Trang thiết bị và Phương tiện (Thiết bị phòng thí nghiệm: haematology analyzers x 50, ozone machines x 118)	1,600
Trang thiết bị và Phương tiện (Xe cứu thương: mỗi bệnh viện 1 chiếc x 118)	5,900
Tiểu khoản	21,600
D Tăng cường nghiên cứu	
D7 Giáo dục và Đào tạo	
Đào tạo sau Đại học (4 Tiến sĩ ngành sinh học phân tử, 4 Tiến sĩ dịch tễ học về cúm, 10 thạc sĩ dịch tễ và vi sinh)	2,175
Đào tạo sau Đại học (10 tiến sĩ và 20 thạc sĩ, 20 bác sĩ chuyên khoa cấp 1 về bệnh truyền nhiễm)	500
Tiểu khoản	2,675

Bảng 3 – Khu vực kinh tế ngoài quốc doanh tiềm năng và vốn ngân sách đầu tư cho phát triển ngành Chăn nuôi

Mô tả hoạt động	Chi phí theo đô la Mỹ US\$ '000	Năm			
		1	2	3	4
Tái di dời 15 nông trại chăn nuôi, trị giá mỗi nông trại 150,000 đô la Mỹ	2,250	450	900	900	
Khu vực kinh tế ngoài quốc doanh đóng góp vào vốn cho vay tái di dời 10,000 nông trại	172,200		57,400	57,400	57,400
Chính phủ trợ cấp vốn vay việc di dời 10,000 nông trại	7,800		2,600	2,600	2,600
Vốn vay cho di dời các lò giết mổ	45,000		10,000	15,000	20,000
Tổng số	227,250	450	70,900	75,900	80,000